



VĂN PHÒNG QUỐC HỘI
THƯ VIỆN QUỐC HỘI

**ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI
TRONG QUY TRÌNH QUYẾT ĐỊNH
CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC**



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN



**ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TRONG
QUY TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ
QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC**

(Sách tham khảo)



Copyright © 2021 TVQH

Bản quyền cuốn sách này thuộc về Thư viện Quốc hội

Việc sử dụng mọi thông tin trong cuốn sách này phải tuân thủ theo các quy định của pháp luật về bản quyền.



VĂN PHÒNG QUỐC HỘI
THƯ VIỆN QUỐC HỘI

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TRONG QUY TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

CHỈ ĐẠO BIÊN SOẠN

Phạm Đình Toàn – Nguyễn Thị Thúy Ngân
– Nguyễn Mạnh Hùng

BIÊN SOẠN

Lê Hoàng Anh (Chủ biên)

Nguyễn Thị Lê Na

Trần Kim Chi

Lê Hữu Nam

Trịnh Ngọc Cường

Nguyễn Minh Tân

Dương Thùy Dung

Trần Thị Thúy

Nguyễn Thị Hải Hà

Lê Hà Vũ

Nguyễn Thanh Hải

CHUYÊN GIA PHẢN BIỆN, GÓP Ý

Ông Bùi Đăng Dũng	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Tài chính – Ngân sách, Quốc hội khóa XIV
Ông Bùi Sĩ Lợi	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Về các vấn đề xã hội, Quốc hội khóa XIV
Ông Ngô Trung Thành	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Pháp luật, Quốc hội khóa XIV
Ông Nguyễn Minh Sơn	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Kinh tế, Quốc hội khóa XIV
Ông Ngô Quang Xuân	Phó Chủ nhiệm Ủy ban Đối ngoại, Quốc hội khóa XII, Nguyên Đại sứ Việt Nam tại Liên hợp Quốc
Ông Nguyễn Mai Bộ	Ủy viên thường trực, Ủy ban Quốc phòng và An ninh, Quốc hội khóa XIV
Bà Trần Thị Quốc Khánh	Ủy viên thường trực, Ủy ban Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Quốc hội khóa XIV
Ông Phan Việt Lượng	Ủy viên thường trực, Ủy ban Văn hóa, Giáo dục, Thanh niên, Thiếu niên và Nhi đồng, Quốc hội khóa XIV
Ông Đặng Xuân Phương	ĐBQH khóa XIV, Phó Trưởng ban Công tác đại biểu thuộc UBTVQH
Đinh Ngọc Quý	Vụ trưởng Vụ Các vấn đề xã hội, Văn phòng Quốc hội

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1. ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TRONG QUY TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC..... 17

1. Tổng quan về quy trình quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước 17

1.1 Vấn đề quan trọng của đất nước thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội 17

1.2 Quy trình chung Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước..... 21

2. Quốc hội quyết định Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế..... 23

3. Quy trình quyết định các vấn đề về tài chính – ngân sách nhà nước.....29

3.1 Quy trình Quốc hội quyết định Kế hoạch tài chính 5 năm.....29

3.2. Quy trình Quốc hội quyết định dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ NSTW hằng năm 35

3.3. Quy trình Quốc hội phê chuẩn quyết toán ngân sách nhà nước 41

4. Quy trình quyết định Kế hoạch đầu tư công..... 46

4.1 Quy trình Quốc hội quyết định Kế hoạch ĐTC trung hạn 46

4.2 Quy trình Quốc hội quyết định Kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn ngân sách nhà nước 52

5. Quy trình quyết định chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia..... 56

5.1 Quy trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG 56

5.2 Quy trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia 67

6. Quy trình Quốc hội phê chuẩn, quyết định các vấn đề đối ngoại.....72

6.1 Quy trình Quốc hội xem xét, phê chuẩn ĐƯQT 74

6.2 Quy trình Quốc hội quyết định gia nhập ĐƯQT 79

6.3 Quy trình sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT 85

6.4 Quy trình Quốc hội chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT	89
6.5 Quy trình Quốc hội quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài	93
6.6 Quy trình Quốc hội quyết định rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐƯQT	96
7. Quy trình bầu, phê chuẩn các chức danh lãnh đạo nhà nước....	99
7.1 Quy trình Quốc hội bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó chủ tịch Quốc hội, Ủy viên UBTVQH	103
7.2 Quy trình Quốc hội bầu Chủ tịch nước.....	105
7.3 Quy trình Quốc hội bầu Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao.....	106
7.4 Quy trình Quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Thư ký Quốc hội, Chủ tịch HĐDT, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán Nhà nước.....	109
7.5. Quy trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ	110
7.6 Quy trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng quốc phòng và an ninh.....	111
7.7. Quy trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị của của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao về việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao	112
7.8 Quy trình Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia về danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia.....	113
8. Quy trình quyết định một số vấn đề quan trọng khác của đất nước.....	114
8.1 Quy trình Quy trình quyết định quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia.....	115
8.2 Quy trình quyết định đại xá.....	118
8.3 Quy trình quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình.....	121

8.4 Quy trình quyết định ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử ĐBQH, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp	123
8.5 Quy trình quyết định việc bầu cử bổ sung ĐBQH trong thời gian giữa nhiệm kỳ	125
8.6 Quy trình quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Quốc hội	127
8.7 Quy trình tổ chức trưng cầu ý dân	129
CHƯƠNG 2. SỰ THAM GIA CỦA ĐBQH VÀ MỘT SỐ KỸ NĂNG, CƠ CHẾ HỖ TRỢ ĐBQH TRONG QUYẾT ĐỊNH CÁC VĐQTCĐN	133
1. Nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội khi tham gia hoạt động quyết định các VĐQTCĐN	133
2. Một số kỹ năng cần thiết của đại biểu Quốc hội khi thực hiện nhiệm vụ quyết định các VĐQTCĐN	135
2.1 Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin trong hoạt động quyết định những VĐQTCĐN	135
2.2 Kỹ năng trình bày, phát biểu ý kiến	137
2.3. Nắm vững quy trình, thủ tục.....	140
2.4. Kỹ năng tạo sự ủng hộ.....	140
2.5. Gắn kết công tác quyết định các VĐQTCĐN với công tác lập pháp, giám sát	141
2.6. Một số nội dung cần chú ý khi tham gia công tác quyết định các VĐQTCĐN.....	142
3. Hỗ trợ ĐBQH trong quá trình thực hiện nhiệm vụ quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước	145
3.1. Hỗ trợ về kiến thức, kỹ năng.....	145
3.2. Hỗ trợ về báo chí, truyền thông.....	145
3.3. Hỗ trợ về thông tin tham khảo.....	146
3.4. Hỗ trợ về phương diện tài chính.....	152
3.5. Cơ quan hỗ trợ đại biểu Quốc hội trong hoạt động quyết định các VĐQTCĐN.....	154
3.6. Hỗ trợ về hành chính	159
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	160

CÁC MINH HOẠ



Sơ đồ 1. VĐQTCĐN do QH quyết định.....	20
Sơ đồ 2. Quy trình chung Quốc hội quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước	22
Sơ đồ 3. Quy trình QH quyết định Kế hoạch phát triển KT-XH, hằng năm; Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế.....	24
Sơ đồ 4. Quy trình QH quyết định Kế hoạch tài chính 05 năm...31	
Sơ đồ 5. Quy trình QH quyết định dự toán NSNN, phân bổ NSTW hằng năm	36
Sơ đồ 6. Quy trình QH phê chuẩn quyết toán NSNN	42
Sơ đồ 7. Quy trình QH quyết định Kế hoạch ĐTC trung hạn	47
Sơ đồ 8. Quy trình QH quyết định Kế hoạch ĐTC hằng năm vốn NSNN.....	54
Sơ đồ 9. Nội dung Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư	57
Sơ đồ 10. Quy trình QH quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG tại một kỳ họp.....	59
Sơ đồ 11. Quy trình QH quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG tại một nhiều kỳ họp	61
Sơ đồ 12. Quy trình QH quyết định chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia tại một kỳ họp.....	68
Sơ đồ 13. Quy trình QH quyết định chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia tại nhiều kỳ họp	70
Sơ đồ 14. Quy trình đàm phán, ký kết, phê chuẩn ĐƯQT.....	73
Sơ đồ 15. ĐƯQT thuộc thẩm quyền QH phê chuẩn.....	74
Sơ đồ 16. Quy trình QH phê chuẩn ĐƯQT.....	75
Sơ đồ 17. Quy trình QH quyết định gia nhập ĐƯQT	81

Sơ đồ 18. Quy trình sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT	87
Sơ đồ 19. Quy trình QH quyết định chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT	91
Sơ đồ 20. Quy trình QH quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài.....	94
Sơ đồ 21. Quy trình QH quyết định rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐƯQT.....	97
Sơ đồ 22. Quy trình chung QH bầu các chức danh trong bộ máy Nhà nước	100
Sơ đồ 23. Quy trình chung QH phê chuẩn các chức danh trong bộ máy Nhà nước	102
Sơ đồ 24. Quy trình QH quyết định quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia	116
Sơ đồ 25. Quy trình QH Quyết định đại xá.....	119
Sơ đồ 26. Quy trình QH quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình	122
Sơ đồ 27. Quy trình QH quyết định ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử ĐBQH, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.....	124
Sơ đồ 28. Quy trình QH quyết định bầu cử ĐBQH bổ sung.....	126
Sơ đồ 29. Quy trình quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của QH	128
Sơ đồ 30. Quy trình QH quyết định trưng cầu ý dân.....	131
Sơ đồ 31. Một số lưu ý khi tham gia thảo luận tại kỳ họp	139
Sơ đồ 32. Quy trình cung cấp thông tin theo yêu cầu.....	147
Sơ đồ 33. Các cơ quan hỗ trợ ĐBQH trong hoạt động quyết định CVĐQTCĐN.....	155

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT



Thứ tự	Chữ viết tắt	Nghĩa đầy đủ
1	UBTVQH	Ủy ban Thường vụ Quốc hội
2	TTKQH	Tổng Thư ký Quốc hội
3	VPQH	Văn phòng Quốc hội
4	ĐBQH	Đại biểu Quốc hội
5	HĐDT	Hội đồng Dân tộc
6	TCNS	Tài chính ngân sách
7	VĐQTCĐN	Vấn đề quan trọng của đất nước
8	NSNN	Ngân sách nhà nước
9	NSTW	Ngân sách Trung ương
10	NSDP	Ngân sách địa phương
11	KT-XH	Kinh tế - xã hội
12	KH&ĐT	Kế hoạch và Đầu tư
13	ĐTC	Đầu tư công
14	CTMTQG	Chương trình mục tiêu Quốc gia
15	ĐƯQT	Điều ước quốc tế

LỜI GIỚI THIỆU

Theo quy định của pháp luật, việc tổ chức và hoạt động của Quốc hội được tiến hành theo những quy trình riêng. Trong đó, mỗi quy trình sẽ gồm có nhiều bước, nhiều giai đoạn khác nhau được tiến hành theo một trình tự chặt chẽ, nghiêm ngặt. Mỗi bước, mỗi giai đoạn lại gồm nhiều nhiệm vụ và có sự tham gia thực hiện của nhiều chủ thể khác nhau. Do đó, một yêu cầu đặt ra đối với các chủ thể tham gia vào các hoạt động của Quốc hội, trong đó có các đại biểu Quốc hội là cần nắm bắt và thực hiện đầy đủ các quy định trong các quy trình này. Việc hiểu và nắm rõ về quy trình giúp cho đại biểu Quốc hội phát huy vai trò của mình trong hoạt động của Quốc hội.

Để tạo thuận lợi cho các đại biểu Quốc hội khóa XV trong việc thực hiện nhiệm vụ đại biểu của mình, nhất là những đại biểu Quốc hội lần đầu tham gia hoạt động của Quốc hội, góp phần tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của Quốc hội, Thư viện Quốc hội đã chủ động biên soạn Bộ ấn phẩm về quy trình hoạt động của Quốc hội gồm có: (i) *Đại biểu Quốc hội trong quy trình lập pháp*; (ii) *Đại biểu Quốc hội trong quy trình giám sát*; và (iii) *Đại biểu Quốc hội trong quy trình quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước*; cùng với đó là ấn phẩm (2 tập) *Văn bản quy phạm pháp luật về hoạt động của Quốc hội và đại biểu Quốc hội*.

Đây là Bộ ấn phẩm được biên soạn công phu, kết hợp giữa việc khái quát ngắn gọn nội dung với việc thiết kế đồ họa đã thể hiện các quy định của pháp luật hiện hành thành các quy trình sinh động, dễ hiểu. Hơn nữa, Bộ ấn phẩm cũng giới thiệu những nét cơ bản về vai trò, nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội, cũng như các kỹ năng của đại biểu Quốc hội cần có, cơ chế hỗ trợ đại biểu trong quá trình hoạt động và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Tôi xin trân trọng giới thiệu đến các vị đại biểu Quốc hội Bộ ấn phẩm trên. Hy vọng rằng, bộ ấn phẩm này sẽ mang tới những thông tin tham khảo hữu ích và sự thuận lợi trong quá trình tra cứu giúp cho các vị đại biểu Quốc hội thực hiện tốt vai trò, vị trí “là người đại diện cho ý chí, nguyện vọng của Nhân dân... thay mặt Nhân dân thực hiện quyền lực Nhà nước trong Quốc hội”.

Trân trọng giới thiệu!



TS. Bùi Văn Cường
ỦY VIÊN BCH TRUNG ƯƠNG ĐẢNG
TỔNG THƯ KÝ QUỐC HỘI

LỜI TỰA

Theo quy định của Hiến pháp và Luật Tổ chức Quốc hội, bên cạnh chức năng lập pháp và giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước, Quốc hội còn thực hiện thẩm quyền quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Trong suốt chiều dài lịch sử phát triển của mình, trên cơ sở thảo luận kỹ lưỡng, cân nhắc thận trọng, khẳng định tính đúng đắn, sự cần thiết của vấn đề, Quốc hội đã có nhiều quyết định quan trọng liên quan đến vận mệnh quốc gia, dân tộc và sự phát triển bền vững của đất nước. Các vấn đề được Quốc hội quyết định đều dựa trên ý chí và nguyện vọng của nhân dân, bảo đảm tốt nhất cho lợi ích của đất nước đã góp phần nâng cao uy tín, vai trò của Quốc hội, thu hút được sự quan tâm, ủng hộ, đóng góp ý kiến xây dựng và củng cố niềm tin của cử tri, của nhân dân đối với Quốc hội.

Thư viện Quốc hội được thành lập và hoạt động theo xu hướng mô hình Thư viện Nghị viện các nước trên thế giới. Bên cạnh chức năng xây dựng, xử lý, lưu giữ, bảo quản, kết nối và phát triển tài nguyên thông tin phù hợp với người sử dụng thư viện như sách báo, tạp chí, ấn phẩm, tài liệu thì Thư viện Quốc hội còn có chức năng đặc thù chung của thư viện nghị viện nhiều nước trên thế giới và khác hẳn với các thư viện truyền thống, đó là chức năng tổ chức cung cấp thông tin hỗ trợ hoạt động của đại biểu Quốc hội và các cơ quan của Quốc hội.

Để chuẩn bị nguồn lực thông tin tham khảo cung cấp phục vụ đại biểu Quốc hội khóa XV, Thư viện Quốc hội với sự hỗ trợ kỹ thuật của Tổ chức Hanns Seidel Foundation (HFS) tại Việt Nam tổ chức biên soạn và xuất bản ấn phẩm ***“Đại biểu Quốc hội trong quy trình quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước”***. Ấn phẩm được biên soạn với mong muốn góp phần giúp đại biểu Quốc hội dễ dàng nắm bắt được các bước trong

từng giai đoạn của quá trình quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước. Bên cạnh đó, ấn phẩm giới thiệu một số kỹ năng, cách thức thực hiện, vai trò, nhiệm vụ của đại biểu Quốc hội trong từng bước, từng giai đoạn và một số cơ chế hỗ trợ đại biểu Quốc hội trong hoạt động quyết định vấn đề quan trọng của đất nước.

Ấn phẩm “*Đại biểu Quốc hội trong quy trình quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước*” được Thư viện Quốc hội thực hiện theo hình thức vừa giới thiệu nội dung cơ bản theo quy định của pháp luật hiện hành, vừa mô tả các quy trình Quốc hội quyết định vấn đề quan trọng của đất nước bằng các hình ảnh đồ họa sinh động, dễ hiểu.

Thư viện Quốc hội xin chân thành cảm ơn các vị đại biểu Quốc hội, các chuyên gia, các nhà khoa học đã tham gia biên soạn, đóng góp ý kiến cho nội dung Ấn phẩm và sự hỗ trợ kỹ thuật của Tổ chức Hanns Seidel Foundation (HFS) tại Việt Nam trong quá trình biên soạn và phát hành Ấn phẩm này.

Thư viện Quốc hội trân trọng gửi đến các vị đại biểu Quốc hội Ấn phẩm này với hy vọng sẽ mang lại những thông tin hữu ích với đại biểu Quốc hội. Trong quá trình biên soạn, chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, Thư viện Quốc hội rất mong nhận được các ý kiến nhận xét, góp ý của các vị đại biểu Quốc hội để hoàn thiện cho những lần tái bản sau.

Mọi thông tin liên hệ xin gửi về: *Thư viện Quốc hội - Văn phòng Quốc hội. Địa chỉ: Nhà Quốc hội, đường Độc Lập, quận Ba Đình, TP. Hà Nội.*

Email: thuvienquochoi@quochoi.vn;

Điện thoại: 080.41984; 080.41459.

THƯ VIỆN QUỐC HỘI

CHƯƠNG 1.

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TRONG QUY TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC

1. TỔNG QUAN VỀ QUY TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC

1.1 Vấn đề quan trọng của đất nước thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội

Theo quy định của pháp luật hiện hành, Quốc hội có chức năng quyết định các VĐQTCĐN. Các VĐQTCĐN thuộc thẩm quyền quyết định của Quốc hội, bao gồm:

(1) Quyết định các vấn đề quan trọng về KT-XH gồm: quyết định mục tiêu, chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản phát triển KT-XH dài hạn và hằng năm của đất nước; chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia; quyết định chính sách cơ bản về tài chính, tiền tệ quốc gia; quy định, sửa đổi hoặc bãi bỏ các thứ thuế; quyết định phân chia các khoản thu và nhiệm vụ chi giữa NSTW và NSDP; quyết định mức giới hạn an toàn nợ quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; quyết định dự toán NSNN và phân bổ NSTW, phê chuẩn quyết toán NSNN; Quốc hội quyết định chính sách dân tộc, chính sách tôn giáo, chính sách cơ bản về đối ngoại của Nhà nước;

(2) Bầu các chức danh trong bộ máy nhà nước gồm: Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các Ủy viên UBTVQH; Chủ tịch nước, Phó Chủ tịch nước; Chủ tịch HĐDT, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội trong số các ĐBQH theo đề nghị của UBTVQH; Thủ tướng Chính phủ trong số các ĐBQH theo đề nghị của Chủ tịch nước; Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao theo đề nghị của Chủ tịch nước; Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán Nhà nước, Tổng Thư ký Quốc hội theo đề nghị của UBTVQH;

(3) Phê chuẩn các chức danh trong bộ máy nhà nước: phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm các Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ theo danh sách đề cử chức vụ từng người; phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao về việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh theo đề nghị của Chủ tịch nước; phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia;

(4) Miễn nhiệm, bãi nhiệm, phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn;

(5) Quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính;

(6) Quyết định đại xá;

(7) Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình;

(8) Phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của ĐƯQT;

(9) Trưng cầu ý dân¹.

¹ Điều 7, 8, 9, 11, 14, 16, 17, 18, 19, Luật Tổ chức Quốc hội.

Quốc hội quyết định các VĐQTCĐN bằng việc ban hành nghị quyết. Nghị quyết của Quốc hội về những VĐQTCĐN là cơ sở pháp lý để các cơ quan Nhà nước triển khai thực hiện nhiệm vụ trên từng lĩnh vực, trong từng năm và từng giai đoạn, đồng thời, đó cũng là cơ sở để Quốc hội xem xét, đánh giá kết quả hoạt động của các cơ quan này và toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Các nghị quyết của Quốc hội liên quan đến quyết định các VĐQTCĐN là căn cứ bước đầu để hoàn thiện các nội dung về chính sách, pháp luật của Nhà nước đáp ứng các yêu cầu phát triển bền vững của đất nước trong từng giai đoạn lịch sử.

SƠ ĐỒ 1

VĐQTCĐN DO QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH



- 1 Quyết định các vấn đề quan trọng về KT-XH
- 2 Bầu các chức danh trong bộ máy Nhà nước
- 3 Phê chuẩn các chức danh trong bộ máy Nhà nước
- 4 Miễn nhiệm, bãi nhiệm, phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn
- 5 Quyết định thành lập, bãi bỏ cơ quan; thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới hành chính
- 6 Quyết định đại xá
- 7 Quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình
- 8 Phê chuẩn, quyết định gia nhập hoặc chấm dứt hiệu lực của ĐUQT
- 9 Trưng cầu ý dân

1.2 Quy trình chung Quốc hội hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước

Pháp luật hiện hành không quy định một quy trình chung cho hoạt động quyết định các VĐQTCĐN của Quốc hội. Quy trình Quốc hội quyết định về các vấn đề cụ thể như: quyết định Kế hoạch phát triển KT-XH hằng năm, 05 năm; quyết định các vấn đề về tài chính – ngân sách; quyết định Kế hoạch ĐTC; quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG, dự án quan trọng quốc gia; phê chuẩn, quyết định các vấn đề đối ngoại... được quy định trong Nội quy kỳ họp Quốc hội và các luật chuyên ngành... Tuy nhiên, quy trình chung Quốc hội quyết định các VĐQTCĐN gồm các bước cơ bản như sau:

- (i) Chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH, Quốc hội;
- (ii) Thẩm tra;
- (iii) UBTVQH cho ý kiến tại phiên họp của UBTVQH;
- (iv) Quốc hội xem xét, quyết định.

SƠ ĐỒ 2
QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH
VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC



- 1 Chuẩn bị hồ sơ**

Cơ quan có thẩm quyền/được phân công chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH, Quốc hội
- 2 Thẩm tra**
 - HĐDT, UB của Quốc hội được phân công chủ trì thẩm tra; tham gia thẩm tra
 - Xây dựng báo cáo thẩm tra trình UBTVQH, Quốc hội
- 3 UBTVQH xem xét, cho ý kiến**
 - Tại phiên họp của UBTVQH;
 - Trên cơ sở kết luận của UBTVQH, các cơ quan liên quan hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội
- 4 Quốc hội**
 - Quốc hội thảo luận
 - Biểu quyết thông qua nghị quyết

2. QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÀ KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ

Quy trình Quốc hội quyết định Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm, hằng năm và Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế bao gồm các giai đoạn cơ bản sau đây: (i) Chính phủ chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH, Quốc hội; (ii) Cơ quan chủ trì thẩm tra tổ chức thẩm tra; (iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến; (iv) Quốc hội xem xét, quyết định.

SƠ ĐỒ 3

QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN KT-XH 5 NĂM, HẰNG NĂM; KẾ HOẠCH CƠ CẤU LẠI NỀN KINH TẾ



1

Chính phủ chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH, Quốc hội

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm, hằng năm và dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm tiếp theo, năm tiếp theo; hoặc báo cáo kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế;
- Dự thảo Nghị quyết về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm, hằng năm; hoặc Dự thảo nghị quyết về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế.

2

Ủy ban Kinh tế chủ trì thẩm tra

- Tổ chức phiên họp Ủy ban để thẩm tra;
- Xây dựng báo cáo thẩm tra.

3

UBTVQH xem xét, cho ý kiến tại phiên họp

Theo trình tự:

- ✓ Chính phủ trình bày báo cáo;
- ✓ Ủy ban Kinh tế trình bày báo cáo thẩm tra;
- ✓ Thành viên UBTVQH thảo luận;
- ✓ Chủ tọa kết luận.

Trên cơ sở kết luận của UBTVQH, Chính phủ, Ủy ban Kinh tế hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội.

4

Quốc hội quyết định Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm, hằng năm; Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế tại kỳ họp Quốc hội:

- 1 Chính phủ trình bày Báo cáo và Dự thảo nghị quyết;
Trường hợp cần thiết, theo yêu cầu của UBTVQH, các cơ quan, tổ chức hữu quan báo cáo về lĩnh vực có liên quan;
- 2 Ủy ban Kinh tế của Quốc hội trình bày báo cáo thẩm tra;
- 3 Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH, tại HĐDT, các Ủy ban của Quốc hội;
Trong quá trình thảo luận, thành viên Chính phủ giải trình về những vấn đề liên quan đến các báo cáo, Dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu;
- 4 UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết. Chính phủ, Ủy ban Kinh tế phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết;
- 5 UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết;
- 6 Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm, hằng năm, Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế.

(i) Chính phủ chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH, Quốc hội

Về thời điểm Quốc hội xem xét, quyết định, theo quy định của khoản 2, khoản 4, Điều 45, Luật Tổ chức Quốc hội, Quốc hội quyết định Kế hoạch phát triển KT-XH hằng năm tại kỳ họp cuối năm trước¹. Tại kỳ họp giữa năm, trong trường hợp cần thiết, theo đề nghị của Chính phủ, Quốc hội điều chỉnh Kế hoạch phát triển KT-XH.

Đối với Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm, pháp luật hiện hành chưa có quy định cụ thể về thời điểm chính xác Quốc hội xem xét, quyết định. Tuy nhiên, trên thực tế, nội dung này thường được Quốc hội xem xét trong năm chuyển giao giữa nhiệm kỳ Quốc hội cũ và mới, có thể tại kỳ họp cuối cùng của Quốc hội khóa cũ hoặc tại kỳ họp thứ nhất/kỳ họp thứ hai của Quốc hội khóa mới.

Ngoài ra, vào kỳ họp cuối năm của năm thứ ba trong nhiệm kỳ Quốc hội, Quốc hội xem xét, thảo luận về Báo cáo đánh giá giữa kỳ kết quả thực hiện kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế.

Về hồ sơ: Chính phủ chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH, Quốc hội. Hồ sơ bao gồm: (1) Báo cáo của Chính phủ đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm, hằng năm và dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm tiếp theo, năm tiếp theo; báo cáo thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế; (2) Dự thảo nghị quyết về Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm, hằng năm; Dự thảo nghị quyết về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế.

Ủy ban Kinh tế chuẩn bị Báo cáo thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và Dự thảo nghị quyết; HĐDT, các Ủy ban khác của Quốc hội tham gia thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và Dự thảo

¹ Khoản 2, Điều 45, Nội quy kỳ họp Quốc hội, được ban hành kèm theo Nghị quyết số 102/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội

ng nghị quyết về những nội dung thuộc lĩnh vực HĐĐT, các Ủy ban khác phụ trách chuẩn bị Báo cáo trình UBTVQH, Quốc hội (nếu có). Các cơ quan, tổ chức hữu quan có liên quan chuẩn bị Báo cáo trình UBTVQH, Quốc hội.

(ii) Thẩm tra

Báo cáo của Chính phủ và Dự thảo nghị quyết được gửi tới Ủy ban Kinh tế¹ và các cơ quan tham gia thẩm tra để tổ chức thẩm tra. Sau khi nhận được hồ sơ, Ủy ban Kinh tế sẽ chủ trì, phối hợp với HĐĐT và các Ủy ban khác của Quốc hội thẩm tra. Ủy ban Kinh tế tổ chức phiên họp toàn thể để thẩm tra. Ủy ban Kinh tế có thể tổ chức phiên họp thường trực Ủy ban để thẩm tra sơ bộ.

Hoạt động thẩm tra tập trung vào các nội dung, vấn đề sau đây:

- Đối với dự thảo nghị quyết phát triển KT-XH hằng năm, 05 năm, nội dung thẩm tra tập trung vào các vấn đề: mục tiêu tổng quát, các chỉ tiêu chủ yếu, nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu, tổ chức thực hiện.

- Đối với dự thảo nghị quyết cơ cấu lại nền kinh tế, nội dung thẩm tra tập trung vào các vấn đề: quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, tổ chức thực hiện.

Trên cơ sở phiên họp thẩm tra, Ủy ban Kinh tế xây dựng Báo cáo thẩm tra gửi tới UBTVQH, Quốc hội xem xét, quyết định.

(iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến

UBTVQH xem xét, cho ý kiến đối với Báo cáo của Chính phủ đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm, hằng năm và dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm

¹ Ủy ban Kinh tế của Quốc hội là cơ quan chủ trì thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và Dự thảo nghị quyết.

tiếp theo, năm tiếp theo; báo cáo thực hiện Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế; và Dự thảo nghị quyết tại một hoặc nhiều phiên họp.

Tại phiên họp của UBTVQH, Chính phủ trình bày Báo cáo và dự thảo nghị quyết; đại diện Ủy ban Kinh tế trình bày Báo cáo thẩm tra; khách mời tham dự phát biểu ý kiến (nếu có); thành viên UBTVQH thảo luận về Báo cáo và Dự thảo nghị quyết; chủ tọa phiên họp kết luận. Căn cứ kết luận của phiên họp, UBTVQH ra thông báo kết luận, Chính phủ và Ủy ban Kinh tế hoàn thiện hồ sơ để trình Quốc hội.

(iv) Quốc hội xem xét, quyết định

Quốc hội xem xét, quyết định về Kế hoạch phát triển KT-XH hằng năm, 05 năm; Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế tại kỳ họp.

Hồ sơ trình Quốc hội quyết định Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm, hằng năm, Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế bao gồm: (1) Báo cáo của Chính phủ; (2) Các báo cáo của cơ quan, tổ chức hữu quan có liên quan; (3) Báo cáo thẩm tra của Ủy ban Kinh tế; (4) Báo cáo của HĐDT, các Ủy ban khác của Quốc hội tham gia thẩm tra về những nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách (nếu có); (5) Dự thảo Nghị quyết (sau khi thảo luận Tổ); (6) Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến ĐBQH (sau khi thảo luận Tổ ĐBQH và thảo luận tại Hội trường)¹.

Quốc hội quyết định Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm, hằng năm; Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế theo trình tự sau đây: (1) Chính phủ báo cáo về dự kiến Kế hoạch phát triển KT-XH 5 năm, hằng năm và Dự thảo nghị quyết; Trường hợp cần thiết, theo yêu cầu của UBTVQH, các cơ quan, tổ chức hữu quan báo cáo về lĩnh vực có liên quan; (2) Ủy ban Kinh tế của

¹ Khoản 1, Điều 45, Nội quy kỳ họp Quốc hội

Quốc hội trình Quốc hội báo cáo thẩm tra; (3) Quốc hội thảo luận; trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH, tại HĐND, các Ủy ban của Quốc hội; Trong quá trình thảo luận, thành viên Chính phủ giải trình về những vấn đề liên quan đến các báo cáo, dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu; (4) UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết. Chính phủ, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; (5) UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; (6) Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm, hằng năm, Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế¹.

3. QUY TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ VỀ TÀI CHÍNH - NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC

Các VĐQTCĐN về TCNS được Quốc hội quyết định cụ thể là: (i) Kế hoạch tài chính 05 năm; (ii) dự toán NSNN; (iii) phân bổ NSTW hằng năm; (iv) phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm; (v) điều chỉnh dự toán NSNN trong trường hợp cần thiết; (vi) tỷ lệ phần trăm (%) phân chia giữa NSTW và ngân sách từng địa phương đối với các khoản thu quy định tại khoản 2, Điều 35 của Luật NSNN...²

3.1 Quy trình Quốc hội quyết định Kế hoạch tài chính 05 năm

Kế hoạch tài chính 05 năm là kế hoạch tài chính được lập trong thời hạn 05 năm cùng với Kế hoạch phát triển KT-XH 05 năm. Kế hoạch tài chính 05 năm xác định mục tiêu tổng

¹ Khoản 3, Điều 45, Nội quy kỳ họp Quốc hội

² Điều 19, Luật Ngân sách nhà nước

quát, mục tiêu cụ thể về tài chính - NSNN; các định hướng lớn về TCNS nhà nước; số thu và cơ cấu thu nội địa, thu dầu thô, thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu; số chi và cơ cấu chi đầu tư phát triển, chi trả nợ, chi thường xuyên; định hướng về bội chi ngân sách; giới hạn nợ nước ngoài của quốc gia, nợ công, nợ chính phủ; các giải pháp chủ yếu để thực hiện Kế hoạch¹.

Quy trình Quốc hội xem xét, quyết định Kế hoạch tài chính 05 năm gồm các bước cơ bản sau đây: (i) Chính phủ chuẩn bị hồ sơ; (ii) Ủy ban Tài chính, Ngân sách thẩm tra; (iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến; (iv) Quốc hội xem xét, quyết định.

¹ Điều 17, Luật Ngân sách Nhà nước

SƠ ĐỒ 4
QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH
KẾ HOẠCH TÀI CHÍNH 5 NĂM



1

Chính phủ chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH, Quốc hội:

- Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch tài chính 5 năm hiện hành và dự kiến Kế hoạch tài chính 5 năm tiếp theo;
- Dự thảo nghị quyết về Kế hoạch tài chính 5 năm.

2

Ủy ban Tài chính, Ngân sách chủ trì thẩm tra

- Tổ chức phiên họp Ủy ban để thẩm tra;
- Xây dựng báo cáo thẩm tra.

3

UBTVQH xem xét, cho ý kiến tại phiên họp:

Theo trình tự:

- ✓ Chính phủ trình bày báo cáo;
- ✓ Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình bày báo cáo thẩm tra;
- ✓ Thành viên UBTVQH thảo luận;
- ✓ Chủ tọa kết luận.

Trên cơ sở kết luận của UBTVQH, Chính phủ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội.

4

Quốc hội quyết định Kế hoạch tài chính 5 năm tại kỳ họp Quốc hội:

- 1 Chính phủ báo cáo về dự kiến Kế hoạch tài chính 5 năm;
- 2 Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội trình bày Báo cáo thẩm tra;
- 3 Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH;
Trong quá trình thảo luận, thành viên Chính phủ giải trình về những vấn đề liên quan đến các báo cáo, Dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu;
- 4 UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết. Chính phủ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết;
- 5 UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết;
- 6 Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về Kế hoạch tài chính 5 năm.

(i) Chính phủ chuẩn bị hồ sơ Kế hoạch tài chính 05 năm trình UBTVQH, Quốc hội

Về thời điểm trình: vào cuối năm của thời kỳ ổn định ngân sách hiện hành, Chính phủ dự thảo Kế hoạch tài chính 05 năm để Quốc hội xem xét, quyết định.

Về hồ sơ: Chính phủ chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH, Quốc hội. Hồ sơ bao gồm: (1) Báo cáo của Chính phủ đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch tài chính 05 năm hiện hành và dự kiến Kế hoạch tài chính 05 năm tiếp theo; (2) Dự thảo nghị quyết về Kế hoạch tài chính 05 năm.

Ủy ban Tài chính, Ngân sách chuẩn bị Báo cáo thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và Dự thảo nghị quyết; HĐDT, các Ủy ban khác của Quốc hội chuẩn bị Báo cáo thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và dự thảo nghị quyết về nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách (nếu có) để trình UBTVQH và Quốc hội.

(ii) Thẩm tra

Báo cáo của Chính phủ và dự thảo nghị quyết được gửi tới Ủy ban Tài chính, Ngân sách¹ và các cơ quan của Quốc hội tham gia thẩm tra để tổ chức thẩm tra. Sau khi nhận được hồ sơ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách sẽ chủ trì, phối hợp với HĐDT và các Ủy ban khác của Quốc hội thẩm tra. Ủy ban Tài chính, Ngân sách tổ chức phiên họp toàn thể để thẩm tra. Ủy ban Tài chính, Ngân sách có thể tổ chức phiên họp thường trực Ủy ban để thẩm tra sơ bộ.

¹ Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội là cơ quan chủ trì thẩm tra Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch tài chính 5 năm hiện hành và dự kiến kế hoạch tài chính 5 năm tiếp theo; và dự thảo nghị quyết của Chính phủ.

Hoạt động thẩm tra tập trung vào các nội dung, vấn đề sau đây:

* Kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu về tài chính - NSNN 05 năm giai đoạn trước; việc thực hiện Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia điều chỉnh theo Nghị quyết của Quốc hội (nếu có);

* Thẩm tra Kế hoạch tài chính 05 năm về: các mục tiêu, định hướng lớn về tài chính, NSNN; khung cân đối thu, chi NSNN và các chỉ tiêu về nợ; những rủi ro, tác động đến NSNN và nợ công; các giải pháp tổ chức thực hiện;

* Thẩm tra sự cần thiết, tác động đến tình hình KT-XH và việc đảm bảo an toàn nợ công trong trường hợp phải lập lại, hoặc điều chỉnh Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia (nếu có)¹.

(iii) UBND xem xét, cho ý kiến

UBND xem xét, cho ý kiến đối với Báo cáo của Chính phủ đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch tài chính 05 năm hiện hành; dự kiến Kế hoạch tài chính 05 năm tiếp theo; và Dự thảo nghị quyết tại một hoặc nhiều phiên họp. Tại phiên họp, UBND xem xét, cho ý kiến về nội dung này theo trình tự sau đây: (1) Chính phủ trình bày Báo cáo và dự thảo nghị quyết; (2) đại diện Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình bày báo cáo thẩm tra; (3) khách mời phát biểu ý kiến (nếu có); (4) thành viên UBND thảo luận về Báo cáo và Dự thảo nghị quyết; (5) chủ tọa phiên họp kết luận. Căn cứ kết luận của phiên họp, UBND ra thông báo kết luận, Chính phủ và Ủy ban Tài chính, Ngân sách hoàn thiện hồ sơ để trình Quốc hội.

¹ Khoản 1, Điều 14, Nghị quyết số 343/2017/UBND ngày 19 tháng 1 năm 2017 quy định về lập, thẩm tra, quyết định Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, Kế hoạch ĐTC trung hạn 05 năm quốc gia, Kế hoạch tài chính – NSNN nước 03 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW và phê chuẩn quyết toán NSNN hàng năm.

(iv) Quốc hội xem xét, quyết định

Quốc hội xem xét, quyết định Kế hoạch tài chính 05 năm tại kỳ họp Quốc hội. Hồ sơ trình Quốc hội bao gồm: (1) Báo cáo của Chính phủ đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch tài chính 05 năm hiện hành và dự kiến Kế hoạch tài chính 05 năm tiếp theo; (2) Dự thảo nghị quyết về Kế hoạch tài chính 05 năm; (3) Báo cáo của Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và Dự thảo nghị quyết; (4) Báo cáo của HĐDT, các Ủy ban khác của Quốc hội thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và Dự thảo nghị quyết về nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách (nếu có)¹.

Quốc hội quyết định Kế hoạch tài chính 05 năm theo trình tự sau đây: (1) Chính phủ báo cáo về dự kiến Kế hoạch tài chính 5 năm; (2) Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình Quốc hội báo cáo thẩm tra; (3) Quốc hội thảo luận; trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH; Trong quá trình thảo luận, thành viên Chính phủ giải trình về những vấn đề liên quan đến các báo cáo, dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu; (4) UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; Chính phủ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; (5) UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; (6) Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về Kế hoạch tài chính 5 năm².

3.2. Quy trình Quốc hội quyết định dự toán NSNN và phân bổ NSTW hằng năm

Quy trình Quốc hội xem xét, quyết định dự toán NSNN và phân bổ NSTW hằng năm gồm các bước cơ bản sau đây: (i) Chính phủ chuẩn bị hồ sơ; (ii) Ủy ban Tài chính, Ngân sách thẩm tra; (iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến; (iv) Quốc hội xem xét, quyết định.

¹ Khoản 1, Điều 46, Nội quy kỳ họp Quốc hội.

² Khoản 4, Điều 46, Nội quy kỳ họp Quốc hội

SƠ ĐỒ 5

QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH DỰ TOÁN NSNN, PHÂN BỐ NSTW HẰNG NĂM



1

Chính phủ chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH, Quốc hội:

- Báo cáo của Chính phủ đánh giá kết quả thực hiện NSNN hằng năm, dự toán NSNN và phân bổ NSTW năm tiếp theo và các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật NSNN;
- Dự thảo nghị quyết về dự toán NSNN, Dự thảo nghị quyết về phân bổ NSTW.

Ủy ban Tài chính, Ngân sách chủ trì thẩm tra

- Tổ chức phiên họp Ủy ban để thẩm tra;
- Xây dựng báo cáo thẩm tra.

2

UBTVQH xem xét, cho ý kiến tại phiên họp:

Theo trình tự:

- ☑ Chính phủ trình bày báo cáo;
- ☑ Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình bày báo cáo thẩm tra;
- ☑ Thành viên UBTVQH thảo luận;
- ☑ Chủ tọa kết luận.

3

Trên cơ sở kết luận của UBTVQH, Chính phủ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội.

Quốc hội quyết định dự toán NSNN và phân bổ NSTW hằng năm tại kỳ họp Quốc hội:

4

- 1 Chính phủ trình bày báo cáo về dự toán NSNN, phân bổ NSTW hằng năm; dự thảo nghị quyết;
- 2 Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình bày báo cáo thẩm tra;
- 3 Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH;

Trong quá trình thảo luận, thành viên Chính phủ giải trình về những vấn đề liên quan đến các báo cáo, Dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu;
- 4 UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết. Chính phủ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết;
- 5 UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết;
- 6 Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về dự toán NSNN, phân bổ NSTW hằng năm.

Trường hợp có biến động về ngân sách so với dự toán đã phân bổ cần phải điều chỉnh tổng thể, Chính phủ lập dự toán điều chỉnh tổng thể NSNN trình Quốc hội quyết định theo trình tự quy định tại khoản 4, Điều 46, Nội quy Kỳ họp Quốc hội.

(i) Chính phủ chuẩn bị hồ sơ dự toán NSNN và phân bổ NSTW hằng năm trình UBTVQH, Quốc hội

Về thời điểm trình: Tại kỳ họp cuối năm, Quốc hội xem xét, quyết định dự toán ngân sách và phân bổ NSTW hàng năm.

Về hồ sơ: Chính phủ chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH, Quốc hội. Hồ sơ bao gồm: (1) Báo cáo của Chính phủ đánh giá kết quả thực hiện NSNN hằng năm, dự toán NSNN và phân bổ NSTW năm tiếp theo; (2) các tài liệu quy định tại khoản 1, Điều 47 của Luật NSNN; (3) Dự thảo nghị quyết về dự toán NSNN, dự thảo nghị quyết về phân bổ NSTW.

Ủy ban Tài chính, Ngân sách chuẩn bị Báo cáo thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và dự thảo nghị quyết; HĐDT, các Ủy ban khác của Quốc hội chuẩn bị Báo cáo thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và dự thảo nghị quyết về nội dung thuộc lĩnh vực phụ trách (nếu có) để trình UBTVQH và Quốc hội.

(ii) Thẩm tra

Báo cáo của Chính phủ và dự thảo nghị quyết được gửi tới Ủy ban Tài chính, Ngân sách¹ và các cơ quan tham gia thẩm tra để tổ chức thẩm tra. Sau khi nhận được hồ sơ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách sẽ chủ trì, phối hợp với HĐDT và các Ủy ban khác của Quốc hội thẩm tra. Ủy ban Tài chính, Ngân sách tổ chức phiên họp toàn thể để thẩm tra. Ủy ban Tài chính, Ngân sách có thể tổ chức *phiên họp thường trực Ủy ban* để thẩm tra sơ bộ.

Hoạt động thẩm tra tập trung vào các nội dung, vấn đề sau đây²:

¹ Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội là cơ quan chủ trì thẩm tra Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện NSNN hằng năm, dự toán NSNN và phân bổ NSTW năm tiếp theo; và Dự thảo nghị quyết về dự toán NSNN, dự thảo nghị quyết về phân bổ NSTW của Chính phủ.

² Khoản 3, 4, Điều 14, Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 1 năm 2017 quy định về lập, thẩm tra, quyết định Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, Kế hoạch ĐTC trung hạn 05 năm quốc gia, Kế hoạch tài chính – NSNN nước 03 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW và phê chuẩn quyết toán NSNN hàng năm.

** Đối với dự toán NSNN:*

- Thẩm tra về đánh giá tình hình và những nội dung cơ bản, giải pháp để thực hiện dự toán NSNN năm hiện hành;

- Thẩm tra dự toán NSNN về: mục tiêu, định hướng bố trí dự toán và cân đối NSNN; các căn cứ, yêu cầu lập dự toán NSNN; tính khả thi của dự toán NSNN;

- Thẩm tra sự cần thiết, tác động đến tình hình KT-XH và thực hiện dự toán NSNN đầu năm trong trường hợp điều chỉnh dự toán NSNN (nếu có).

** Đối với phương án phân bổ NSTW:*

- Thẩm tra về nguyên tắc phân bổ, tính công bằng, hợp lý và tích cực của phương án phân bổ NSTW; đảm bảo ưu tiên bố trí ngân sách để thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong từng thời kỳ;

- Thẩm tra căn cứ, cơ sở xác định số bổ sung cân đối NSDP đối với năm đầu thời kỳ ổn định, số bổ sung có mục tiêu cho từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hàng năm.

(iii) UBTVQH cho ý kiến

UBTVQH xem xét Báo cáo của Chính phủ đánh giá kết quả thực hiện NSNN hằng năm, dự toán NSNN và phân bổ NSTW năm tiếp theo và dự thảo nghị quyết tại một hoặc nhiều phiên họp. Tại phiên họp, UBTVQH xem xét, cho ý kiến về nội dung này theo trình tự sau đây: (1) Chính phủ trình bày Báo cáo và dự thảo nghị quyết; (2) đại diện Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình bày báo cáo thẩm tra; (3) khách mời phát biểu ý kiến (nếu có); (4) thành viên UBTVQH thảo luận về Báo cáo và Dự thảo các nghị quyết; (5) chủ tọa phiên họp kết luận. Căn cứ kết luận của phiên họp, UBTVQH ra thông báo kết luận, Chính phủ và Ủy ban Tài chính, Ngân sách hoàn thiện hồ sơ để trình Quốc hội.

(iv) Quốc hội xem xét, quyết định

Quốc hội xem xét, quyết định dự toán ngân sách và phân bổ NSTW hàng năm tại kỳ họp.

Hồ sơ trình Quốc hội bao gồm: (1) Báo cáo của Chính phủ đánh giá kết quả thực hiện NSNN hằng năm, dự toán NSNN và phân bổ NSTW năm tiếp theo và các tài liệu quy định tại khoản 1 Điều 47 của Luật NSNN; (2) Dự thảo nghị quyết về dự toán NSNN, dự thảo nghị quyết về phân bổ NSTW; (3) Báo cáo của Ủy ban Tài chính, Ngân sách thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và dự thảo nghị quyết; (4) Báo cáo của HĐDT, các Ủy ban khác thẩm tra Báo cáo của Chính phủ về nội dung thuộc lĩnh vực HĐDT, các Ủy ban khác phụ trách (nếu có)¹.

Quốc hội quyết định Kế hoạch dự toán ngân sách và phân bổ NSTW hàng năm theo trình tự sau đây: (1) Chính phủ báo cáo về dự kiến dự toán NSNN, phân bổ NSTW hằng năm; (2) Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình Quốc hội báo cáo thẩm tra; (3) Quốc hội thảo luận; trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH; Trong quá trình thảo luận, thành viên Chính phủ giải trình về những vấn đề liên quan đến các báo cáo, dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu; (4) UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; Chính phủ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; (5) UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; (7) Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về dự toán NSNN, phân bổ NSTW hằng năm.²

¹ Khoản 2, Điều 46, Nội quy kỳ họp Quốc hội

² Khoản 4, Điều 46, Nội quy kỳ họp Quốc hội

3.3. Quy trình Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN

Quy trình Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN gồm các bước cơ bản sau đây: (i) Chính phủ chuẩn bị hồ sơ; (ii) Ủy ban Tài chính, Ngân sách thẩm tra; (iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến; (iv) Quốc hội xem xét, phê chuẩn.

SƠ ĐỒ 6

**QUY TRÌNH QUỐC HỘI PHÊ CHUẨN
QUYẾT TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC**



1

**Chính phủ chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH,
Quốc hội:**

- Báo cáo quyết toán NSNN;
- Dự thảo nghị quyết phê chuẩn quyết toán NSNN.

2

Ủy ban Tài chính, Ngân sách chủ trì thẩm tra:

- Tổ chức phiên họp Ủy ban để thẩm tra;
- Xây dựng báo cáo thẩm tra.

3

UBTVQH xem xét, cho ý kiến tại phiên họp:

Theo trình tự:

- ☑ Chính phủ trình bày báo cáo;
- ☑ Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình bày báo cáo thẩm tra;
- ☑ Thành viên UBTVQH thảo luận;
- ☑ Chủ tọa kết luận.

*Trên cơ sở kết luận của UBTVQH, Chính phủ, Ủy ban
Tài chính, Ngân sách hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội.*

4

Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN tại kỳ họp Quốc hội:

1 Chính phủ trình bày báo cáo quyết toán NSNN và Dự thảo nghị quyết;

2 Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình bày báo cáo thẩm tra;

3 Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH;

Trong quá trình thảo luận, thành viên Chính phủ giải trình về những vấn đề liên quan đến các báo cáo, Dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu;

4 UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết. Chính phủ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết;

5 UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết;

6 Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết phê chuẩn quyết toán NSNN.

(i) Chính phủ chuẩn bị hồ sơ phê chuẩn quyết toán ngân sách Nhà nước trình UBTVQH, Quốc hội

Về thời điểm trình: Chậm nhất là 18 tháng sau khi kết thúc năm ngân sách, Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán NSNN¹.

Về hồ sơ: Chính phủ chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH, Quốc hội. Hồ sơ bao gồm: (1) Báo cáo của Chính phủ về quyết toán NSNN; (2) Dự thảo nghị quyết phê chuẩn quyết toán NSNN.

Ủy ban Tài chính, Ngân sách chuẩn bị Báo cáo thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và dự thảo nghị quyết; Kiểm toán Nhà nước chuẩn bị Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN trình UBTVQH, Quốc hội.

(ii) Thẩm tra

Báo cáo của Chính phủ và dự thảo nghị quyết được gửi tới Ủy ban Tài chính, Ngân sách để tổ chức thẩm tra. Sau khi nhận được hồ sơ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách tổ chức *phiên họp toàn thể để thẩm tra*. Ủy ban Tài chính, Ngân sách có thể tổ chức phiên họp thường trực Ủy ban để thẩm tra sơ bộ.

Hoạt động thẩm tra tập trung vào các nội dung, vấn đề sau đây²:

- Thẩm tra về kết quả thu, chi và cân đối NSNN so với dự toán được Quốc hội quyết định, bao gồm cả dự toán điều chỉnh trong quá trình điều hành (nếu có); số được chuyển nguồn sang

¹ Khoản 7, Điều 70, Luật Ngân sách nhà nước

² Khoản 5, Điều 14, Nghị quyết số 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 1 năm 2017 quy định về lập, thẩm tra, quyết định Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, Kế hoạch ĐTC trung hạn 05 năm quốc gia, Kế hoạch tài chính – NSNN 03 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW và phê chuẩn quyết toán NSNN hàng năm.

năm sau theo quy định của Luật NSNN và các văn bản quy định chi tiết;

- Thẩm tra tính chính xác, trung thực, đầy đủ của số liệu quyết toán.

(iii) UBTVQH cho ý kiến

UBTVQH xem xét *Báo cáo của Chính phủ về quyết toán NSNN; Dự thảo nghị quyết phê chuẩn quyết toán NSNN* tại một hoặc nhiều phiên họp. UBTVQH xem xét, cho ý kiến về nội dung này theo trình tự sau đây: (1) Chính phủ trình bày Báo cáo và dự thảo nghị quyết; (2) đại diện Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình bày báo cáo thẩm tra; (3) khách mời phát biểu ý kiến (nếu có); (4) thành viên UBTVQH thảo luận về Báo cáo và dự thảo nghị quyết; (5) chủ tọa phiên họp kết luận. Căn cứ kết luận của phiên họp, UBTVQH ra thông báo kết luận, Chính phủ và Ủy ban Tài chính, Ngân sách hoàn thiện hồ sơ để trình Quốc hội.

(iv) Quốc hội xem xét, phê chuẩn

Quốc hội xem xét, phê chuẩn quyết toán NSNN tại kỳ họp Quốc hội. Hồ sơ trình Quốc hội bao gồm: (1) *Báo cáo của Chính phủ về quyết toán NSNN*; (2) *Dự thảo nghị quyết phê chuẩn quyết toán NSNN*; (3) *Báo cáo của Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và dự thảo nghị quyết*; (4) *Báo cáo kiểm toán quyết toán NSNN của Kiểm toán Nhà nước*¹.

Quốc hội phê chuẩn quyết toán NSNN theo trình tự sau đây: (1) Chính phủ báo cáo về phê chuẩn quyết toán NSNN; dự thảo nghị quyết; (2) Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình Quốc hội báo cáo thẩm tra; (3) Quốc hội thảo luận; trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH;

¹ Khoản 3, Điều 46, Nội quy kỳ họp Quốc hội

Trong quá trình thảo luận, thành viên Chính phủ giải trình về những vấn đề liên quan đến các báo cáo, dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu; (4) UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; Chính phủ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; (5) UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; (6) Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết phê chuẩn quyết toán NSNN.¹

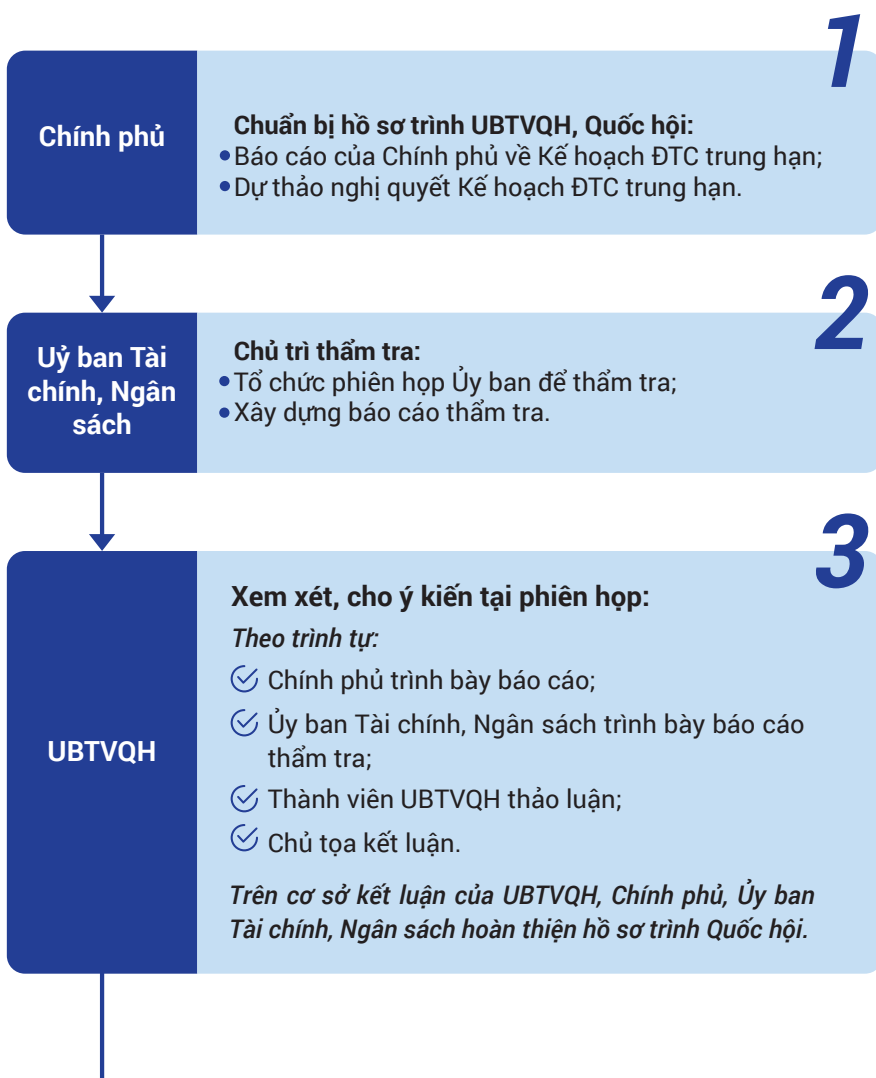
4. QUY TRÌNH QUYẾT ĐỊNH KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG

4.1 Quy trình Quốc hội quyết định Kế hoạch ĐTC trung hạn vốn NSNN

Quy trình Quốc hội quyết định Kế hoạch ĐTC trung hạn gồm các bước cơ bản sau đây: (i) Chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH, Quốc hội; (ii) Ủy ban Tài chính, Ngân sách thẩm tra; (iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến; (iv) Quốc hội xem xét, quyết định.

¹ Khoản 4, Điều 46, Nội quy kỳ họp Quốc hội

SƠ ĐỒ 7
QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN



Quốc hội quyết định Kế hoạch ĐTC trung hạn, tại kỳ họp Quốc hội:**Quốc hội**

- 1 Chính phủ báo cáo về dự kiến Kế hoạch ĐTC trung hạn, năm và Dự thảo nghị quyết.
- 2 Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình bày báo cáo thẩm tra.
- 3 Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH;
Trong quá trình thảo luận, thành viên Chính phủ giải trình về những vấn đề liên quan đến các báo cáo, Dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu.
- 4 UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết. Chính phủ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 5 UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 6 Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về kế hoạch ĐTC trung hạn.

(i) Chuẩn bị hồ sơ trình UBTVQH, Quốc hội

Về thời điểm trình: Tại kỳ họp cuối năm của năm thứ năm nhiệm kỳ Quốc hội, Chính phủ trình Quốc hội Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn sau để Quốc hội cho ý kiến về các nội dung theo quy định tại Điều 49 của Luật ĐTC. Quốc hội khóa mới xem xét, quyết định Kế hoạch ĐTC tại kỳ họp thứ nhất¹.

Về hồ sơ: Chính phủ chuẩn bị Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch ĐTC trung hạn đã được Quốc hội ban hành và Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn tiếp theo; Dự thảo nghị quyết về Kế hoạch ĐTC trung hạn để trình UBTVQH, Quốc hội. Ủy ban Tài chính, Ngân sách chuẩn bị Báo cáo thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và dự thảo nghị quyết; Các cơ quan, tổ chức hữu quan chuẩn bị báo cáo trình UBTVQH, Quốc hội.

(ii) Thẩm tra

Báo cáo của Chính phủ và dự thảo nghị quyết được gửi tới Ủy ban Tài chính, Ngân sách và các cơ quan tham gia thẩm tra để tổ chức thẩm tra. Sau khi nhận được hồ sơ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách tổ chức *phiên họp toàn thể để thẩm tra*. Ủy ban Tài chính, Ngân sách có thể tổ chức phiên họp thường trực Ủy ban để thẩm tra sơ bộ.

Hoạt động thẩm tra tập trung vào các nội dung, vấn đề sau đây²:

- Tình hình triển khai và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ chủ yếu trong Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn

¹ Khoản 1, Khoản 1, Điều 60, Luật đầu tư công

² Điều 14, Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 Quy định về lập, thẩm tra, quyết định Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, Kế hoạch đầu tư công trung hạn 05 năm quốc gia, Kế hoạch ĐTC trung hạn 05 năm quốc gia, Kế hoạch tài chính – NSNN nước 03 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW và phê chuẩn quyết toán NSNN hàng năm.

trước; việc thực hiện Kế hoạch ĐTC trung hạn điều chỉnh theo Nghị quyết của Quốc hội (nếu có);

- Mục tiêu, định hướng ĐTC trung hạn vốn NSNN của cả nước, khả năng huy động và cân đối các nguồn vốn;

- Nguyên tắc, phương án phân bổ Kế hoạch ĐTC trung hạn vốn NSNN;

- Tỷ lệ và nguyên tắc sử dụng khoản dự phòng trong Kế hoạch ĐTC trung hạn;

- Danh mục CTMTQG, dự án quan trọng quốc gia;

- Các giải pháp, chính sách chủ yếu thực hiện Kế hoạch ĐTC trung hạn;

- Việc điều chỉnh Kế hoạch ĐTC trung hạn (nếu có).

Trên cơ sở ý kiến thảo luận tại phiên họp thẩm tra, Ủy ban Tài chính, Ngân sách chuẩn bị báo cáo thẩm tra trình UBTVQH, Quốc hội. Báo cáo thẩm tra cần nêu rõ ý kiến nhận xét về Báo cáo của Chính phủ, những nội dung và số liệu thống nhất với báo cáo của Chính phủ, những nội dung và số liệu đề nghị báo cáo rõ thêm hoặc bổ sung thêm hoặc còn có ý kiến khác với báo cáo của Chính phủ và kiến nghị, đề xuất (nếu có).

(iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến

UBTVQH xem xét, cho ý kiến đối với Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch ĐTC trung hạn đã được Quốc hội ban hành và Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn tiếp theo; Dự thảo nghị quyết về Kế hoạch ĐTC trung hạn tại một hoặc nhiều phiên họp. UBTVQH xem xét, cho ý kiến về nội dung này theo trình tự sau đây: (1) Chính phủ trình bày và dự thảo nghị quyết; (2) đại diện Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình bày báo

cáo thẩm tra; (3) khách mời phát biểu ý kiến (nếu có); (4) thành viên UBTVQH thảo luận về Báo cáo và dự thảo nghị quyết; (5) chủ tọa phiên họp kết luận. Căn cứ kết luận của phiên họp, UBTVQH ra thông báo kết luận, Chính phủ và Ủy ban Tài chính, Ngân sách hoàn thiện hồ sơ để trình Quốc hội.

Các báo cáo của Chính phủ và báo cáo thẩm tra của Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội gửi đến các ĐBQH chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội.

(iv) Quốc hội xem xét, quyết định

Quốc hội xem xét, quyết định Kế hoạch ĐTC trung hạn vốn NSNN tại kỳ họp Quốc hội. Hồ sơ trình Quốc hội bao gồm: (1) Báo cáo của Chính phủ về đánh giá kết quả thực hiện Kế hoạch ĐTC trung hạn hằng năm và Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn tiếp theo, năm tiếp theo; (2) Dự thảo nghị quyết về Kế hoạch ĐTC trung hạn, hằng năm; (3) Báo cáo của Ủy ban Tài chính, Ngân sách thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và dự thảo nghị quyết; (4) Các báo cáo của cơ quan, tổ chức hữu quan¹.

Quốc hội xem xét, quyết định Kế hoạch ĐTC trung hạn theo các nội dung sau đây²: Mục tiêu, định hướng ĐTC trung hạn vốn NSNN của cả nước; Tổng mức vốn Kế hoạch ĐTC trung hạn nguồn NSNN (bao gồm vốn NSTW, vốn ngân sách từng địa phương); Tổng mức vốn Kế hoạch ĐTC trung hạn vốn NSTW chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực, dự kiến mức phân bổ cho từng Bộ, cơ quan trung ương và mức vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho ngân sách từng địa phương; Danh mục và mức vốn của các dự án quan trọng quốc gia, CTMTQG; Giải pháp, chính sách chủ yếu để thực hiện Kế hoạch ĐTC trung hạn.

¹ Khoản 1, Điều 47, Nội quy kỳ họp Quốc hội

² Khoản 2, Điều 60, Luật đầu tư công.

Quốc hội xem xét, quyết định Kế hoạch ĐTC trung hạn vốn NSNN theo trình tự sau đây: (1) Chính phủ báo cáo về dự kiến Kế hoạch ĐTC trung hạn và dự thảo nghị quyết; (2) Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội trình Quốc hội báo cáo thẩm tra; (3) Quốc hội thảo luận; trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH; Trong quá trình thảo luận, thành viên Chính phủ giải trình về những vấn đề liên quan đến các báo cáo, dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu; (4) UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; Chính phủ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách của Quốc hội phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; (5) UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; (6) Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về Kế hoạch ĐTC trung hạn.¹

4.2 Quy trình Quốc hội quyết định Kế hoạch đầu tư công hằng năm vốn NSNN

Quốc hội quyết định Kế hoạch ĐTC hằng năm vốn NSNN theo quy trình tương tự quy trình Quốc hội quyết định Kế hoạch ĐTC trung hạn, gồm các bước sau: (i) Chuẩn bị hồ sơ; (ii) Ủy ban Tài chính, Ngân sách thẩm tra; (iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến; (iv) Quốc hội xem xét quyết định.

Về các mốc thời gian liên quan tới việc xem xét, quyết định Kế hoạch ĐTC hằng năm, Luật đầu tư công quy định:

- Trước ngày 20 tháng 9 hằng năm, Chính phủ trình UBTVQH cho ý kiến;
- Trước ngày 20 tháng 10 hằng năm, Chính phủ trình Quốc hội Kế hoạch ĐTC vốn NSNN năm sau;

¹ Khoản 2, Điều 47, Nội quy kỳ họp Quốc hội

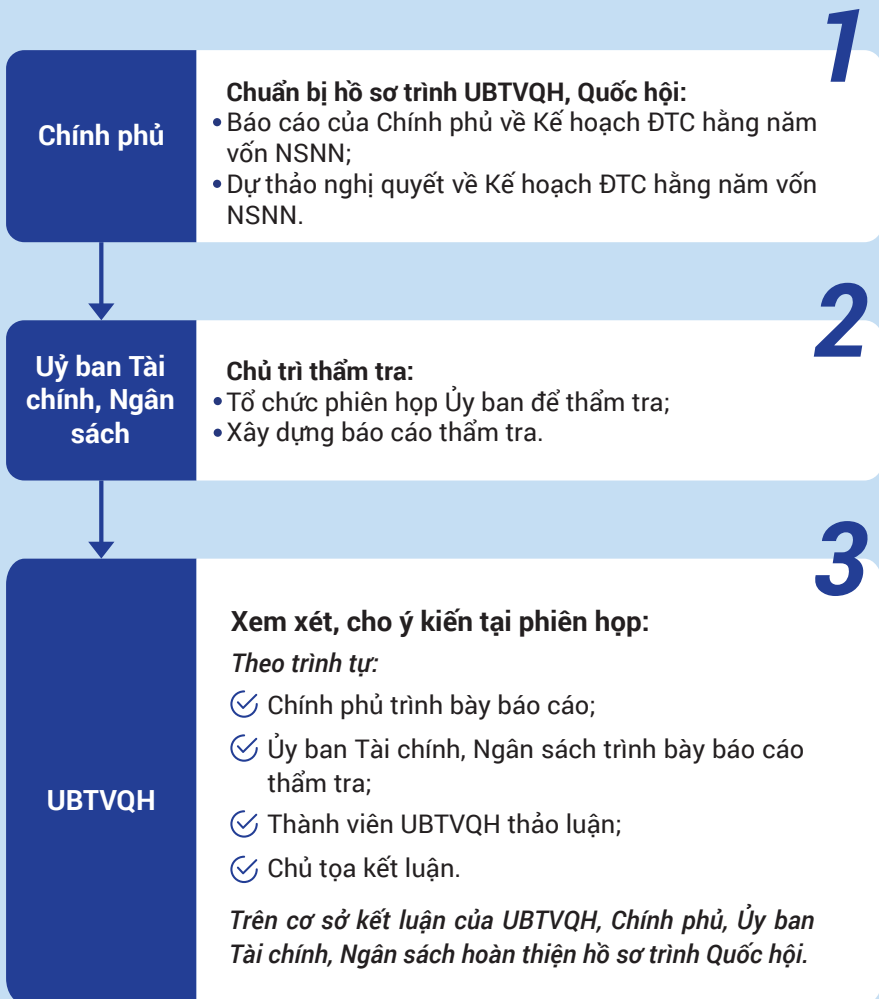
- Trước ngày 15 tháng 11 hàng năm, Quốc hội quyết định Kế hoạch ĐTC vốn NSNN năm sau;

So sánh nội dung quyết định Kế hoạch ĐTC trung hạn và hằng năm

Kế hoạch ĐCT trung hạn	Kế hoạch ĐTC hằng năm
Mục tiêu, định hướng ĐCT trung hạn vốn NSNN của cả nước	Được xem xét trong khả năng cân đối NSNN hằng năm
Tổng mức vốn Kế hoạch ĐTC trung hạn nguồn NSNN (bao gồm vốn NSTW, vốn ngân sách từng địa phương)	Tổng mức chi đầu tư phát triển ¹ vốn NSNN hằng năm (bao gồm vốn NSTW, vốn ngân sách từng địa phương)
Tổng mức vốn Kế hoạch ĐTC trung hạn vốn NSTW chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực, dự kiến mức phân bổ cho từng Bộ, cơ quan trung ương và mức vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho NSDP	Tổng mức chi đầu tư phát triển vốn NSTW chi tiết theo từng ngành, lĩnh vực, dự kiến mức phân bổ cho từng Bộ, cơ quan trung ương và mức vốn bổ sung có mục tiêu từ NSTW cho ngân sách từng địa phương
Danh mục và mức vốn của các dự án quan trọng quốc gia, CTMTQG	Mức vốn dự kiến bố trí hằng năm cho các dự án quan trọng quốc gia, CTMTQG
Giải pháp, chính sách chủ yếu để thực hiện Kế hoạch ĐTC trung hạn.	Giải pháp, chính sách thúc đẩy giải ngân vốn ĐTC được đưa vào mục giải pháp chung trong Tờ trình của Chính phủ.

¹ Kế hoạch vốn ĐTC hằng năm

SƠ ĐỒ 8
QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH
KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG HẰNG NĂM VỐN NSNN



Quốc hội quyết định Kế hoạch ĐTC hằng năm vốn NSNN tại kỳ họp Quốc hội

- 1 Chính phủ trình bày báo cáo về dự kiến Kế hoạch ĐTC hằng năm vốn NSNN; Dự thảo nghị quyết.
- 2 Ủy ban Tài chính, Ngân sách trình bày báo cáo thẩm tra.
- 3 Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH;
Trong quá trình thảo luận, thành viên Chính phủ giải trình về những vấn đề liên quan đến các báo cáo, Dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu.
- 4 UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết. Chính phủ, Ủy ban Tài chính, Ngân sách phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 5 UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 6 Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về Kế hoạch ĐTC hằng năm vốn NSNN.

5. QUY TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA, DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA

5.1 Quy trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG

Chủ trương đầu tư CTMTQG là quyết định của cấp có thẩm quyền về những nội dung chủ yếu của CTMTQG, làm căn cứ để lập, trình và phê duyệt quyết định đầu tư CTMTQG. CTMTQG là Chương trình ĐTC nhằm thực hiện các mục tiêu KT-XH của từng giai đoạn cụ thể trong phạm vi cả nước. Việc quyết định chủ trương CTMTQG là nội dung quan trọng, thuộc thẩm quyền của Quốc hội¹.

¹ Điều 17, Điều 78, Luật đầu tư công

SƠ ĐỒ 9
NỘI DUNG QUỐC HỘI XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CTMTQG, DỰ ÁN
QUAN TRỌNG QUỐC GIA



Quy trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG gồm các bước cơ bản sau đây: (i) Chính phủ lập hồ sơ; (ii) Thẩm tra; (iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến; (iv) Quốc hội xem xét, quyết định¹.

¹ Căn cứ nội dung của CTMTQG, theo đề nghị của UBTVQH, Quốc hội quyết định việc xem xét, thông qua dự thảo nghị quyết về chủ trương đầu tư CTMTQG tại một hoặc nhiều kỳ họp Quốc hội

SƠ ĐỒ 10
**QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CTMTQG TẠI MỘT KỲ HỌP**

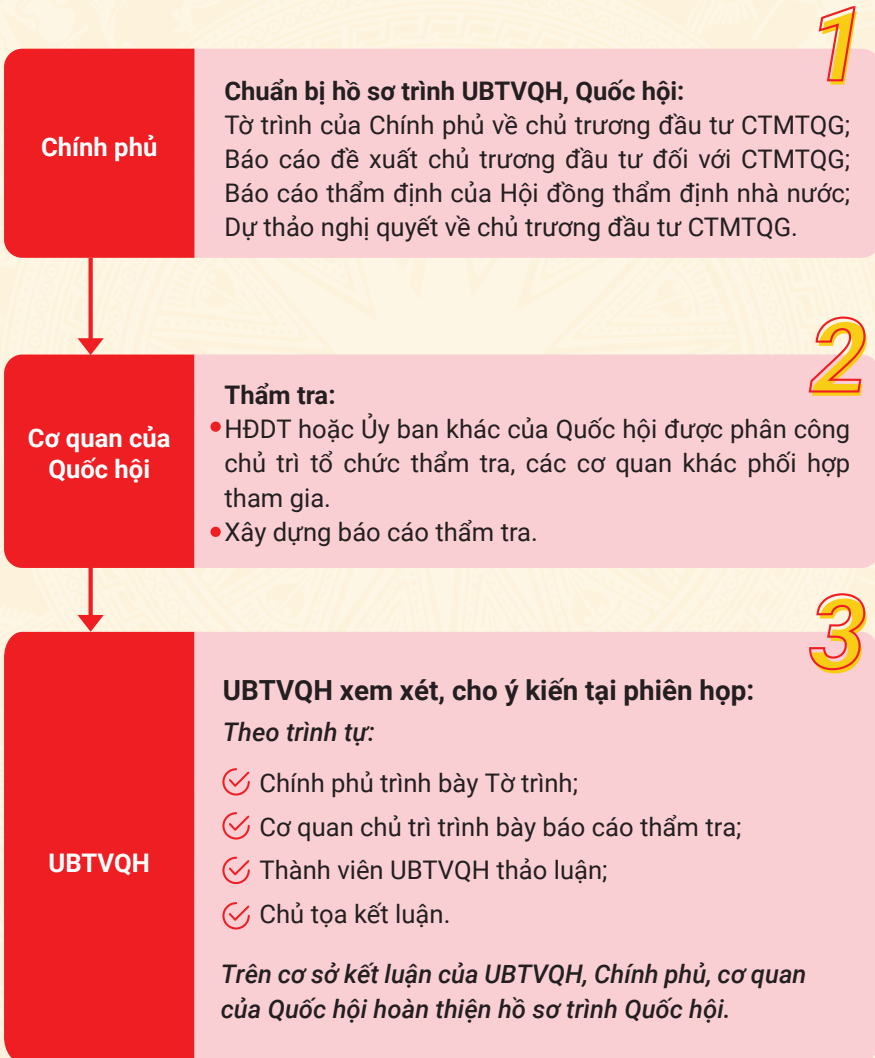


Quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG tại kỳ họp Quốc hội:

Quốc hội

- 1 Chính phủ trình Tờ trình về chủ trương đầu tư CTMTQG.
- 2 Cơ quan chủ trì trình bày báo cáo thẩm tra.
- 3 Quốc hội thảo luận. Trước khi Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH.
Trong quá trình thảo luận, Chính phủ giải trình về vấn đề liên quan mà ĐBQH nêu.
- 4 UBND chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết. Chính phủ, cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 5 UBND báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 6 Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư CTMTQG.

SƠ ĐỒ 11
QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ CTMTQG TẠI NHIỀU KỲ HỌP



Quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG tại kỳ họp Quốc hội:

4

1. Tại kỳ họp thứ nhất:

- 1 Chính phủ trình Tờ trình về chủ trương đầu tư CTMTQG.
- 2 Cơ quan chủ trì trình bày báo cáo thẩm tra. Quốc hội thảo luận. Trước khi Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH.
- 3 Trong quá trình thảo luận, Chính phủ giải trình về vấn đề liên quan mà ĐBQH nêu.

Trong thời gian giữa hai kỳ họp của Quốc hội, UBNDVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu về CTMTQG. Chính phủ, cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.

2. Tại kỳ họp thứ hai:

- 1 UBNDVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 2 Chính phủ báo cáo, giải trình về vấn đề ĐBQH, HĐDT, các Ủy ban nêu.
- 3 Quốc hội thảo luận.
- 4 UBNDVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết. Chính phủ, cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 5 UBNDVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 6 Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư CTMTQG.

Trường hợp Dự thảo nghị quyết chưa được thông qua, UBNDVQH tiếp tục chỉ đạo việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết và trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp tiếp theo.

(i) Chính phủ lập hồ sơ về CTMTQG

Về thời gian gửi hồ sơ: Chậm nhất là 60 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội, Chính phủ gửi hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG đến cơ quan chủ trì thẩm tra.

Về hồ sơ: Chính phủ chuẩn bị hồ sơ quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG trình UBNDQH, Quốc hội, gồm¹: Tờ trình của Chính phủ; Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với CTMTQG; Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định Nhà nước; Dự thảo nghị quyết về chủ trương đầu tư CTMTQG²; Tài liệu khác có liên quan.

Cơ quan chủ trì thẩm tra chuẩn bị Báo cáo thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và Dự thảo nghị quyết để trình UBNDQH và Quốc hội.

(ii) Cơ quan của Quốc hội được phân tổ chức thẩm tra hồ sơ về CTMTQG³

Hồ sơ quyết định chủ trương CTMTQG được gửi tới cơ quan của Quốc hội được phân công chủ trì thẩm tra để tổ chức thẩm tra. Sau khi nhận được hồ sơ, cơ quan chủ trì thẩm tra sẽ tổ chức *phiên họp toàn thể để thẩm tra*. Cơ quan chủ trì thẩm tra có thể tổ chức phiên họp thường trực Ủy ban để thẩm tra sơ bộ. Cơ quan của Quốc hội được phân công chủ trì thẩm tra hồ sơ về CTMTQG có quyền yêu cầu Chính phủ và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo về những vấn đề thuộc nội dung CTMTQG; tổ chức khảo sát thực tế về những vấn đề thuộc nội dung CTMTQG. Cơ quan, tổ chức, cá nhân được cơ

¹ Điều 20 Luật đầu tư công.

² Khoản 2, Điều 53, Nội quy kỳ họp Quốc hội

³ Theo Điều 21 Luật đầu tư công.

quan chủ trì thẩm tra yêu cầu có trách nhiệm cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu phục vụ cho việc thẩm tra.

Hoạt động thẩm tra tập trung vào các nội dung, vấn đề sau đây:

- Việc đáp ứng tiêu chí xác định CTMTQG;
- Sự cần thiết đầu tư CTMTQG;
- Việc tuân thủ các quy định của pháp luật;
- Sự phù hợp với chiến lược, Kế hoạch phát triển KT-XH và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch;
- Những thông số cơ bản của CTMTQG bao gồm: mục tiêu, quy mô, hình thức đầu tư, phạm vi, địa điểm, diện tích đất cần sử dụng, thời gian, tiến độ thực hiện, phương án lựa chọn công nghệ chính, giải pháp bảo vệ môi trường, nguồn vốn, khả năng thu hồi vốn và trả nợ vốn vay;
- Đánh giá hiệu quả KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

(iii) UBND xem xét, cho ý kiến về chủ trương đầu tư CTMTQG

UBND xem xét, cho ý kiến về chủ trương đầu tư CTMTQG và dự thảo các nghị quyết tại một hoặc nhiều phiên họp. UBND xem xét, cho ý kiến theo trình tự sau đây: (1) Chính phủ trình bày Báo cáo và dự thảo nghị quyết; (2) đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra; (3) những người được mời tham dự phát biểu ý kiến (nếu có); (4) thành viên UBND thảo luận về Báo cáo và dự thảo nghị quyết; (5) chủ tọa phiên họp kết luận.

Căn cứ kết luận của phiên họp, UBND ra thông báo kết luận, Chính phủ và cơ quan chủ trì thẩm tra hoàn thiện hồ sơ gửi đến các ĐBQH chậm nhất 20 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội.

(iv) Quốc hội xem xét, quyết định

Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG tại một hoặc nhiều kỳ họp. Hồ sơ trình Quốc hội bao gồm: (1) *Tờ trình của Chính phủ về chủ trương đầu tư CTMTQG*; (2) *Báo cáo đề xuất chủ trương đầu tư đối với CTMTQG*; (3) *Báo cáo thẩm định của Hội đồng thẩm định Nhà nước*; (4) *Dự thảo nghị quyết về chủ trương đầu tư CTMTQG*; (5) *Báo cáo thẩm tra Tờ trình của Chính phủ và dự thảo nghị quyết*; (6) *Tài liệu khác có liên quan*¹.

Nội dung Quốc hội xem xét, thông qua Nghị quyết về chủ trương đầu tư CTMTQG: mục tiêu, quy mô, tổng vốn đầu tư, công nghệ chính, địa điểm, thời gian, tiến độ thực hiện, cơ chế và giải pháp, chính sách thực hiện.

Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG tại một kỳ họp theo trình tự sau đây: (1) Chính phủ trình Tờ trình về chủ trương đầu tư CTMTQG; (2) Cơ quan chủ trì thẩm tra trình Quốc hội báo cáo thẩm tra; (3) Quốc hội thảo luận; trước khi Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH. Trong quá trình thảo luận, Chính phủ giải trình về vấn đề liên quan mà ĐBQH nêu; (4) UBND chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết. Chính phủ, cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu chỉnh lý dự thảo nghị quyết; (5) UBND báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; (6) Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư CTMTQG.

¹ Khoản 2, Điều 53, Nội quy kỳ họp Quốc hội

Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG tại nhiều kỳ họp theo trình tự sau đây:

(1) *Tại kỳ họp thứ nhất*, Quốc hội xem xét chủ trương đầu tư CTMTQG theo quy trình sau đây: Chính phủ trình Tờ trình về chủ trương đầu tư CTMTQG; Cơ quan chủ trì thẩm tra trình Quốc hội báo cáo thẩm tra; Quốc hội thảo luận. (Trước khi Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH. Trong quá trình thảo luận, Chính phủ giải trình về những vấn đề liên quan đến chương trình, dự án mà ĐBQH nêu);

(2) *Trong quá trình thảo luận, Chính của Quốc hội, UBTVQH* chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu về CTMTQG, chỉnh lý dự thảo nghị quyết. Chính phủ, cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết.

(3) *Tại kỳ họp thứ hai*, Quốc hội xem xét, quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG theo trình tự sau đây: UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; Chính phủ báo cáo, giải trình về vấn đề ĐBQH, HĐDT, các Ủy ban nêu; Quốc hội thảo luận; UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết. Chính phủ, cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu chỉnh lý dự thảo nghị quyết; UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư CTMTQG.

Trường hợp dự thảo nghị quyết chưa được thông qua, UBTVQH tiếp tục chỉ đạo việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết và trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp tiếp theo.

5.2 Quy trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia¹

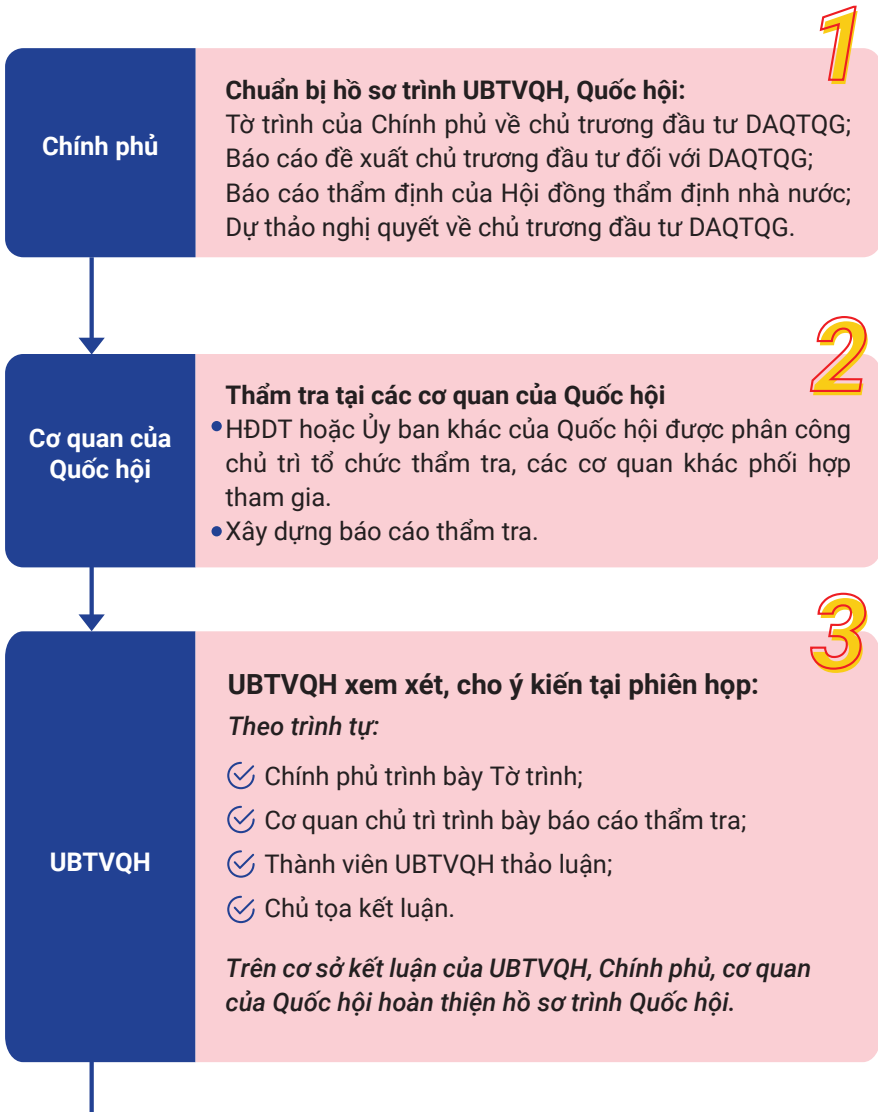
Dự án quan trọng quốc gia là dự án đầu tư độc lập hoặc cụm công trình liên kết chặt chẽ với nhau thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Sử dụng vốn ĐTC từ 10.000 tỷ đồng trở lên;
- Ảnh hưởng lớn đến môi trường hoặc tiềm ẩn khả năng ảnh hưởng nghiêm trọng đến môi trường, bao gồm: Nhà máy điện hạt nhân; Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất vườn quốc gia, khu bảo tồn thiên nhiên, khu bảo vệ cảnh quan, khu rừng nghiên cứu, thực nghiệm khoa học từ 50 ha trở lên; rừng phòng hộ đầu nguồn từ 50 ha trở lên; rừng phòng hộ chắn gió, chắn cát bay, chắn sóng, lấn biển, bảo vệ môi trường từ 500 ha trở lên; rừng sản xuất từ 1.000 ha trở lên;
- Sử dụng đất có yêu cầu chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước từ hai vụ trở lên với quy mô từ 500 ha trở lên;
- Di dân tái định cư từ 20.000 người trở lên ở miền núi, từ 50.000 người trở lên ở các vùng khác;
- Dự án đòi hỏi phải áp dụng cơ chế, chính sách đặc biệt cần được Quốc hội quyết định.

Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư dự án quan trọng quốc gia theo quy trình, thủ tục tương tự quy trình Quốc hội quyết định chủ trương đầu tư CTMTQG, gồm các bước sau: (i) Chuẩn bị hồ sơ; (ii) Ủy ban Tài chính, Ngân sách thẩm tra; (iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến; (iv) Quốc hội xem xét quyết định.

¹ Trong Ấn phẩm này, các dự án quan trọng quốc gia được đề cập đến là các dự án quan trọng quốc gia theo quy định của Luật ĐTC

SƠ ĐỒ 12
**QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DAQTQG TẠI MỘT KỲ HỌP**

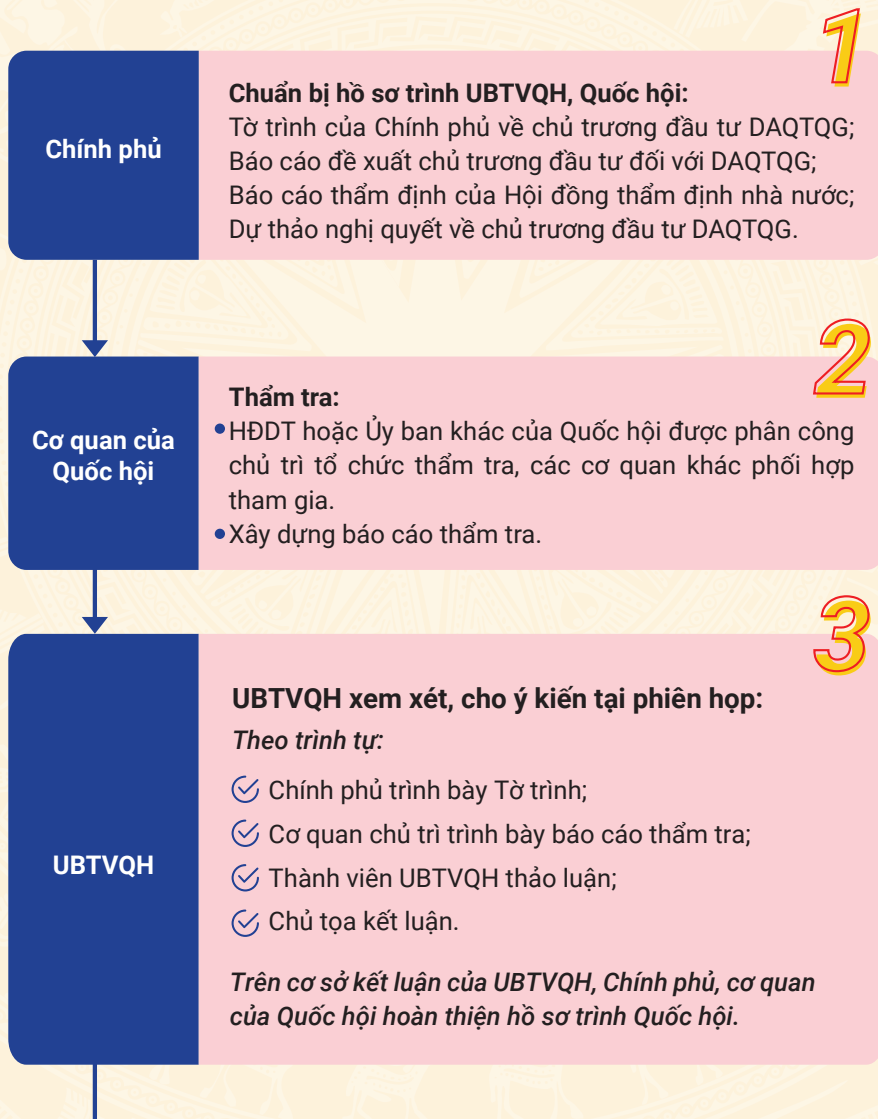


Quyết định chủ trương đầu tư DAQTQG tại kỳ họp Quốc hội:

Quốc hội

- 1 Chính phủ trình Tờ trình về chủ trương đầu tư DAQTQG.
- 2 Cơ quan chủ trì trình bày báo cáo thẩm tra.
- 3 Quốc hội thảo luận. Trước khi Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH.
Trong quá trình thảo luận, Chính phủ giải trình về vấn đề liên quan mà ĐBQH nêu.
- 4 UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết. Chính phủ, cơ quan chủ trì thẩm tra của Quốc hội phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 5 UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 6 Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư DAQTQG.

SƠ ĐỒ 13
QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH
CHỦ TRƯỞNG ĐẦU TƯ DAQTQG TẠI NHIỀU KỲ HỌP



**4**

Quyết định chủ trương đầu tư DAQTQG tại kỳ họp Quốc hội:

1. Tại kỳ họp thứ nhất:

- 1 Chính phủ trình Tờ trình về chủ trương đầu tư DAQTQG.
- 2 Cơ quan chủ trì trình bày báo cáo thẩm tra. Quốc hội thảo luận. Trước khi Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH.
- 3 Trong quá trình thảo luận, Chính phủ giải trình về vấn đề liên quan mà ĐBQH nêu.

Trong thời gian giữa hai kỳ họp của Quốc hội, UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu về DAQTQG. Chính phủ, cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.

2. Tại kỳ họp thứ hai:

- 1 UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 2 Chính phủ báo cáo, giải trình về vấn đề ĐBQH, HĐDT, các Ủy ban nêu.
- 3 Quốc hội thảo luận.
- 4 UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết. Chính phủ, cơ quan chủ trì thẩm tra phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 5 UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 6 Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về chủ trương đầu tư DAQTQG.

Trường hợp Dự thảo nghị quyết chưa được thông qua, UBTVQH tiếp tục chỉ đạo việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết và trình Quốc hội thông qua tại kỳ họp tiếp theo.

Quốc hội

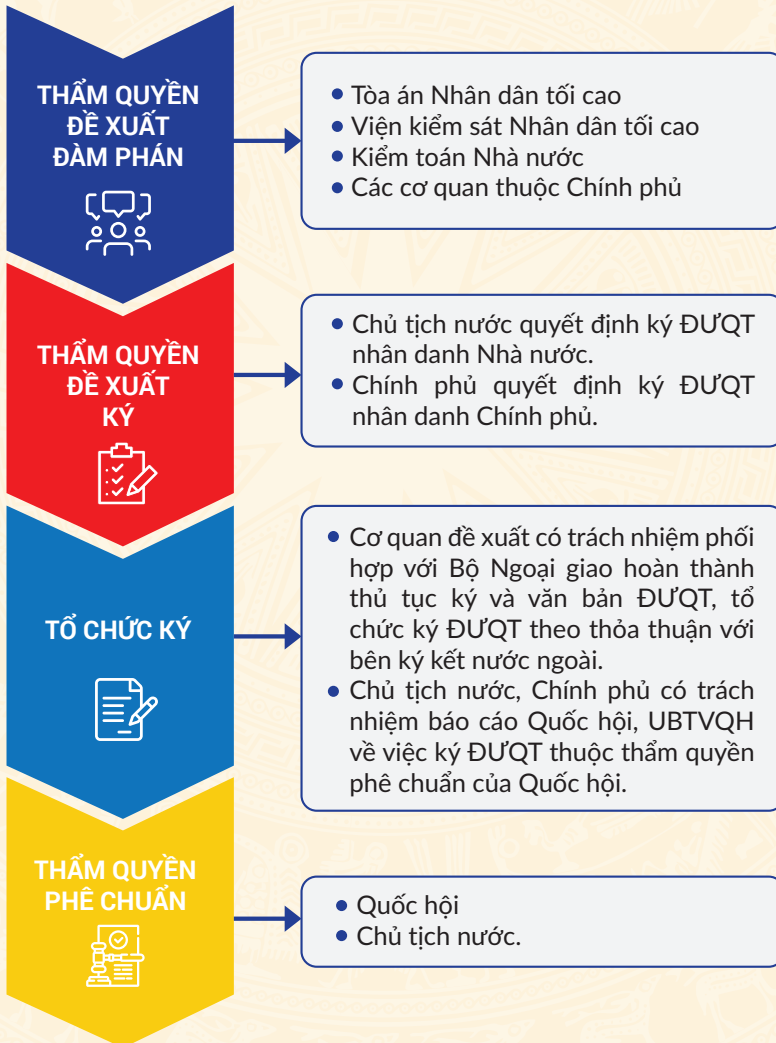
6. QUY TRÌNH QUỐC HỘI PHÊ CHUẨN, QUYẾT ĐỊNH GIA NHẬP HOẶC CHẤM DỨT HIỆU LỰC CỦA ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ

Theo quy định của pháp luật hiện hành, thẩm quyền quyết định của Quốc hội liên quan ĐƯQT bao gồm:

- * Xem xét, phê chuẩn ĐƯQT;
- * Gia nhập ĐƯQT hoặc sửa đổi, bổ sung gia hạn ĐƯQT;
- * Chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐƯQT mà Quốc hội phê chuẩn hoặc quyết định gia nhập;
- * Rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐƯQT mà Quốc hội phê chuẩn hoặc quyết định gia nhập;
- * Chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT mà Quốc hội phê chuẩn hoặc quyết định gia nhập. (Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch nước, Chính phủ quyết định tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT do Chủ tịch nước, Chính phủ quyết định ký và Quốc hội phê chuẩn, sau đó báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất).

SƠ ĐỒ 14

QUY TRÌNH PHÊ CHUẨN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ



6.1 Quy trình Quốc hội xem xét, phê chuẩn ĐƯQT

SƠ ĐỒ 15

ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ THUỘC THẨM QUYỀN QUỐC HỘI PHÊ CHUẨN



1

ĐƯQT liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2

ĐƯQT về việc thành lập, tham gia tổ chức quốc tế và khu vực nếu việc thành lập, tham gia, rút khỏi tổ chức đó ảnh hưởng đến chính sách cơ bản của quốc gia về đối ngoại, quốc phòng, an ninh, phát triển KT-XH, tài chính, tiền tệ.

3

ĐƯQT làm thay đổi, hạn chế hoặc chấm dứt quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội.

4

ĐƯQT có quy định trái với luật, nghị quyết của Quốc hội.

5

ĐƯQT do Chủ tịch nước trực tiếp ký với người đứng đầu Nhà nước khác.

Quy trình Quốc hội xem xét, phê chuẩn ĐƯQT gồm một số bước sau đây: (i) đề xuất phê chuẩn và chuẩn bị hồ sơ; (ii) Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội thẩm tra; (iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến; (iv) Quốc hội xem xét, phê chuẩn.

SƠ ĐỒ 16 QUY TRÌNH QUỐC HỘI PHÊ CHUẨN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ



1

Chuẩn bị hồ sơ đề xuất phê chuẩn:

- Chính phủ trình Chủ tịch nước để Chủ tịch nước trình Quốc hội phê chuẩn;
- Hồ sơ bao gồm: Tờ trình; ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức và kiến nghị biện pháp xử lý; dự kiến kế hoạch thực hiện ĐƯQT; văn bản ĐƯQT.

2

Ủy ban Đối ngoại chủ trì thẩm tra

- Tổ chức phiên họp ủy ban để thẩm tra;
- Xây dựng báo cáo thẩm tra.

3

UBTVQH xem xét, cho ý kiến tại phiên họp:

Theo trình tự:

- ✓ Chủ tịch nước trình bày Tờ trình;
- ✓ Ủy ban Đối ngoại trình bày báo cáo thẩm tra;
- ✓ Thành viên UBTVQH thảo luận;
- ✓ Cơ quan liên quan phát biểu ý kiến;
- ✓ Chủ tọa kết luận.

Trên cơ sở kết luận của UBTVQH, Chính phủ, Ủy ban Đối ngoại hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội.

Quốc hội xem xét, phê chuẩn ĐUQT tại kỳ họp Quốc hội:

- 1 Chủ tịch nước trình bày về đề nghị phê chuẩn ĐUQT.
- 2 Đại diện Chính phủ hoặc đại diện cơ quan đề xuất trong trường hợp cơ quan đề xuất không phải là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trình bày báo cáo về ĐUQT.
- 3 Đại diện Ủy ban Đối ngoại trình bày báo cáo thẩm tra.
- 4 Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, việc phê chuẩn ĐUQT có thể được thảo luận tại Tổ ĐBQH. Trong quá trình thảo luận, đại diện cơ quan đề xuất được trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan đến việc phê chuẩn ĐUQT mà ĐBQH nêu.
- 5 UBTVQH trình bày báo cáo tiếp thu, giải trình, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết về việc phê chuẩn ĐUQT.
- 6 Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về việc phê chuẩn ĐUQT.

4

(i) Đề xuất phê chuẩn và chuẩn bị hồ sơ

Theo quy định của Điều 30, Luật ĐUQT, Chính phủ trình Chủ tịch nước để Chủ tịch nước trình Quốc hội phê chuẩn đối với ĐUQT thuộc thẩm quyền Quốc hội phê chuẩn.

Hồ sơ phê chuẩn ĐUQT gồm: (1) Tờ trình của cơ quan trình, trong đó có đánh giá tác động của ĐUQT đối với Việt Nam; (2) kiến nghị về việc phê chuẩn, thời điểm phê chuẩn, nội dung bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với ĐUQT nhiều bên; (3) kiến nghị về việc áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần ĐUQT; (4) kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện ĐUQT; (5) Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan; (6) báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức và kiến nghị biện pháp xử lý; (7) dự kiến Kế hoạch thực hiện ĐUQT; (8) Văn bản ĐUQT¹.

(ii) Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội thẩm tra

Văn phòng Chủ tịch nước phối hợp với cơ quan đề xuất gửi hồ sơ đề nghị thẩm tra ĐUQT đến cơ quan chủ trì thẩm tra và cơ quan tham gia thẩm tra ĐUQT chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội². Hồ sơ đề xuất phê chuẩn được gửi tới Ủy ban Đối ngoại bao gồm: (1) Tờ trình của Chủ tịch nước đề nghị phê chuẩn ĐUQT; Báo cáo thuyết minh của Chính phủ; (2) Các tài liệu quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 31 của Luật ĐUQT. Cơ quan chủ trì thẩm tra tổ chức phiên họp để thẩm tra ĐUQT với sự tham gia của cơ quan tham gia thẩm tra và cơ quan, tổ chức có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thẩm tra³.

¹ Điều 31, Luật ĐUQT

² Điều 35, Luật ĐUQT

³ Điều 34, Luật ĐUQT

Nội dung thẩm tra tập trung vào các vấn đề sau đây: Sự cần thiết phê chuẩn ĐƯQT; Việc tuân thủ trình tự, thủ tục đề xuất phê chuẩn ĐƯQT; Tính hợp hiến và mức độ phù hợp với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH; Khả năng áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần ĐƯQT; Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH để thực hiện ĐƯQT¹.

Trên cơ sở ý kiến thảo luận tại phiên họp thẩm tra, Ủy ban Đối ngoại chuẩn bị Báo cáo thẩm tra trình UBTVQH, Quốc hội xem xét.

(iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến

UBTVQH xem xét, cho ý kiến về hồ sơ phê chuẩn ĐƯQT tại phiên họp theo trình tự: Chủ tịch nước trình bày đề nghị phê chuẩn ĐƯQT; đại diện UBND trình bày báo cáo thẩm tra; UBTVQH thảo luận; Ý kiến phát biểu của cơ quan liên quan; chủ tọa kết luận. Trên cơ sở ý kiến của UBTVQH, Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội chủ trì, phối hợp với HĐDT, các Ủy ban của Quốc hội và cơ quan trình hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội

(iv) Quốc hội xem xét, phê chuẩn ĐƯQT tại kỳ họp Quốc hội

Hồ sơ đề xuất phê chuẩn ĐƯQT trình Quốc hội bao gồm: (1) Tờ trình của Chủ tịch nước đề nghị phê chuẩn ĐƯQT; (2) Báo cáo thuyết minh của Chính phủ; (3) Báo cáo đánh giá tác động của ĐƯQT đối với Việt Nam; (4) kiến nghị về việc phê chuẩn, thời điểm phê chuẩn, nội dung bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với ĐƯQT nhiều bên; (5) kiến nghị về việc áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần ĐƯQT; (6) kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy

¹ Điều 32, Luật ĐƯQT

phạm pháp luật để thực hiện ĐƯQT; (7) Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan; (8) báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức và kiến nghị biện pháp xử lý; (9) dự kiến Kế hoạch thực hiện ĐƯQT; (10) Văn bản ĐƯQT.

Quốc hội phê chuẩn ĐƯQT tại kỳ họp theo trình tự sau đây¹: (1) Chủ tịch nước trình Quốc hội về đề nghị phê chuẩn ĐƯQT; (2) Đại diện Chính phủ hoặc đại diện cơ quan đề xuất trong trường hợp cơ quan đề xuất không phải là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trình bày báo cáo về ĐƯQT; (3) Đại diện cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra; (4) Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể về việc phê chuẩn ĐƯQT. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, việc phê chuẩn ĐƯQT có thể được thảo luận tại Tổ ĐBQH. Trong quá trình thảo luận, Đại diện Chính phủ hoặc đại diện cơ quan đề xuất được trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan đến việc phê chuẩn ĐƯQT; (5) UBTVQH trình bày báo cáo tiếp thu, giải trình, chỉnh lý Dự thảo Nghị quyết về việc phê chuẩn ĐƯQT; (6) Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về việc phê chuẩn ĐƯQT.

6.2 Quốc hội quyết định gia nhập ĐƯQT

Quốc hội quyết định gia nhập ĐƯQT trong các trường hợp sau đây²:

- ĐƯQT liên quan đến chiến tranh, hòa bình, chủ quyền quốc gia của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- ĐƯQT về việc thành lập, tham gia tổ chức quốc tế và khu vực nếu việc thành lập, tham gia, rút khỏi tổ chức đó ảnh

¹ Điều 36, Luật ĐƯQT

² Điều 29, Luật ĐƯQT

hưởng đến chính sách cơ bản của quốc gia về đối ngoại, quốc phòng, an ninh, phát triển KT-XH, tài chính, tiền tệ;

- ĐƯQT làm thay đổi, hạn chế hoặc chấm dứt quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định của luật, nghị quyết của Quốc hội;

- ĐƯQT có quy định trái với luật, nghị quyết của Quốc hội

Quy trình Quốc hội xem xét, phê chuẩn ĐƯQT gồm một số bước sau đây: (i) Đề xuất gia nhập ĐƯQT và chuẩn bị hồ sơ; (ii) Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội thẩm tra; (iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến; (iv) Quốc hội xem xét, phê chuẩn.

SƠ ĐỒ 17
QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH
GIA NHẬP ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ



1 Chuẩn bị hồ sơ đề xuất gia nhập ĐƯQT:

- Chính phủ trình Chủ tịch nước để Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định;
- Hồ sơ bao gồm: Tờ trình; Ý kiến kiểm tra của Bộ Ngoại giao, ý kiến thẩm định của Bộ Tư pháp, ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức có liên quan; dự kiến kế hoạch thực hiện ĐƯQT; Văn bản ĐƯQT; Danh sách các thành viên của ĐƯQT, văn bản sửa đổi, bổ sung ĐƯQT, bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu, tuyên bố của các bên ký kết nước ngoài đối với ĐƯQT, thủ tục pháp lý cần thiết và các thông tin khác liên quan đến việc gia nhập ĐƯQT.

2 Ủy ban Đối ngoại chủ trì thẩm tra

- Tổ chức phiên họp Ủy ban để thẩm tra;
- Xây dựng báo cáo thẩm tra.

UBTVQH xem xét, cho ý kiến tại phiên họp:

Theo trình tự:

- ☑ Chủ tịch nước trình bày Tờ trình;
- ☑ Ủy ban Đối ngoại trình bày báo cáo thẩm tra;
- ☑ Thành viên UBTVQH thảo luận;
- ☑ Cơ quan liên quan phát biểu ý kiến;
- ☑ Chủ tọa kết luận.

Trên cơ sở kết luận của UBTVQH, Chính phủ, Ủy ban Đối ngoại hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội.

Quốc hội quyết định gia nhập ĐUQT tại kỳ họp Quốc hội:

4

- 1 Chủ tịch nước trình bày về đề nghị gia nhập ĐUQT.
- 2 Đại diện Chính phủ hoặc đại diện cơ quan đề xuất trong trường hợp cơ quan đề xuất không phải là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trình bày báo cáo về gia nhập ĐUQT.
- 3 Đại diện Ủy ban Đối ngoại trình bày báo cáo thẩm tra.
- 4 Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, việc quyết định gia nhập ĐUQT có thể được thảo luận tại Tổ ĐBQH. Trong quá trình thảo luận, đại diện Chính phủ hoặc đại diện cơ quan đề xuất được trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan đến việc gia nhập ĐUQT mà ĐBQH nêu.
- 5 UBNDQH trình bày báo cáo tiếp thu, giải trình, chính lý Dự thảo Nghị quyết về việc gia nhập ĐUQT.
- 6 Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về việc gia nhập ĐUQT.

(i) Đề xuất gia nhập ĐUQT và chuẩn bị hồ sơ

Các cơ quan có thẩm quyền đề xuất đàm phán ĐUQT theo quy định tại Điều 8, Luật ĐUQT, căn cứ vào nhiệm vụ, quyền hạn của mình, yêu cầu hợp tác quốc tế, đề xuất với Chính phủ để Chính phủ quyết định, trình Chủ tịch nước, để Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định về việc gia nhập ĐUQT nói trên¹.

Hồ sơ bao gồm²: (1) Tờ trình của cơ quan trình, trong đó có đánh giá tác động của ĐUQT đối với Việt Nam; (2) kiến nghị về việc gia nhập, thời điểm, nội dung bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với ĐUQT nhiều bên; (3) kiến nghị về việc áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần ĐUQT; (4) kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành VBQPPL để thực hiện ĐUQT; (5) Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan; (6) báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức và kiến nghị biện pháp xử lý; (7) dự kiến Kế hoạch thực hiện ĐUQT; (8) Văn bản ĐUQT.

(iii) Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội thẩm tra³

Văn phòng Chủ tịch nước phối hợp với cơ quan đề xuất gửi hồ sơ đề nghị thẩm tra ĐUQT đến cơ quan chủ trì thẩm tra và cơ quan tham gia thẩm tra ĐUQT chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp Quốc hội. Hồ sơ đề xuất gia nhập ĐUQT được gửi tới Ủy ban Đối ngoại bao gồm: (1) Tờ trình của Chủ tịch nước đề nghị gia nhập ĐUQT; (2) Báo cáo thuyết minh; (3) Các tài liệu quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 31 của Luật ĐUQT. Cơ quan chủ trì thẩm tra tổ chức phiên họp để thẩm tra ĐUQT với sự tham gia của cơ quan tham gia thẩm tra và cơ quan, tổ chức có liên quan trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thẩm tra.

¹ Điều 41, Luật ĐUQT

² Điều 45, Luật ĐUQT

³ Điều 44, Luật ĐUQT

Nội dung thẩm tra tập trung vào các vấn đề sau đây: Sự cần thiết gia nhập ĐƯQT; Việc tuân thủ trình tự, thủ tục đề xuất gia nhập ĐƯQT; Tính hợp hiến và mức độ phù hợp với luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH; Khả năng áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần ĐƯQT; Yêu cầu sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của UBTVQH để thực hiện ĐƯQT.

Trên cơ sở ý kiến thảo luận tại phiên họp thẩm tra, Ủy ban Đối ngoại chuẩn bị Báo cáo thẩm tra trình UBTVQH, Quốc hội xem xét.

(iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến

UBTVQH xem xét, cho ý kiến hồ sơ gia nhập ĐƯQT tại phiên họp theo trình tự: Chủ tịch nước trình bày đề nghị gia nhập ĐƯQT; Đại diện UBND trình bày báo cáo thẩm tra; UBTVQH thảo luận; Ý kiến phát biểu của cơ quan liên quan; chủ tọa kết luận. Trên cơ sở ý kiến của UBTVQH, Ủy ban đối ngoại của Quốc hội chủ trì, phối hợp với HĐDT, các Ủy ban của Quốc hội và cơ quan trình hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội

(iv) Quốc hội xem xét, quyết định gia nhập ĐƯQT tại kỳ họp Quốc hội

Hồ sơ đề xuất gia nhập ĐƯQT trình Quốc hội bao gồm: (1) Tờ trình của Chủ tịch nước đề nghị phê chuẩn ĐƯQT; (2) Báo cáo thuyết minh của Chính phủ; (3) Báo cáo đánh giá tác động của ĐƯQT đối với Việt Nam; (4) kiến nghị về việc phê chuẩn, thời điểm phê chuẩn, nội dung bảo lưu, chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, tuyên bố đối với ĐƯQT nhiều bên; (5) kiến nghị về việc áp dụng trực tiếp toàn bộ hoặc một phần ĐƯQT; (6) kiến nghị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc ban hành văn bản quy phạm pháp luật để thực hiện ĐƯQT; (7) Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan;

(8) báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức và kiến nghị biện pháp xử lý; (9) dự kiến Kế hoạch thực hiện ĐƯQT; (10) Văn bản ĐƯQT.

Quốc hội gia nhập ĐƯQT tại kỳ họp theo trình tự sau đây¹: (1) Chủ tịch nước trình Quốc hội về đề nghị gia nhập ĐƯQT; (2) Đại diện cơ quan đề xuất trình bày báo cáo về ĐƯQT; (3) Đại diện cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra; (4) Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể về việc gia nhập ĐƯQT. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, việc gia nhập ĐƯQT có thể được thảo luận tại Tổ ĐBQH. Trong quá trình thảo luận, đại diện cơ quan đề xuất được trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan đến việc gia nhập ĐƯQT; (5) UBTVQH trình bày báo cáo tiếp thu, giải trình, chỉnh lý Dự thảo Nghị quyết về việc gia nhập ĐƯQT; (6) Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về việc gia nhập ĐƯQT.

6.3 Quy trình sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT

Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT do Quốc hội phê chuẩn hoặc quyết định gia nhập². Quy trình Quốc hội quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT gồm các bước sau: (i) Đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT; (ii) Thẩm tra; (iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến; (iv) Quốc hội xem xét, quyết định.

(i) Đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT

Cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT; Chính phủ trình Chủ tịch nước; Chủ tịch nước trình Quốc hội xem xét, quyết định³.

¹ Điều 44, Luật ĐƯQT

² Khoản 3, Điều 54, Luật ĐƯQT

³ Khoản 5, Điều 54, Luật ĐƯQT

(ii) Thẩm tra

Ủy ban Đối ngoại tổ chức thẩm tra hồ sơ đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT theo trình tự, thủ tục tương tự thẩm tra hồ sơ phê chuẩn ĐƯQT¹.

(iii) UBND xem xét, cho ý kiến

UBND xem xét, cho ý kiến về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT theo trình tự, thủ tục tương tự trình tự xem xét, cho ý kiến về việc phê chuẩn ĐƯQT.

(iv) Quốc hội xem xét, quyết định

Quốc hội xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT tại kỳ họp Quốc hội. Hồ sơ trình Quốc hội bao gồm: (1) Tờ trình của cơ quan trình, trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu, cơ sở pháp lý và hậu quả pháp lý của việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT; (2) Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức; kiến nghị biện pháp xử lý; (3) Văn bản ĐƯQT; (4) Đề nghị về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT của bên ký kết nước ngoài hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan của Việt Nam.

Quốc hội xem xét, quyết định việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT theo quy trình tương tự quy trình Quốc hội quyết định việc phê chuẩn ĐƯQT².

¹ Điểm d, khoản 5, Điều 54, Luật ĐƯQT

² Điểm d, khoản 5, Điều 54, Luật ĐƯQT

SƠ ĐỒ 18

QUY TRÌNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, GIA HẠN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ



01

Chuẩn bị hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐUQT:

- Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định;
- Hồ sơ bao gồm: Tờ trình; Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức; kiến nghị biện pháp xử lý; Văn bản ĐUQT; Đề nghị về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐUQT của bên ký kết nước ngoài hoặc cơ quan nhà nước có liên quan của Việt Nam.

02

Ủy ban Đối ngoại chủ trì thẩm tra

- Tổ chức phiên họp Ủy ban để thẩm tra;
- Xây dựng báo cáo thẩm tra.

03

UBTVQH xem xét, cho ý kiến tại phiên họp:

Theo trình tự:

- ✓ Chủ tịch nước trình bày Tờ trình;
- ✓ Ủy ban Đối ngoại trình bày báo cáo thẩm tra;
- ✓ Thành viên UBTVQH thảo luận;
- ✓ Cơ quan liên quan phát biểu ý kiến;
- ✓ Chủ tọa kết luận.

Trên cơ sở kết luận của UBTVQH, Chính phủ, Ủy ban Đối ngoại hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội.

Quốc hội quyết định sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT tại kỳ họp Quốc hội:

- 1** Chủ tịch nước trình bày đề nghị sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT.
- 2** Đại diện Chính phủ hoặc đại diện cơ quan đề xuất trong trường hợp cơ quan đề xuất không phải là bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trình bày báo cáo về sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT.
- 3** Ủy ban Đối ngoại trình bày báo cáo thẩm tra.
- 4** Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT có thể được thảo luận tại Tổ ĐBQH.

Trong quá trình thảo luận, đại diện cơ quan đề xuất trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan đến việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT mà ĐBQH nêu.
- 5** UBTVQH trình bày báo cáo tiếp thu, giải trình, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT.
- 6** Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT.

04

6.4 Quốc hội chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT

Khoản 2, Điều 55, Luật ĐƯQT quy định, Quốc hội quyết định chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT mà Quốc hội phê chuẩn hoặc quyết định gia nhập. Trong trường hợp cần thiết, Chủ tịch nước, Chính phủ quyết định tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT do Chủ tịch nước, Chính phủ quyết định ký và Quốc hội phê chuẩn, sau đó báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất.

Quy trình Quốc hội quyết định việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT gồm các bước sau: (i) Đề xuất việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT; (ii) Thẩm tra; (iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến; (iv) Quốc hội xem xét, quyết định.

(i) Đề xuất việc sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT

Cơ quan đề xuất trình Chính phủ về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT; Chính phủ trình Chủ tịch nước; Chủ tịch nước trình Quốc hội xem xét, quyết định¹.

(ii) Thẩm tra

Ủy ban Đối ngoại tổ chức thẩm tra hồ sơ đề xuất việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT theo trình tự, thủ tục tương tự thẩm tra hồ sơ phê chuẩn ĐƯQT².

(iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến

UBTVQH xem xét, cho ý kiến về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT theo trình tự,

¹ Khoản 4, Điều 55, Luật ĐƯQT

² Khoản 4, Điều 55, Luật ĐƯQT

thủ tục tương tự trình tự xem xét, cho ý kiến về việc phê chuẩn ĐƯQT¹.

(iv) Quốc hội xem xét, quyết định

Quốc hội xem xét, quyết định việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT tại kỳ họp Quốc hội.

Hồ sơ trình Quốc hội bao gồm: (1) Tờ trình của cơ quan trình, trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu, cơ sở pháp lý và hậu quả pháp lý của việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT; (2) Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan; báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến của cơ quan, tổ chức; kiến nghị biện pháp xử lý; (3) Văn bản ĐƯQT; (4) Đề nghị về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT của bên ký kết nước ngoài hoặc cơ quan Nhà nước có liên quan của Việt Nam.

Quốc hội xem xét, quyết định việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT theo quy trình tương tự quy trình Quốc hội quyết định việc phê chuẩn ĐƯQT².

¹ Khoản 4, Điều 55, Luật ĐƯQT

² Khoản 4, Điều 55, Luật ĐƯQT

SƠ ĐỒ 19

QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH CHẤM DỨT HIỆU LỰC, TỪ BỎ, RÚT KHỎI, TẠM ĐÌNH CHỈ THỰC HIỆN ĐIỀU ƯỚC QUỐC TẾ



Cơ quan đề xuất chuẩn bị hồ sơ, văn bản trình Chính phủ về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT.

1

Chính phủ trình để Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT.

2

Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội chủ trì thẩm tra; HĐDT và các ủy ban khác phối hợp tham gia.

3

Chủ tịch nước trình UBTVQH xem xét, cho ý kiến về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT.

4

Quốc hội xem xét, quyết định chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT.

5

Quốc hội quyết định chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT tại kỳ họp Quốc hội:

- 1** Chủ tịch nước trình bày đề nghị chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT.
- 2** Đại diện Chính phủ hoặc đại diện cơ quan đề xuất trình bày báo cáo về chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT.
- 3** Ủy ban Đối ngoại trình bày báo cáo thẩm tra.
- 4** Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT có thể được thảo luận tại Tổ ĐBQH.

Đại diện cơ quan đề xuất được trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan đến việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT mà ĐBQH nêu.
- 5** UBTVQH trình bày báo cáo tiếp thu, giải trình, chỉnh lý Dự thảo Nghị quyết về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT.
- 6** Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về việc chấm dứt hiệu lực, từ bỏ, rút khỏi, tạm đình chỉ thực hiện ĐƯQT.

6.5 Quốc hội quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài

Khoản 1, Điều 49 Luật ĐƯQT quy định, Quốc hội quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐƯQT mà Quốc hội phê chuẩn hoặc quyết định gia nhập. Quốc hội quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐƯQT khi phê chuẩn hoặc quyết định gia nhập ĐƯQT đó hoặc sau khi nhận được tờ trình bổ sung về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu.

Hồ sơ trình về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐƯQT bao gồm¹: (1) Tờ trình về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài, hậu quả pháp lý của việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài; (2) Văn bản ĐƯQT; (3) Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan.

Quốc hội thực hiện xem xét, quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐƯQT theo quy trình tương tự quy trình Quốc hội phê chuẩn ĐƯQT².

¹ Khoản 3, Điều 48, Luật ĐƯQT

² Khoản 1, Điều 50, Luật ĐƯQT

SƠ ĐỒ 20

QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH CHẤP NHẬN HOẶC PHẢN ĐỐI BẢO LƯU CỦA BÊN KÝ KẾT NƯỚC NGOÀI ĐỐI VỚI ĐƯQT



1

Chuẩn bị hồ sơ đề xuất sửa đổi, bổ sung, gia hạn ĐƯQT:

Hồ sơ bao gồm: Tờ trình; Văn bản ĐƯQT; Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

2

Ủy ban Đối ngoại chủ trì thẩm tra

- Tổ chức phiên họp Ủy ban để thẩm tra;
- Xây dựng báo cáo thẩm tra.

3

UBTVQH xem xét, cho ý kiến tại phiên họp:

Theo trình tự:

- ✓ Chủ tịch nước trình bày Tờ trình;
- ✓ Ủy ban Đối ngoại trình bày báo cáo thẩm tra;
- ✓ Thành viên UBTVQH thảo luận;
- ✓ Cơ quan liên quan phát biểu ý kiến;
- ✓ Chủ tọa kết luận.

Trên cơ sở kết luận của UBTVQH, Chính phủ, Ủy ban Đối ngoại hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội.

4

Quốc hội quyết định chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐUQT tại kỳ họp Quốc hội:

- 1 Chủ tịch nước trình bày về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐUQT.
- 2 Đại diện cơ quan đề xuất trình bày báo cáo về chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐUQT.
- 3 Ủy ban Đối ngoại trình bày báo cáo thẩm tra.
- 4 Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐUQT có thể được thảo luận tại Tổ ĐBQH.

Trong quá trình thảo luận, đại diện cơ quan đề xuất trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan đến việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐUQT mà ĐBQH nêu.
- 5 UBNDVQH trình bày báo cáo tiếp thu, giải trình, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 6 Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về việc chấp nhận hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐUQT.

6.6 Quốc hội quyết định rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐƯQT

Điều 51, Luật ĐƯQT quy định, Quốc hội quyết định rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu đối với bảo lưu hoặc phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài do Quốc hội quyết định.

Hồ sơ trình về việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu bao gồm: (1) Tờ trình về việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu, hậu quả pháp lý của việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu; (2) Văn bản ĐƯQT; (3) Ý kiến của Bộ Ngoại giao, Bộ Tư pháp và cơ quan, tổ chức có liên quan¹.

Quốc hội thực hiện xem xét, quyết định rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu của bên ký kết nước ngoài đối với ĐƯQT theo quy trình tương tự quy trình Quốc hội phê chuẩn ĐƯQT².

¹ Khoản 6, Điều 51, Luật ĐƯQT

² Khoản 2, Điều 51, Luật ĐƯQT

SƠ ĐỒ 21

QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH RÚT BẢO LƯU HOẶC RÚT PHẢN ĐỐI BẢO LƯU



1 Cơ quan đề xuất chuẩn bị hồ sơ, văn bản trình Chính phủ về việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu.

2 Chính phủ trình để Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu.

3 Ủy ban Đối ngoại của Quốc hội chủ trì thẩm tra; HĐDT và các ủy ban khác phối hợp tham gia.

4 Chủ tịch nước trình UBTVQH xem xét, cho ý kiến về việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu.

5 Quốc hội xem xét, quyết định rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu.

Quốc hội quyết định rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu tại kỳ họp Quốc hội:

- 1 Chủ tịch nước trình bày đề nghị rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu.
- 2 Đại diện cơ quan đề xuất trình bày báo cáo.
- 3 Ủy ban Đối ngoại trình bày báo cáo thẩm tra.
- 4 Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu có thể được thảo luận tại Tổ ĐBQH.

Đại diện cơ quan đề xuất được trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan đến việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu mà ĐBQH nêu.
- 5 UBTVQH trình bày báo cáo tiếp thu, giải trình, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết.
- 6 Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về việc rút bảo lưu hoặc rút phản đối bảo lưu.

7. QUY TRÌNH BẦU, PHÊ CHUẨN CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC

Luật tổ chức Quốc hội quy định việc Quốc hội bầu, phê chuẩn các chức danh lãnh đạo trong bộ máy Nhà nước, đồng thời, Quốc hội miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc phê chuẩn đề nghị miễn nhiệm, cách chức người giữ chức vụ do Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn theo đề nghị của cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn chức vụ đó. Tại kỳ họp thứ nhất của mỗi khóa Quốc hội, trước khi bầu, phê chuẩn các chức danh trong bộ máy Nhà nước, Quốc hội quyết định số Phó Chủ tịch Quốc hội, số Ủy viên UBTVQH; bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên UBTVQH¹; quyết định cơ cấu tổ chức của Chính phủ².

Quốc hội bầu các chức danh trong bộ máy Nhà nước bao gồm: (1) Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội và các Ủy viên UBTVQH trong số các ĐBQH theo danh sách đề cử chức vụ từng người của UBTVQH; (2) Chủ tịch nước trong số các ĐBQH theo đề nghị của UBTVQH; Phó Chủ tịch nước trong số các ĐBQH theo đề nghị của Chủ tịch nước; (3) Chủ tịch HĐDT, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội trong số các ĐBQH theo đề nghị của UBTVQH; (4) Thủ tướng Chính phủ trong số các ĐBQH theo đề nghị của Chủ tịch nước; (5) Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao theo đề nghị của Chủ tịch nước; (6) Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Kiểm toán Nhà nước, TTKQH theo đề nghị của UBTVQH³.

¹ Trình tự, thủ tục Quốc hội quyết định số Phó Chủ tịch Quốc hội, số Ủy viên UBTVQH; bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên UBTVQH được thực hiện theo quy định của Điều 30, Nội quy kỳ họp Quốc hội

² Trình tự, thủ tục Quốc hội quyết định cơ cấu tổ chức của Chính phủ được thực hiện theo quy định của Điều 32, Nội quy kỳ họp Quốc hội

³ Điều 8, Luật Tổ chức Quốc hội

SƠ ĐỒ 22

QUY TRÌNH CHUNG BẦU CÁC CHỨC DANH TRONG BỘ MÁY NHÀ NƯỚC



Quốc hội phê chuẩn các chức danh trong bộ máy Nhà nước bao gồm: (1) Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm các Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và các thành viên khác của Chính phủ theo danh sách đề cử chức vụ từng người; (2) Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao về việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao; (3) Quốc hội phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng quốc phòng và an ninh theo đề nghị của Chủ tịch nước; (4) Quốc hội phê chuẩn danh sách thành viên Hội đồng bầu cử quốc gia theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia¹.

¹ Điều 9, Luật Tổ chức Quốc hội

SƠ ĐỒ 23

QUY TRÌNH CHUNG PHÊ CHUẨN CÁC CHỨC DANH LÃNH ĐẠO NHÀ NƯỚC



Trước khi Quốc hội bầu, phê chuẩn các chức danh lãnh đạo của Nhà nước tại Kỳ họp của Quốc hội, Ban Công tác đại biểu là cơ quan giúp Quốc hội, UBTVQH và các vị ĐBQH thực hiện các bước của quy trình và phối hợp với các cơ quan chuẩn bị các tài liệu, hồ sơ kèm theo.

Hồ sơ trình Quốc hội về người được giới thiệu vào các chức danh để Quốc hội bầu, phê chuẩn bao gồm: (1) Tờ trình của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền trình; (2) Báo cáo thẩm tra trong trường hợp pháp luật quy định; (3) Hồ sơ về người được giới thiệu vào các chức danh để Quốc hội bầu hoặc phê chuẩn và các tài liệu khác theo quy định của UBTVQH.

ĐBQH ở trung tâm của quy trình bầu các chức danh lãnh đạo Nhà nước thể hiện vai trò rất quan trọng của ĐBQH. ĐBQH trực tiếp thực hiện các bước của quy trình cho đến khi bầu ra chức danh lãnh đạo Nhà nước.

Quy trình phê chuẩn các chức danh lãnh đạo Nhà nước có điểm khác với quy trình bầu là danh sách đề nghị phê chuẩn do cơ quan có thẩm quyền trình và ĐBQH có quyền nêu ý kiến, kiến nghị với cơ quan trình danh sách nhưng không được giới thiệu thêm hay tự ứng cử vào các chức danh này.

7.1 Quốc hội bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó chủ tịch Quốc hội, Ủy viên UBTVQH

Tại kỳ họp thứ nhất¹ của mỗi khóa Quốc hội, Quốc hội bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên UBTVQH theo trình tự sau đây²:

¹ Tại kỳ họp cuối cùng của mỗi khóa Quốc hội, Quốc hội cũng tiến hành khtỏ chức bầu, phê chuẩn các chức danh của Bộ máy nhà nước

² Khoản 3, Điều 30 Nội quy kỳ họp Quốc hội.

(1) Đề cử, giới thiệu:

- UBTVQH khóa trước trình danh sách đề cử để Quốc hội bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên UBTVQH;

- Ngoài danh sách do UBTVQH khóa trước đề nghị, ĐBQH có quyền giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử vào các chức danh Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên UBTVQH; người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách người ứng cử.

(2) Thảo luận tại Đoàn ĐBQH

- ĐBQH thảo luận tại Đoàn ĐBQH; Chủ tịch Quốc hội khóa trước có thể họp với các Trưởng đoàn ĐBQH để trao đổi về các vấn đề có liên quan;

- UBTVQH khóa trước báo cáo Quốc hội kết quả thảo luận tại Đoàn ĐBQH và giải trình, tiếp thu ý kiến của ĐBQH.

(3) Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do ĐBQH giới thiệu hoặc tự ứng cử và thành lập Ban kiểm phiếu

- UBTVQH khóa trước trình Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do ĐBQH giới thiệu hoặc tự ứng cử;

- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua danh sách để bầu Chủ tịch Quốc hội, Phó Chủ tịch Quốc hội, Ủy viên UBTVQH;

- Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

(4) Bầu và thông qua nghị quyết

* Quốc hội bầu Chủ tịch Quốc hội bằng hình thức bỏ phiếu kín;

- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu, biểu quyết;
- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết bầu Chủ tịch Quốc hội;

(5) *Chủ tịch Quốc hội tuyên thệ.*

* Quốc hội bầu Phó Chủ tịch Quốc hội và Ủy viên UBTVQH bằng hình thức bỏ phiếu kín.

- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.
- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua các nghị quyết bầu Phó Chủ tịch Quốc hội và Ủy viên UBTVQH.

7.2 Quốc hội bầu Chủ tịch nước

Quốc hội bầu Chủ tịch nước theo trình tự sau đây:

(1) *Đề cử, giới thiệu:*

- UBTVQH trình danh sách đề cử để Quốc hội bầu Chủ tịch nước;
- Ngoài danh sách do UBTVQH đề nghị, ĐBQH có quyền giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử vào chức danh Chủ tịch nước; người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách người ứng cử.

(2) *Thảo luận tại Đoàn ĐBQH*

- ĐBQH thảo luận tại Đoàn ĐBQH; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng đoàn ĐBQH để trao đổi về các vấn đề có liên quan;
- UBTVQH báo cáo Quốc hội kết quả thảo luận tại Đoàn ĐBQH và giải trình, tiếp thu ý kiến của ĐBQH.

(3) Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do ĐBQH giới thiệu hoặc tự ứng cử và thành lập Ban kiểm phiếu

- UBTVQH khóa trước trình Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do ĐBQH giới thiệu hoặc tự ứng cử.

- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua danh sách để bầu Chủ tịch nước.

- Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

(4) Bầu và thông qua nghị quyết

- Quốc hội bầu Chủ tịch nước bằng hình thức bỏ phiếu kín;

- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu, biểu quyết;

- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết bầu Chủ tịch nước.

(5) Chủ tịch nước tuyên thệ.

7.3 Quốc hội bầu Thủ tướng Chính phủ, Phó Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao

a) Quốc hội bầu Thủ tướng Chính phủ

Quốc hội bầu Thủ tướng Chính phủ theo trình tự sau đây:

(1) Đề cử, giới thiệu:

- Chủ tịch nước trình danh sách đề cử để Quốc hội bầu Thủ tướng Chính phủ.

- Ngoài danh sách do Chủ tịch nước đề nghị, ĐBQH có quyền giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử vào chức danh Thủ tướng Chính phủ; người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách người ứng cử.

(2) Thảo luận tại Đoàn ĐBQH

- ĐBQH thảo luận tại Đoàn ĐBQH; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng đoàn ĐBQH, mời Chủ tịch nước tham dự để trao đổi về các vấn đề có liên quan;

- UBTVQH báo cáo Quốc hội kết quả thảo luận tại Đoàn ĐBQH;

- Chủ tịch nước báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến của ĐBQH.

(3) Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do ĐBQH giới thiệu hoặc tự ứng cử và thành lập Ban kiểm phiếu

- UBTVQH trình Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do ĐBQH giới thiệu hoặc tự ứng cử;

- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua danh sách để bầu Thủ tướng Chính phủ;

- Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

(4) Bầu và thông qua nghị quyết

- Quốc hội bầu Thủ tướng Chính phủ bằng hình thức bỏ phiếu kín;

- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu, biểu quyết;

- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết bầu Thủ tướng Chính phủ.

(5) Thủ tướng Chính phủ tuyên thệ.

b) Quốc hội bầu Phó Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao

Quốc hội bầu Phó Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao theo trình tự sau đây:

(1) Đề cử, giới thiệu:

- Chủ tịch nước trình danh sách đề cử để Quốc hội bầu Phó Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao.

- Ngoài danh sách do Chủ tịch nước đề nghị, ĐBQH có quyền giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử vào chức danh Phó Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao; người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách người ứng cử.

(2) Thảo luận tại Đoàn ĐBQH

- ĐBQH thảo luận tại Đoàn ĐBQH; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng đoàn ĐBQH, mời Chủ tịch nước tham dự để trao đổi về các vấn đề có liên quan.

- UBTVQH báo cáo Quốc hội kết quả thảo luận tại Đoàn ĐBQH.

- Chủ tịch nước báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến của ĐBQH.

(3) Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do ĐBQH giới thiệu hoặc tự ứng cử và thành lập Ban kiểm phiếu

- UBTVQH trình Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do ĐBQH giới thiệu hoặc tự ứng cử.

- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua danh sách để bầu Phó Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao.

- Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

(4) Bầu và thông qua nghị quyết

- Quốc hội bầu Phó Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao bằng hình thức bỏ phiếu kín.

- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu, biểu quyết.

- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết bầu Phó Chủ tịch nước, Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát Nhân dân tối cao.

(5) Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao tuyên thệ.

7.4 Quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Tổng Thư ký Quốc hội, Chủ tịch HĐDT, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán Nhà nước

Quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, TTKQH, Chủ tịch HĐDT, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán Nhà nước, theo trình tự sau đây:

(1) Đề cử, giới thiệu:

- UBTVQH trình danh sách đề cử để Quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, TTKQH, Chủ tịch HĐDT, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán Nhà nước.

- Ngoài danh sách do UBTVQH đề nghị, ĐBQH có quyền giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử vào chức danh Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, TTKQH, Chủ tịch HĐDT, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán Nhà nước; người được giới thiệu ứng cử có quyền rút khỏi danh sách người ứng cử.

(2) Thảo luận tại Đoàn ĐBQH

- ĐBQH thảo luận tại Đoàn ĐBQH; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng đoàn ĐBQH để trao đổi về các vấn đề có liên quan;

- UBTVQH báo cáo Quốc hội kết quả thảo luận tại Đoàn ĐBQH và giải trình, tiếp thu ý kiến của ĐBQH.

(3) Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do ĐBQH giới thiệu hoặc tự ứng cử và thành lập Ban kiểm phiếu

- UBTVQH trình Quốc hội quyết định danh sách người ứng cử do ĐBQH giới thiệu hoặc tự ứng cử.

- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua danh sách để bầu Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, TTKQH, Chủ tịch HĐDT, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán Nhà nước;

- Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

(4) Bầu và thông qua nghị quyết

- Quốc hội bầu Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, TTKQH, Chủ tịch HĐDT, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng kiểm toán Nhà nước bằng hình thức bỏ phiếu kín;

- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu, biểu quyết;

- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết bầu Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, TTKQH, Chủ tịch HĐDT, Chủ nhiệm Ủy ban của Quốc hội, Tổng Kiểm toán Nhà nước.

7.5. Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ

Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ theo trình tự sau đây:

(1) Thủ tướng Chính phủ trình danh sách để Quốc hội phê chuẩn việc bổ nhiệm Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ;

(2) Thảo luận tại Đoàn ĐBQH

ĐBQH thảo luận tại Đoàn ĐBQH; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng đoàn ĐBQH, mời Thủ tướng Chính phủ tham dự để trao đổi về các vấn đề có liên quan.

(3) Quốc hội quyết định danh sách phê chuẩn và thành lập Ban kiểm phiếu

- UBNDVQH báo cáo Quốc hội kết quả thảo luận tại Đoàn ĐBQH;

- Thủ tướng Chính phủ báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến của ĐBQH;

- Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

(4) Phê chuẩn và thông qua nghị quyết

- Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ bằng hình thức bỏ phiếu kín;

- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu, biểu quyết;

- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết phê chuẩn đề nghị của Thủ tướng Chính phủ về việc bổ nhiệm Phó Thủ tướng, Bộ trưởng và thành viên khác của Chính phủ.

7.6 Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng quốc phòng và an ninh

Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng quốc phòng và an ninh theo trình tự sau đây:

(1) Chủ tịch nước trình Quốc hội danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng quốc phòng và an ninh.

(2) Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

(3) Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng quốc phòng và an ninh bằng hình thức bỏ phiếu kín. Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu, biểu quyết.

(4) Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch nước về danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng quốc phòng và an ninh.

7.7. Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao về việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao

Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao về việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao theo trình tự sau đây:

(1) Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao trình danh sách để Quốc hội phê chuẩn đề nghị bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao

- Ủy ban Tư pháp của Quốc hội trình Quốc hội báo cáo thẩm tra.

(2) Thảo luận tại Đoàn ĐBQH

ĐBQH thảo luận tại Đoàn ĐBQH; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng đoàn ĐBQH, mời Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao tham dự để trao đổi về các vấn đề có liên quan.

(3) Quốc hội quyết định danh sách phê chuẩn và thành lập Ban kiểm phiếu

- UBTVQH báo cáo Quốc hội kết quả thảo luận tại Đoàn ĐBQH;

- Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến của ĐBQH;

- Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

(4) Phê chuẩn và thông qua nghị quyết

Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao về việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao bằng hình thức bỏ phiếu kín;

- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu, biểu quyết;

- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết phê chuẩn đề nghị của Chánh án Tòa án Nhân dân tối cao về việc bổ nhiệm Thẩm phán Tòa án Nhân dân tối cao.

7.8 Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia về danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia

Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia về danh sách Phó Chủ tịch và Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia theo trình tự sau đây:

(1) Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia trình Quốc hội danh sách Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia.

(2) Thảo luận tại Đoàn ĐBQH:

ĐBQH thảo luận tại Đoàn ĐBQH; Chủ tịch Quốc hội có thể họp với các Trưởng đoàn ĐBQH, mời Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia tham dự để trao đổi về các vấn đề có liên quan.

(3) Quốc hội quyết định danh sách phê chuẩn và thành lập Ban kiểm phiếu

- UBTWQH báo cáo Quốc hội kết quả thảo luận tại Đoàn ĐBQH;

- Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu ý kiến của ĐBQH;

- Quốc hội thành lập Ban kiểm phiếu.

(4) Phê chuẩn và thông qua nghị quyết

- Quốc hội phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia về danh sách Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia bằng hình thức bỏ phiếu kín;

- Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu, biểu quyết;

- Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết phê chuẩn đề nghị của Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia về danh sách Phó Chủ tịch Hội đồng bầu cử quốc gia, Ủy viên Hội đồng bầu cử quốc gia.

8. QUY TRÌNH QUYẾT ĐỊNH MỘT SỐ VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG KHÁC CỦA ĐẤT NƯỚC

Ngoài việc quyết định các vấn đề quan trọng được trình bày trong các phần phía trên, Điều 70 của Hiến pháp năm 2013, Điều 7, 16, 17, 19 của Luật tổ chức Quốc hội còn quy định Quốc hội quyết định những vấn đề về: *Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp Quốc gia; đại xá; vấn đề chiến tranh và hòa bình; trưng cầu ý dân; ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử ĐBQH, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; việc bầu cử bổ sung ĐBQH trong thời gian giữa nhiệm kỳ.*

8.1 Quy trình quyết định Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia

Hồ sơ trình Quốc hội quyết định Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia bao gồm: (1) Báo cáo của Chính phủ về đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn hiện hành và Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia giai đoạn tiếp theo; (2) Dự thảo Nghị quyết về Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia; (3) Báo cáo của Ủy ban Kinh tế của Quốc hội thẩm tra Báo cáo của Chính phủ và Dự thảo nghị quyết.

Quy trình Quốc hội quyết định Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia bao gồm các bước sau đây: (i) Chính phủ chuẩn bị hồ sơ liên quan dự kiến Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia trình UBTVQH; (ii) Thẩm tra Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia; (iv) UBTVQH cho ý kiến về dự kiến Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia trước khi trình Quốc hội; (v) Quốc hội xem xét quyết định.

Quốc hội quyết định Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia tại kỳ họp theo trình tự sau đây: (1) Chính phủ báo cáo về dự kiến Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia tại Phiên họp toàn thể của Quốc hội; (2) Ủy ban Kinh tế của Quốc hội trình Quốc hội báo cáo thẩm tra; (3) ĐBQH thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH; Trong quá trình thảo luận, thành viên Chính phủ giải trình về vấn đề liên quan đến các báo cáo, Dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu; (4) UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết. Chính phủ, Ủy ban Kinh tế của Quốc hội phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết; (5) UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo nghị quyết; (6) ĐBQH biểu quyết thông qua nghị quyết về Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia.

SƠ ĐỒ 24

QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH QUY HOẠCH, KẾ HOẠCH SỬ DỤNG ĐẤT CẤP QUỐC GIA



CHÍNH PHỦ

Chuẩn bị hồ sơ liên quan đến dự kiến Quy hoạch,
Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia.



ỦY BAN KINH TẾ CHỦ TRÌ THẨM TRA

- Tổ chức phiên họp ủy ban để thẩm tra;
- Xây dựng báo cáo thẩm tra.



ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI XEM XÉT, CHO Ý KIẾN TẠI PHIÊN HỌP

Theo trình tự:

- ✓ Chính phủ trình bày báo cáo đánh giá kết quả thực hiện Quy hoạch,
Kế hoạch sử dụng đất giai đoạn hiện hành và Quy hoạch, Kế hoạch
sử dụng đất cấp quốc gia giai đoạn tiếp theo;
- ✓ Ủy ban Kinh tế trình bày báo cáo thẩm tra;
- ✓ Thành viên UBTVQH thảo luận, cho ý kiến;
- ✓ Chủ tọa kết luận;

*Trên cơ sở kết luận của UBTVQH, Chính phủ, Ủy ban Kinh tế hoàn thiện hồ
sơ trình Quốc hội.*





QUỐC HỘI XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH:

- 1** Chính phủ trình bày báo cáo dự kiến Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia;
- 2** Ủy ban Kinh tế trình bày báo cáo thẩm tra;
- 3** Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ ĐBQH;

Trong quá trình thảo luận, thành viên Chính phủ giải trình về vấn đề liên quan đến các báo cáo, dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu;
- 4** UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết. Chính phủ, Ủy ban Kinh tế phối hợp với các cơ quan hữu quan, TTKQH nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- 5** UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- 6** Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về Quy hoạch, Kế hoạch sử dụng đất cấp quốc gia.



8.2 Quy trình quyết định đại xá

Hồ sơ trình Quốc hội quyết định đại xá bao gồm: (1) Tờ trình của Chủ tịch nước đề nghị Quốc hội quyết định đại xá; (2) Dự thảo Nghị quyết về đại xá; (3) Báo cáo của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội thẩm tra Tờ trình của Chủ tịch nước và Dự thảo Nghị quyết; (4) Tài liệu liên quan khác.

Quy trình Quốc hội quyết định đại xá bao gồm các bước cơ bản sau đây: (i) Chủ tịch nước chuẩn bị dự thảo Quyết định đại xá; (ii) Ủy ban Tư pháp thẩm tra; (iii) UBTVQH cho ý kiến về dự thảo Quyết định đại xá trước; (iv) Quốc hội xem xét, quyết định.

Quốc hội quyết định đại xá tại kỳ họp Quốc hội theo Quy trình sau đây: (1) Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định đại xá tại phiên họp toàn thể của Quốc hội; (2) Ủy ban Tư pháp của Quốc hội trình Quốc hội báo cáo thẩm tra; (3) ĐBQH thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ, Đoàn ĐBQH; Trong quá trình thảo luận, Chủ tịch nước giải trình về những vấn đề liên quan đến việc đại xá và Dự thảo Nghị quyết mà ĐBQH nêu; (4) UBTVQH phối hợp với Chủ tịch nước chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Nghị quyết; (5) UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý Dự thảo Nghị quyết; (6) ĐBQH thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về đại xá.

SƠ ĐỒ 25

QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH ĐẠI XÁ



CHỦ TỊCH NƯỚC

Chuẩn bị hồ sơ liên quan đến Quyết định đại xá



ỦY BAN TƯ PHÁP CHỦ TRÌ THẨM TRA

- Tổ chức phiên họp Ủy ban để thẩm tra;
- Xây dựng báo cáo thẩm tra.



ỦY BAN THƯỜNG VỤ QUỐC HỘI XEM XÉT, CHO Ý KIẾN TẠI PHIÊN HỌP

Theo trình tự:


- ☑ Chủ tịch nước trình UBTVQH;
- ☑ Ủy ban Tư pháp trình bày báo cáo thẩm tra;
- ☑ Thành viên UBTVQH thảo luận, cho ý kiến;
- ☑ Chủ tọa kết luận;

Trên cơ sở kết luận của UBTVQH, Chủ tịch nước, Ủy ban Tư pháp hoàn thiện hồ sơ trình Quốc hội.





QUỐC HỘI XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH TẠI KỶ HỢP:

- 1 Chủ tịch nước trình Quốc hội quyết định đại xá;
 - 2 Ủy ban Tư pháp trình bày báo cáo thẩm tra;
 - 3 Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, ĐBQH có thể thảo luận tại Tổ, Đoàn ĐBQH;
Trong quá trình thảo luận, Chủ tịch nước giải trình về những vấn đề liên quan đến việc đại xá và dự thảo nghị quyết mà ĐBQH nêu;
 - 4 UBTVQH phối hợp với Chủ tịch nước chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
 - 5 UBTVQH báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
 - 6 Quốc hội thảo luận, biểu quyết thông qua nghị quyết về đại xá.
- 



8.3 Quy trình quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình

Quốc hội quyết định vấn đề chiến tranh và hòa bình tại kỳ họp theo trình tự sau đây: (i) Hội đồng quốc phòng và an ninh trình Quốc hội quyết định tình trạng chiến tranh hoặc bãi bỏ tình trạng chiến tranh; (ii) Ủy ban quốc phòng và an ninh của Quốc hội trình Quốc hội báo cáo thẩm tra; (iii) ĐBQH thảo luận; (iv) Quốc hội biểu quyết thông qua Nghị quyết về tình trạng chiến tranh hoặc bãi bỏ tình trạng chiến tranh.

SƠ ĐỒ 26

QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH VẤN ĐỀ CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH



QUỐC HỘI XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH VẤN ĐỀ CHIẾN TRANH VÀ HÒA BÌNH TẠI KỲ HỌP QUỐC HỘI:

1

Hội đồng Quốc phòng và An ninh trình Quốc hội quyết định tình trạng chiến tranh hoặc bãi bỏ tình trạng chiến tranh.

Ủy ban Quốc phòng và An ninh của Quốc hội trình Quốc hội báo cáo thẩm tra.

2

3

ĐBQH thảo luận.

Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về tình trạng chiến tranh hoặc bãi bỏ tình trạng chiến tranh.

4

8.4 Quy trình quyết định ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử ĐBQH, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp

Quốc hội quyết định ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử ĐBQH, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp. Việc bỏ phiếu bầu cử ĐBQH và Hội đồng nhân dân trong cả nước được tiến hành cùng một ngày. Ngày bầu cử phải là ngày chủ nhật và được công bố chậm nhất là 115 ngày trước ngày bầu cử.

Quốc hội quyết định theo quy trình sau đây: (i) Ban Công tác đại biểu chuẩn bị Tờ trình dự kiến ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử ĐBQH, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; (ii) UBTVQH cho ý kiến về Tờ trình dự kiến ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử ĐBQH, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trước khi trình Quốc hội; (iii) Quốc hội xem xét, quyết định.

Quốc hội xem xét, quyết định ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử ĐBQH, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại kỳ họp theo quy trình: (1) Trưởng ban Công tác đại biểu thay mặt UBTVQH trình bày Tờ trình dự kiến ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử ĐBQH, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp tại Phiên họp toàn thể của Quốc hội; (2) ĐBQH thảo luận về dự kiến ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử ĐBQH và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; (3) TTKQH trình bày Dự thảo Nghị quyết về ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử ĐBQH và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; (4) ĐBQH biểu quyết thông qua Nghị quyết về ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử ĐBQH và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp.

SƠ ĐỒ 27

QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH NGÀY BẦU CỬ TOÀN QUỐC ĐỐI VỚI CUỘC BẦU CỬ ĐBQH, BẦU CỬ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN CÁC CẤP



Ban Công tác đại biểu

Chuẩn bị Tờ trình dự kiến ngày bầu cử

Tại Phiên họp của UBTVQH

- Trưởng ban Công tác đại biểu trình bày Tờ trình dự kiến ngày bầu cử;
- Thành viên UBTVQH thảo luận;
- Chủ tọa kết luận.

QUỐC HỘI XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH TẠI KỲ HỌP:

- 1 UBTVQH trình Quốc hội dự kiến ngày bầu cử toàn quốc đối với cuộc bầu cử đại biểu Quốc hội, bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp;
- 2 Quốc hội thảo luận;
- 3 TTKQH trình bày dự thảo nghị quyết về ngày bầu cử;
- 4 ĐBQH biểu quyết thông qua nghị quyết về ngày bầu cử.

8.5 Quy trình quyết định việc bầu cử bổ sung ĐBQH trong thời gian giữa nhiệm kỳ

Việc bầu cử bổ sung ĐBQH trong nhiệm kỳ chỉ được tiến hành khi thời gian còn lại của nhiệm kỳ nhiều hơn 02 năm và thiếu trên mười phần trăm tổng số ĐBQH đã được bầu ở đầu nhiệm kỳ. Ngày bầu cử bổ sung phải là ngày chủ nhật và được công bố chậm nhất là 30 ngày trước ngày bầu cử. Quốc hội thành lập Hội đồng bầu cử bổ sung ĐBQH theo trình tự quy định tại Điều 34 và Điều 38 của Nội quy kỳ họp Quốc hội.

Quốc hội xem xét, quyết định việc bầu cử ĐBQH bổ sung theo quy trình sau đây: (i) Ban Công tác đại biểu chuẩn bị Tờ trình dự kiến bầu cử ĐBQH bổ sung; (ii) UBTVQH cho ý kiến về Tờ trình dự kiến bầu cử ĐBQH bổ sung; (iv) Quốc hội xem xét, quyết định.

Quốc hội xem xét, quyết định việc bầu cử ĐBQH bổ sung tại kỳ họp Quốc hội theo trình tự sau đây: (1) Trưởng ban Công tác đại biểu thay mặt UBTVQH trình bày Tờ trình dự kiến ngày bầu cử bổ sung ĐBQH tại Phiên họp toàn thể của Quốc hội; (2) Quốc hội thảo luận về dự kiến ngày bầu cử bổ sung ĐBQH; (3) TTKQH trình bày Dự thảo nghị quyết về ngày bầu cử bổ sung ĐBQH; (4) Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về ngày bầu cử bổ sung ĐBQH.

SƠ ĐỒ 28

QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH BẦU CỬ ĐBQH BỔ SUNG



Ban Công tác đại biểu

Chuẩn bị Tờ trình dự kiến bầu cử ĐBQH bổ sung



UBTVQH họp xem xét

- ✓ Trưởng ban Công tác đại biểu trình bày Tờ trình dự kiến bầu cử ĐBQH bổ sung;
- ✓ Thành viên UBTVQH thảo luận;
- ✓ Chủ tọa kết luận.



Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp:

- 1 UBTVQH trình Quốc hội về việc bầu cử ĐBQH bổ sung;
- 2 Quốc hội thảo luận;
- 3 TTKQH trình bày Dự thảo nghị quyết về bầu cử ĐBQH bổ sung;
- 4 ĐBQH biểu quyết thông qua nghị quyết về bầu cử ĐBQH bổ sung.



8.6 Quy trình quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ của Quốc hội

Quốc hội xem xét, quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ Quốc hội theo quy trình sau đây: (i) Ban công tác ĐBQH chuẩn bị Tờ trình và Dự thảo Nghị quyết rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ Quốc hội; (ii) UBTVQH cho ý kiến về Dự thảo Nghị quyết rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ Quốc hội trước khi trình Quốc hội tại Phiên họp toàn thể; (iv) Quốc hội xem xét, quyết định.

Quốc hội xem xét, quyết định việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ Quốc hội tại kỳ họp Quốc hội theo trình tự sau đây: (1) UBTVQH trình Quốc hội quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ Quốc hội tại Phiên họp toàn thể của Quốc hội; (2) ĐBQH thảo luận quyết định rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ Quốc hội; (3) ĐBQH biểu quyết thông qua Nghị quyết về rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ Quốc hội.

SƠ ĐỒ 29
QUYẾT ĐỊNH RÚT NGẮN HOẶC KÉO DÀI
NHIỆM KỲ CỦA QUỐC HỘI



Ban Công tác đại biểu

Chuẩn bị Tờ trình và Dự thảo nghị quyết rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ Quốc hội



UBTVQH cho ý kiến tại phiên họp:

- ✓ Trưởng ban Công tác đại biểu trình bày Tờ trình;
- ✓ Thành viên UBTVQH thảo luận;
- ✓ Chủ tọa kết luận.



Quốc hội xem xét, quyết định tại kỳ họp:

- 1 UBTVQH trình Quốc hội về việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ Quốc hội;
- 2 Quốc hội thảo luận;
- 3 TTKQH trình bày Dự thảo nghị quyết;
- 4 ĐBQH biểu quyết thông qua nghị quyết về việc rút ngắn hoặc kéo dài nhiệm kỳ Quốc hội.



8.7 Quy trình tổ chức trưng cầu ý dân

Quốc hội xem xét, quyết định trưng cầu ý dân về các vấn đề sau đây: Toàn văn Hiến pháp hoặc một số nội dung quan trọng của Hiến pháp; Vấn đề đặc biệt quan trọng về chủ quyền, lãnh thổ quốc gia, về quốc phòng, an ninh, đối ngoại có ảnh hưởng trực tiếp đến lợi ích của quốc gia; Vấn đề đặc biệt quan trọng về KT-XH có ảnh hưởng lớn đến sự phát triển của đất nước; và vấn đề đặc biệt quan trọng khác của đất nước.

Quốc hội quyết định trưng cầu ý dân theo đề nghị của UBTVQH, Chủ tịch nước, Chính phủ hoặc ít nhất một phần ba tổng số ĐBQH. Nghị quyết của Quốc hội về trưng cầu ý dân phải được quá nửa tổng số ĐBQH biểu quyết tán thành. Nghị quyết của Quốc hội về trưng cầu ý dân được công bố theo quy định của pháp luật. Kết quả trưng cầu ý dân có giá trị quyết định đối với vấn đề được đưa ra trưng cầu ý dân¹.

Quy trình Quốc hội xem xét, quyết định trưng cầu ý dân gồm các bước sau đây: (i) Chuẩn bị hồ sơ; (ii) Thẩm tra; (iii) UBTVQH xem xét, cho ý kiến; (iv) Quốc hội xem xét, quyết định đề nghị trưng cầu ý dân.

Quốc hội xem xét, quyết định việc trưng cầu ý dân theo quy trình sau đây: (1) Đại diện cơ quan có thẩm quyền đề nghị trưng cầu ý dân trình bày tờ trình đề nghị trưng cầu ý dân; trường hợp ĐBQH đề nghị trưng cầu ý dân thì đại diện UBTVQH trình bày tờ trình đề nghị trưng cầu ý dân; (2) Đại diện cơ quan chủ trì thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra; (3) Quốc hội thảo luận tại phiên họp toàn thể về đề nghị trưng cầu ý dân. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, đề nghị trưng cầu ý dân được thảo luận tại Tổ ĐBQH; Trong quá trình thảo luận, đại diện cơ quan đã đề nghị trưng cầu ý dân có thể

¹ Điều 6, Luật Trưng cầu ý dân

giải trình về những vấn đề liên quan mà ĐBQH nêu; (4) Sau khi đề nghị trưng cầu ý dân được các ĐBQH thảo luận, cho ý kiến, UBTVQH chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết của Quốc hội về trưng cầu ý dân và báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết; (5) Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về trưng cầu ý dân¹.

¹ Điều 17, Luật Trưng cầu ý dân

SƠ ĐỒ 30
QUY TRÌNH QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH
TRUNG CẦU Ý DÂN



CHUẨN BỊ HỒ SƠ

UBTVQH hoặc Chủ tịch nước hoặc Chính phủ chuẩn bị hồ sơ đề nghị trung cầu ý dân



THẨM TRA

HĐDT, các Ủy ban của Quốc hội được phân công chủ trì thẩm tra:

- Tổ chức phiên họp HĐDT/Ủy ban để thẩm tra;
- Xây dựng báo cáo thẩm tra.



UBTVQH XEM XÉT, CHO Ý KIẾN TẠI PHIÊN HỌP

Theo trình tự:

- ✓ Chủ thể đề nghị trung cầu ý dân trình bày Tờ trình;
- ✓ Đại diện cơ quan chủ trì trình bày báo cáo thẩm tra;
- ✓ Thành viên UBTVQH thảo luận, cho ý kiến;
- ✓ Chủ tọa kết luận.

Khi xét thấy đề nghị trung cầu ý dân đáp ứng đủ các điều kiện, UBTVQH đưa nội dung quyết định việc trung cầu ý dân vào dự kiến Chương trình làm việc của Quốc hội tại kỳ họp gần nhất để trình Quốc hội xem xét, quyết định.





QUỐC HỘI XEM XÉT, QUYẾT ĐỊNH:

- 1 Đại diện cơ quan có thẩm quyền đề nghị trưng cầu ý dân trình bày tờ trình đề nghị trưng cầu ý dân; trường hợp ĐBQH đề nghị trưng cầu ý dân thì đại diện UBND trình bày tờ trình đề nghị trưng cầu ý dân;
- 2 Đại diện cơ quan chủ trì trình bày báo cáo thẩm tra;
- 3 Quốc hội thảo luận. Trước khi thảo luận tại phiên họp toàn thể, đề nghị trưng cầu ý dân được thảo luận tại Tổ ĐBQH;
Trong quá trình thảo luận, đại diện cơ quan đã đề nghị trưng cầu ý dân có thể giải trình về những vấn đề liên quan mà ĐBQH nêu;
- 4 UBND chỉ đạo, tổ chức việc nghiên cứu, giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết của Quốc hội về trưng cầu ý dân và báo cáo Quốc hội về việc giải trình, tiếp thu, chỉnh lý dự thảo nghị quyết;
- 5 Quốc hội biểu quyết thông qua nghị quyết về trưng cầu ý dân.



CHƯƠNG 2.

SỰ THAM GIA CỦA ĐBQH VÀ MỘT SỐ KỸ NĂNG, CƠ CHẾ HỖ TRỢ ĐBQH TRONG QUYẾT ĐỊNH CÁC VĐQTCĐN

1. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHI THAM GIA HOẠT ĐỘNG QUYẾT ĐỊNH CÁC VĐQTCĐN¹

Trong quy trình Quốc hội quyết định các VĐQTCĐN, vai trò của ĐBQH được thể hiện rõ nhất là ở giai đoạn Quốc hội xem xét, thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Quốc hội tại Kỳ họp Quốc hội. Do vậy, ĐBQH có trách nhiệm tham gia đầy đủ các kỳ họp, phiên họp Quốc hội, thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Quốc hội.

Trong thời gian diễn ra kỳ họp Quốc hội, ĐBQH tham gia vào các hoạt động thảo luận tại Tổ, tại Đoàn ĐBQH và Phiên họp toàn thể của Quốc hội, ĐBQH cho ý kiến vào Phiếu lấy ý kiến về những vấn đề lớn, còn có quan điểm khác nhau đối với mỗi nội dung Quốc hội xem xét, quyết định. Trường hợp không thể tham dự phiên họp, ĐBQH báo cáo Trưởng đoàn ĐBQH để thông báo cho TTKQH tổng hợp báo cáo Chủ tịch Quốc hội. Trường hợp ĐBQH không thể dự kỳ họp Quốc hội hoặc vắng

¹ Theo Luật Tổ chức Quốc hội, Nội quy kỳ họp Quốc hội

mặt từ 03 ngày làm việc liên tục trở lên tại mỗi kỳ họp thì gửi văn bản và nêu rõ lý do đến Trưởng đoàn ĐBQH, đồng thời gửi văn bản đến TTKQH để báo cáo Chủ tịch Quốc hội quyết định.

Trưởng đoàn ĐBQH có trách nhiệm tổ chức để ĐBQH trong Đoàn thực hiện Chương trình kỳ họp Quốc hội, Nội quy kỳ họp Quốc hội và các quy định khác về kỳ họp Quốc hội; tổ chức và điều hành hoạt động của Đoàn; giữ mối liên hệ với Chủ tịch Quốc hội, các Phó Chủ tịch Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, cơ quan thuộc UBTVQH, các Đoàn ĐBQH và TTKQH. Phó Trưởng đoàn ĐBQH giúp Trưởng đoàn thực hiện nhiệm vụ theo sự phân công của Trưởng đoàn.

ĐBQH là thành viên của HĐDT hoặc Ủy ban của Quốc hội có trách nhiệm tham gia vào Phiên họp toàn thể của HĐDT hoặc Ủy ban để thẩm tra hồ sơ và nội dung cụ thể của VĐQTCĐN do các chủ thể có thẩm quyền trình UBTVQH và Quốc hội. Tại đây, ĐBQH tham gia thảo luận, đánh giá và yêu cầu cơ quan trình làm rõ các nội dung liên quan và biểu quyết các vấn đề quan trọng thuộc thẩm quyền thẩm tra của HĐDT và các ủy ban mà ĐBQH là thành viên.

ĐBQH hoạt động chuyên trách có thể được mời tham dự Phiên họp của UBTVQH khi xem xét, quyết định các VĐQTCĐN với tư cách là khách mời và có thể được tham gia phát biểu ý kiến khi được Chủ tọa cho phép.

ĐBQH trả lời phỏng vấn và cung cấp thông tin về nội dung Quốc hội quyết định VĐQTCĐN phải bảo đảm chính xác, khách quan; không tiết lộ thông tin, tài liệu thuộc phạm vi bí mật Nhà nước, nội dung các phiên họp kín của Quốc hội về VĐQTCĐN.

ĐBQH có trách nhiệm sử dụng, bảo quản tài liệu liên quan đến các nội dung quyết định các VĐQTCĐN của Quốc hội theo quy định của pháp luật; trả lại tài liệu cần thu hồi khi được yêu cầu.

ĐBQH có nhiệm vụ và quyền hạn trong việc bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo của Nhà nước. Theo đó, ĐBQH có quyền gửi văn bản về việc giới thiệu thêm hoặc tự ứng cử vào chức danh do Quốc hội bầu tới TTKQH để tổng hợp, báo cáo. ĐBQH có quyền và trách nhiệm bỏ phiếu kín để bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo của Nhà nước; thảo luận và thông qua Nghị quyết về việc bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm chức danh lãnh đạo của Nhà nước.

2. MỘT SỐ KỸ NĂNG CẦN THIẾT CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI KHI THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC

2.1 Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin trong hoạt động quyết định những vấn đề quan trọng của đất nước

Thông tin đóng vai trò rất quan trọng trong hoạt động của ĐBQH nói chung, và đối với hoạt động quyết định các VĐQTCĐN nói riêng. Tuy nhiên, trong mỗi kỳ họp, khối lượng thông tin ĐBQH nhận được là rất lớn. Để sử dụng thông tin phục vụ hoạt động quyết định các VĐQTCĐN một cách hiệu quả nhất, việc ĐBQH trang bị cho mình kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin là điều quan trọng.

So với kỹ năng này trong hoạt động lập pháp, giám sát, việc thu thập, phân tích, xử lý thông tin phục vụ hoạt động quyết định các VĐQTCĐN của ĐBQH gặp một số khó khăn mang tính chất đặc thù. Trước hết, ĐBQH thường gặp những khó khăn nhất định khi thu thập thông tin về các VĐQTCĐN. Khối lượng thông tin về các dự án, công trình quan trọng của quốc gia thường không nhiều. Bên cạnh đó, thông tin phục vụ hoạt động quyết định các VĐQTCĐN vừa mang tính chất trải

rộng trên nhiều lĩnh vực, lại vừa mang tính chất chuyên sâu¹ (đơn cử như quyết định các công trình đầu tư ra nước ngoài, quyết định về dự án Sân bay Long thành...).

Thông tin chính thức (Hồ sơ về các VĐQTCĐN) là thông tin đầu tiên và quan trọng nhất đối với ĐBQH. ĐBQH tìm hiểu về nội dung cơ bản của các VĐQTCĐN từ trong Tờ trình của Chính phủ và trong Báo cáo thẩm tra của cơ quan chủ trì thẩm tra. Tuy nhiên, Hồ sơ về các VĐQTCĐN trình Quốc hội tại kỳ họp thường được gửi khá sát với thời điểm khai mạc kỳ họp Quốc hội. Trong khi đó, trong thời gian diễn ra kỳ họp Quốc hội, Hồ sơ, Báo cáo, tài liệu chính thức được gửi tới ĐBQH với khối lượng rất lớn. Vì thế, ĐBQH có thể tiếp cận, xem xét các tài liệu, Hồ sơ chính thức được Chính phủ gửi tới cơ quan chủ trì thẩm tra trước đó.

Sau khi nắm bắt các nội dung quan trọng trong Hồ sơ về các VĐQTCĐN, ĐBQH có thể xác định về: (i) phạm vi thông tin mà đại biểu cần; (ii) xác định loại thông tin mà ĐBQH cần trong một Báo cáo. Trên cơ sở đó, ĐBQH có thể tìm kiếm, thu thập các thông tin tham khảo phù hợp². Các nguồn thông tin tham khảo chủ yếu là từ: (1) Cơ quan, đơn vị có chức năng cung cấp thông tin cho ĐBQH; (2) Truyền thông, báo chí, tạp chí; (3) Các cơ quan nghiên cứu như Viện, trường...; (4) Các chuyên gia, nhà nghiên cứu, cử tri; (5) Mạng xã hội, internet. Các nguồn thông tin nói trên đều có vai trò nhất định nhưng nhìn chung thông tin tham khảo do các cơ quan của Quốc hội, VPQH, các cơ quan thuộc Chính phủ cung cấp là được sử dụng nhiều nhất, được đánh giá có chất lượng tốt nhất.

¹ Lê Quang Huy, Chủ nhiệm Ủy ban KH,CN&MT, Quốc hội khóa XV “Kinh nghiệm xử lý thông tin tham khảo trong quyết định các vấn đề quan trọng về KT-XH, chủ trương đầu tư các dự án, công trình quan trọng quốc gia”, Diễn đàn chính sách về Thu thập, phân tích và xử lý thông tin tham khảo trong hoạt động của ĐBQH do Văn phòng Quốc hội phối hợp với USAID GIGI tổ chức tại Tam Đảo, Vĩnh phúc, ngày 15-16/6/2016

² Trung tâm bồi dưỡng đại biểu dân cử, Văn phòng Quốc hội, “ĐBQH – những điều cần biết”, Hà Nội, năm 2011, tr.183

Bên cạnh đó, các nguồn thông tin nghiên cứu đến từ các Viện, các trường, từ các chuyên gia, các nhà khoa học... luôn là những nguồn thông tin có giá trị cho ĐBQH tham khảo trong hoạt động quyết định các VĐQTCĐN. Vì vậy, việc ĐBQH chủ động kết nối, xây dựng mạng lưới cộng tác với các chuyên gia, nhà khoa học, các cá nhân liên quan là điều rất cần thiết.

Sau khi thu thập thông tin, ĐBQH cần tiến hành đánh giá, kiểm chứng thông tin trên ba khía cạnh sau đây:

(1) Tính tin cậy của thông tin: để đo lường tính tin cậy của thông tin, ĐBQH có thể xác định thông qua việc trả lời các câu hỏi như nguồn của thông tin là từ đâu? Do ai tạo ra? Các thông tin này có khách quan không? Người tạo ra thông tin có lợi ích liên quan gì? Đây là thông tin trực tiếp hay gián tiếp.

(2) Tính phù hợp của thông tin: câu hỏi đặt ra là thông tin có liên quan tới nhiệm vụ ĐBQH đang xem xét hay không, có phù hợp với nhu cầu, mục đích sử dụng không; và có phải là thông tin mới nhất hay không.

(3) Tính chính xác: ĐBQH cần đánh giá, xem xét thông tin có trung thực, khách quan, phản ánh đúng thực tế hay không; tránh tình trạng sửa đổi, thêm bớt, làm sai lệch, méo mó thông tin theo ý kiến chủ quan¹.

2.2 Kỹ năng trình bày, phát biểu ý kiến

Đối với đại biểu, kỹ năng trình bày, phát biểu ý kiến đóng vai trò hết sức quan trọng vì hình thức làm việc chủ yếu của QH là

¹ Chủ nhiệm Ủy ban KHCN&MT, QH khóa XIV. Lê Quang Huy, “Kinh nghiệm xử lý thông tin tham khảo trong quyết định các vấn đề quan trọng về KT-XH, chủ trương đầu tư các dự án, công trình quan trọng quốc gia”, Diễn đàn chính sách về Thu thập, phân tích và xử lý thông tin tham khảo trong hoạt động của ĐBQH do Văn phòng Quốc hội phối hợp với USAID GIGI tổ chức tại Tam Đảo, Vĩnh phúc, ngày 15-16/6/2016

hội nghị. Để có một bài phát biểu thành công, ĐBQH cần có một quá trình chuẩn bị công phu, kỹ càng. Quá trình này bắt đầu từ việc ĐBQH tìm hiểu nội dung trong Báo cáo về VĐQTCĐN; đến việc xác định nội dung phát biểu, lên đề cương bài phát biểu....

Dựa trên các thông tin đã được phân tích, xử lý nêu trên, ĐBQH cần xác định trọng tâm nội dung sẽ phát biểu. Để trình bày bài phát biểu đạt yêu cầu như mong muốn, ĐBQH cần xác định trước nội dung mình muốn truyền đạt, gửi đến người nghe, xem xét xem ý mình dự định phát biểu có trùng lặp chưa. Nếu trùng lặp cần lọc bớt hoặc trình bày ngắn gọn những điểm mình đồng ý và tập trung vào những ý chưa được đề cập đến¹.

Theo kinh nghiệm của GS.TS Nguyễn Ngọc Trân, tốt nhất mỗi lần phát biểu một nội dung. Xác định ý chính của nội dung, hình thành các lập luận dẫn đến ý đó (chứng minh sự cần thiết và tính đúng đắn). Nếu có thực tế chứng minh, ví dụ minh họa thì càng tăng thêm tính thuyết phục người nghe. Tuy nhiên cũng cần phải lưu ý lựa chọn những ví dụ mang tính phổ biến, không nên đưa ra những dẫn chứng của những trường hợp đặc biệt hoặc cá biệt. Sau khi đã chuẩn bị xong bài phát biểu, bản thân ĐBQH cũng nên tự phản biện trước khi phát biểu để kiểm tra xem những lập luận mình dự kiến đưa ra đã chặt chẽ, logic chưa, liệu có thể bị “bắt bẻ” ở điểm nào không?²

Bên cạnh đó, khi phát biểu tại diễn đàn Quốc hội, nhất là với thời gian phát biểu khá hạn chế, đại biểu cần tham khảo phương châm phát biểu ngắn gọn, đơn giản nhưng phải chuyển tải đủ nội dung, thông tin để Quốc hội dễ tiếp cận³.

¹ GS.TSKH Nguyễn Ngọc Trân là ĐBQH khóa IX, X, và XI

² Theo GS.TSKH Nguyễn Ngọc Trân, “Về kỹ năng của người đại biểu dân cử”, NXB Lao động, năm 2016, tr41, tr43

³ Trung tâm bồi dưỡng đại biểu dân cử, Văn phòng Quốc hội, “ĐBQH – những điều cần biết”, Hà Nội, năm 2011, tr.188

SƠ ĐỒ 31

MỘT SỐ LƯU Ý KHI THAM GIA THẢO LUẬN TẠI KỶ HỌP



Xác định phạm vi và trọng tâm vấn đề tham gia thảo luận

Nắm vững quy trình, thủ tục tham gia thảo luận



Phân tích, xử lý thông tin đã thu thập được (bao gồm cả thông tin chính thức và thông tin tham khảo)

Nắm vững diễn tiến về trình tự (thời gian biểu) của việc thảo luận (Tổ, Đoàn, phiên họp toàn thể)

2.3. **Nắm vững quy trình, thủ tục**

Kinh nghiệm của các ĐBQH tiền nhiệm cho thấy, thông thạo các quy trình, thủ tục làm việc của Quốc hội là điều kiện quan trọng để đại biểu hoạt động tốt hơn ở nghị trường, đặc biệt là khi tham gia vào hoạt động quyết định các VĐQTCĐN.

Thực tiễn cho thấy, những đại biểu am hiểu về quy trình và thủ tục làm việc của QH có khả năng tạo ra ảnh hưởng đối với các quyết định của Quốc hội. Ngược lại, những đại biểu không nắm chắc quy trình có thể sẽ gặp nhiều khó khăn khi tham gia vào hoạt động của nghị trường, hạn chế khả năng và sự ảnh hưởng của mình vào quyết định chung. Ví dụ như, không nắm bắt được các nội dung công việc mà Quốc hội sẽ đưa vào chương trình làm việc, không biết cách để được trình bày ý kiến tại các phiên họp toàn thể...

Do vậy, việc phổ biến và giới thiệu về quy trình, thủ tục hoạt động của Quốc hội như: quy trình lập pháp, quy trình giám sát, quy trình quyết định các VĐQTCĐN tới các ĐBQH mới là điều rất quan trọng. Bên cạnh đó, ĐBQH cũng cần nắm bắt và thấu hiểu các quy trình, thủ tục hoạt động của Quốc hội một cách chủ động. ĐBQH cũng cần biết cách tận dụng các cơ hội nhỏ nhất để áp dụng quy trình, thủ tục nhằm đạt được mục đích của mình trong hoạt động lập pháp, giám sát và quyết định các VĐQTCĐN.

2.4. **Kỹ năng tạo sự ủng hộ**

Khi tham gia vào hoạt động của Quốc hội nói chung, hoạt động quyết định các VĐQTCĐN nói riêng, câu hỏi làm thế nào để ý kiến cá nhân của ĐBQH nhận được sự ủng hộ, trở thành ý kiến của đa số? là một câu hỏi quan trọng. Trong diễn đàn Quốc hội, các đại biểu sẽ phải thuyết phục nhau trên cơ sở thực tiễn

và cơ sở lý luận, “quan trọng là đừng bao giờ đặt vấn đề thắng thua khi mình nêu ý kiến”¹.

Đại biểu có thể thuyết phục các ĐBQH khác ủng hộ mình thông qua nhiều kênh khác nhau như: tận dụng thời gian phát biểu tại Hội trường; thông qua các phiên họp Tổ, họp Đoàn, họp Ủy ban; thông qua các cuộc gặp gỡ ngoài hành lang kỳ họp, trong các hội thảo, hội nghị, diễn đàn; thông qua báo chí...²

2.5. Gắn kết công tác quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước với công tác lập pháp, giám sát

Để ĐBQH tham gia vào công tác quyết định các VĐQTCĐN một cách hiệu quả thì cần có sự gắn kết giữa hoạt động quyết định các VĐQTCĐN với hoạt động lập pháp và giám sát.

Sự tham gia của ĐBQH vào các hoạt động giám sát quá trình triển khai thi hành các nghị quyết do Quốc hội ban hành (ví dụ như Nghị quyết về Kế hoạch phát triển KT-XH hàng năm, năm năm...) sẽ giúp đại biểu chủ động hơn trong việc nắm bắt các thông tin, tham gia thảo luận, góp ý, góp phần quyết định các vấn đề quan trọng liên quan khi được Quốc hội đưa vào chương trình nghị sự. Việc sử dụng kết quả hoạt động giám sát của Quốc hội vào trong quá trình xem xét, quyết định VĐQTCĐN để Quốc hội chủ động và độc lập hơn trong các quyết định, đồng thời có điều chỉnh cho phù hợp, sát với tình hình thực tế của đất nước. Ngược lại, các số liệu, các thông tin đại biểu được cung cấp khi tham gia công tác quyết định các VĐQTCĐN cũng có thể là căn cứ để ĐBQH thực hiện nhiệm vụ của mình về giám sát.

¹ Trung tâm Bồi dưỡng đại biểu dân cử, VPQH, “ĐBQH – những điều cần biết”, Hà Nội, năm 2011, tr.175

² Trung tâm Bồi dưỡng đại biểu dân cử, VPQH, “ĐBQH – những điều cần biết”, Hà Nội, năm 2011, tr.175

Bên cạnh đó, nên gắn kết giữa quyết định các vấn đề quan trọng với chức năng lập pháp, bởi lẽ, một khi QH chủ động và thực hiện đầy đủ thẩm quyền lập pháp, thì tự nó đã bao hàm việc quyết định các VĐQTCĐN (pháp luật điều chỉnh mọi hành vi xã hội)¹. Trên cơ sở công tác quyết định các VĐQTCĐN, đại biểu có thể xác định được các vấn đề chính sách phục vụ công tác lập pháp. Ngược lại, dựa trên các quy định của hệ thống pháp luật hiện hành, đại biểu sẽ xem xét, cân nhắc, và đưa ra các quyết định đúng đắn về công tác quyết định các VĐQTCĐN.

2.6. Một số nội dung cần chú ý khi tham gia công tác quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước

- Việc xem xét, quyết định VĐQTCĐN thường là một công việc khó khăn, đòi hỏi thông tin vừa sâu vừa rộng. Vì thế, bên cạnh việc tham vấn các vụ phục vụ HĐĐT, các ủy ban của Quốc hội, ĐBQH cần chú trọng hơn đến hoạt động tham vấn đội ngũ chuyên gia, các nhà khoa học trong các lĩnh vực liên quan đến VĐQTCĐN được đưa ra xem xét, quyết định. Các chuyên gia sẽ cung cấp cho ĐBQH những thông tin, các luận cứ với cơ sở khoa học và thực tiễn có tính thuyết phục cao.

- Khi xem xét, thảo luận về VĐQTCĐN, ĐBQH cần chú trọng hơn vào các nội dung ở tầm vĩ mô, chiến lược mà không nên quá tập trung ở khía cạnh kỹ thuật, hoặc quá tập trung vào các câu chữ trong hồ sơ của vấn đề.

- Trong quá trình chuẩn bị và trình bày ý kiến của mình tại Diễn đàn Quốc hội về các vấn đề quan trọng của Quốc hội, ĐBQH cần chú trọng phân tích mối liên hệ giữa các thông tin cụ thể mà Chính phủ cung cấp trong các báo cáo liên quan đến VĐQTCĐN đang được xem xét, thảo luận với những mục tiêu,

¹ Trung tâm Bồi dưỡng đại biểu dân cử, VPQH, “ĐBQH – những điều cần biết”, Hà Nội, năm 2011, tr.80

chỉ tiêu, chính sách, nhiệm vụ cơ bản vĩ mô của Quốc hội đã đề ra trước đó.

- Khi xem xét, quyết định VĐQTCĐN, nhất là các vấn đề vừa mang tính đặc thù, chuyên môn sâu vừa mang tính chất kỹ thuật và đảm bảo tính chất vĩ mô, chính trị như lĩnh vực TCNS, KT-XH, ĐBQH không nên sa đà vào những quyền hạn và trách nhiệm của cơ quan hành pháp mà *ên dành trọng tâm đánh giá hiệu quả sử dụng tài chính công, các mục tiêu, nhiệm vụ đã được Quốc hội quyết định trước đó.*

- Trước khi bấm nút biểu quyết, ĐBQH có thể tập trung thảo luận vào các vấn đề còn ý kiến khác nhau, và *xem xét, đối chiếu sự phù hợp giữa Báo cáo giải trình tiếp thu và Dự thảo Nghị quyết về VĐQTCĐN đã được chỉnh lý theo Báo cáo giải trình tiếp thu để trình Quốc hội biểu quyết thông qua.* Điều này để đảm bảo tránh trường hợp, Dự thảo Nghị quyết chưa được chỉnh lý đầy đủ theo Báo cáo giải trình tiếp thu.

- Về *quyết định chủ trương đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia*, ĐBQH cần có những đánh giá về mức độ khả thi, sự phù hợp của các chỉ tiêu và các giải pháp được đề ra khi thực hiện các Kế hoạch, dự án, CTMTQG dựa trên việc đánh giá giai đoạn trước; dựa trên chủ trương, đường lối của Đảng và dựa trên các nhận định của các tổ chức có uy tín, các chuyên gia, các nhà khoa học...

Bên cạnh đó, ĐBQH cần xem xét sự cần thiết đầu tư CTMTQG; sự phù hợp với chiến lược, Kế hoạch phát triển KT-XH và quy hoạch có liên quan theo quy định của pháp luật về quy hoạch; những thông số cơ bản của CTMTQG để đảm bảo đủ nguồn lực để thực hiện trong giai đoạn đề xuất và đảm bảo hiệu quả KT-XH, bảo đảm quốc phòng, an ninh và phát triển bền vững.

- Trong quá trình cho ý kiến, thảo luận, quyết định về Kế hoạch ĐTC trung hạn và hàng năm, ĐBQH có thể lưu ý về một số nội dung sau đây: Xem xét về sự phù hợp giữa mục tiêu, định hướng ĐTCTH vốn NSNN với Kế hoạch phát triển KT-XH của cả nước trong giai đoạn tới và tầm nhìn 20 năm, 30 năm sau; khả năng huy động nguồn vốn để thực hiện Kế hoạch ĐTC trung hạn giai đoạn tới; khả năng cân đối giữa thu, chi ngân sách đưa vào cân đối NSNN và cân đối NSDP; cân đối giữa thu, vay và chi NSTW; cân đối giữa các khoản thu, chi phản ánh qua NSNN; cân đối giữa chi đầu tư và chi thường xuyên, giữa việc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp trên và nguồn bố trí từ NSDP; Xem xét sự đảm bảo về nguyên tắc phân bổ vốn Kế hoạch ĐTC trung hạn 05 năm quốc gia quy định tại Điều 51 Luật ĐTC đối với phương án Chính phủ trình và đảm bảo thực hiện theo thứ tự ưu tiên; Xem xét tính hợp lý về tỷ lệ và nguyên tắc sử dụng khoản dự phòng trong Kế hoạch ĐTC trung hạn 05 năm quốc gia.

- Khi tham gia *xem xét, quyết định chính sách cơ bản về đối ngoại* của đất nước, ĐBQH cần tham khảo tài liệu về các kinh nghiệm, tổ chức, hoạt động của Quốc hội một số nước trên thế giới nhằm phát huy vai trò của ĐBQH trong lĩnh vực này; Cập nhật những tài liệu về kỹ năng mềm đối với ĐBQH khi tham gia hoạt động đối ngoại, hội nghị hội thảo quốc tế trong đó bao gồm: ngoại ngữ, chuyên môn, kỹ năng giao tiếp, trao đổi, các quan điểm chính thống của Việt Nam về chính sách đối ngoại, kinh tế đối ngoại, ngoại giao nghị viện, ngoại giao văn hóa, những vấn đề quốc tế và khu vực.

- Trong *bầu, phê chuẩn, bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo Nhà nước*, điều cần thiết và quan trọng nhất đối với mỗi ĐBQH chính là sự công tâm, khách quan để xem xét, lựa chọn những người có tâm, có tầm vào các vị trí lãnh đạo Nhà nước phù hợp. Để lựa chọn được nhân sự phù hợp với các chức danh lãnh đạo

của Nhà nước, ĐBQH cần nghiên cứu, tìm hiểu kỹ về hồ sơ của các cá nhân được giới thiệu/ứng cử thông qua báo cáo kết quả công tác của các nhân sự, các báo cáo công tác hằng năm của các cơ quan nơi nhân sự làm việc, trong trường hợp cần thiết, ĐBQH đề nghị cơ quan có thẩm quyền xác minh và trả lời bằng văn bản để trên cơ sở đó, ĐBQH có thể sáng suốt lựa chọn ra ứng cử viên phù hợp.

3. HỖ TRỢ ĐBQH TRONG QUÁ TRÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC

3.1. Hỗ trợ về kiến thức, kỹ năng

Theo quy định, ĐBQH thường xuyên được bồi dưỡng kỹ năng hoạt động và cập nhật kiến thức ở nhiều nội dung khác nhau, ngay từ khi đại biểu trúng cử. Đồng thời, trong suốt nhiệm kỳ QH, ĐBQH cũng thường xuyên được bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng nói chung và các kiến thức, kỹ năng liên quan tới hoạt động quyết định các VĐQTCĐN nói riêng.

Ngoài ra, khi có nhu cầu tham gia các khóa học nâng cao trình độ phù hợp với điều kiện và lĩnh vực chuyên môn được đảm nhiệm, ĐBQH hoạt động chuyên trách làm đơn gửi UBTVQH xem xét, quyết định, trong hồ sơ phải có ý kiến của lãnh đạo cơ quan nơi mình công tác đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách ở trung ương; ý kiến của Trưởng Đoàn ĐBQH đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách ở địa phương¹.

3.2. Hỗ trợ về báo chí, truyền thông

Tiếp xúc làm việc với cơ quan truyền thông là việc làm không thể thiếu của từng cá nhân ĐBQH và có tính hai chiều.

¹ Nghị quyết 353/2017/UBTVQH14 của UBTVQH ban hành ngày 17 tháng 4 năm 2017 về bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của ĐBQH

Truyền thông, báo chí cần thông tin từ ĐBQH và ngược lại, các cơ quan truyền thông, báo chí sẽ giúp cử tri nắm bắt được các hoạt động của ĐBQH. Thông qua báo chí, truyền thông, ĐBQH cũng có thể tạo được dư luận xã hội, tăng sự đồng thuận của các cơ quan, tổ chức, nhằm đạt mục tiêu của đại biểu. Bên cạnh đó, thông qua báo chí, ĐBQH cũng thu thập được các thông tin liên quan đến tình hình KT-XH của đất nước; các vấn đề nóng, được dư luận, cử tri quan tâm và cần có những biện pháp chính sách để xử lý... Đây là một nguồn thông tin hữu ích, có thể cung cấp thêm các luận cứ cho ĐBQH tham gia hoạt động xem xét, quyết định các VĐQTCĐN.

Hiện nay, khi cần hỗ trợ về báo chí, truyền thông, ĐBQH có thể liên hệ với Vụ Thông tin, Báo Đại biểu nhân dân, Truyền hình Quốc hội thuộc VPQH.

3.3. Hỗ trợ về thông tin tham khảo

Thư viện Quốc hội là đơn vị cấp vụ trực thuộc VPQH, có nhiệm vụ tổ chức hoạt động nghiên cứu, cung cấp thông tin dự báo và theo yêu cầu để phục vụ nhu cầu tham khảo của UBTVQH, HĐDT, các UB của QH và các vị ĐBQH¹.

¹ Nghị quyết số 618/2013/UBTVQH13 ban hành ngày 10 tháng 7 năm 2013 của UBTVQH về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 417/2003/NQ-UBTVQH11 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của VPQH

SƠ ĐỒ 32
QUY TRÌNH CUNG CẤP THÔNG TIN
THEO YÊU CẦU CỦA ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI



1 Gửi yêu cầu cung cấp thông tin
đến Thư viện Quốc hội

- ĐBQH và các cơ quan của Quốc hội gửi yêu cầu cung cấp thông tin đến Thư viện Quốc hội thông qua:
 - Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến (hht.quochoi.vn);
Công văn hoặc Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin
 - (gửi về Thư viện Quốc hội. Địa chỉ: Nhà Quốc hội, đường Độc Lập, Ba Đình, Hà Nội);
 - Email: thuvienquochoi@quochoi.vn;
 - Điện thoại: 080.41459; 080.41984.
- Yêu cầu cung cấp thông tin cần đảm bảo cụ thể, rõ ràng về nội dung, phù hợp về thời hạn cung cấp.



2 Tiếp nhận và tổ chức xử lý yêu cầu

- Thư viện Quốc hội tiếp nhận yêu cầu.
Trường hợp cần làm rõ thêm nhu cầu, nội dung, thời hạn cung cấp, Thư viện Quốc hội liên hệ và trao đổi trực tiếp với ĐBQH
- Thư viện Quốc hội tổ chức nghiên cứu, biên dịch, điều tra khảo sát, Tọa đàm, Hội thảo hoặc khai thác thông tin, dữ liệu từ các cơ quan, đơn vị liên quan...



3 Trả kết quả

- Bản điện tử của kết quả được gửi tự động đến ĐBQH qua Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến. ĐBQH truy cập tài khoản của mình để nhận kết quả.
- Ngoài ra, tùy theo nhu cầu của ĐBQH và các cơ quan của Quốc hội, Thư viện Quốc hội sẽ gửi kết quả qua Công văn hoặc thư điện tử.



4 Tiếp nhận và xử lý phản hồi về yêu cầu thông tin của cơ quan hoặc ĐBQH

Trường hợp chưa hài lòng hoặc cần bổ sung thêm thông tin, các cơ quan của Quốc hội, Đoàn ĐBQH hoặc ĐBQH gửi phản hồi thông qua hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến hoặc trao đổi trực tiếp với lãnh đạo Thư viện Quốc hội.

Hoạt động cung cấp thông tin tham khảo được Thư viện Quốc hội tổ chức thực hiện theo hai hình thức sau:

3.3.1 Cung cấp thông tin theo yêu cầu

Cung cấp thông tin theo yêu cầu là hoạt động phục vụ trực tiếp nhu cầu thông tin của ĐBQH, các cơ quan của QH. Hình thức cung cấp thông tin này xuất phát từ nhu cầu về thông tin và sự chủ động ở phía các vị ĐBQH hoặc các cơ quan của QH. Do đó, nội dung thông tin hoặc các sản phẩm từ dịch vụ nghiên cứu sẽ đáp ứng tối đa theo yêu cầu và phục vụ trực tiếp hoạt động của ĐBQH hoặc các cơ quan của QH. Hình thức cung cấp thông tin này được phục vụ mà không có sự phân biệt giữa các cơ quan của QH, giữa vị trí công tác, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm hay chuyên trách hoặc ĐBQH ở trung ương hay địa phương.

Khi có nhu cầu về thông tin, tài liệu tham khảo, ĐBQH có thể đăng nhập **Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến** (<http://hht.quochoi.vn>) bằng tài khoản eoffice do VPQH cung cấp để khai thác thông tin, tài liệu sẵn có trên hệ thống hoặc đặt các câu hỏi/yêu cầu cung cấp thông tin, tài liệu. Ngoài ra, ĐBQH hoặc các cơ quan của QH cũng có thể sử dụng các hình thức khác như: Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin, gửi thư điện tử; gọi điện thoại đến Thư viện Quốc hội để đưa yêu cầu về thông tin. Trên cơ sở này, Thư viện Quốc hội sẽ tổ chức khai thác, tổng hợp hoặc nghiên cứu, điều tra, biên dịch, đáp ứng yêu cầu của ĐBQH hoặc các cơ quan của QH.

Trong thời gian diễn ra các kỳ họp Quốc hội, Thư viện Quốc hội tổ chức tiếp nhận và trả lời các yêu cầu của ĐBQH tại Khu vực cung cấp thông tin được bố trí tại sảnh trước Hội trường Diên Hồng. ĐBQH có thể dễ dàng gửi yêu cầu và nhận lại thông tin, tài liệu. Ngoài ra, ĐBQH có thể truy cập và sử dụng hệ thống Thư viện số, Thư viện điện tử khai thác thông tin sẵn có của Thư viện Quốc hội ở mọi nơi, mọi lúc.

3.3.2 Cung cấp thông tin dự báo

Trên cơ sở Chương trình hoạt động hàng năm của QH và kết quả khảo sát nhu cầu thông tin của đại biểu QH, Thư viện Quốc hội chủ động tổ chức thực hiện các hoạt động nghiên cứu, điều tra, khảo sát xã hội, tổng hợp, biên dịch tài liệu tham khảo nước ngoài và thực hiện chính sách bổ sung sách, ấn phẩm nhằm chuẩn bị nguồn lực thông tin, chủ động cung cấp phục vụ nhu cầu tham khảo của ĐBQH và các cơ quan của QH.

Các loại hình thông tin dự báo bao gồm: Báo cáo nghiên cứu chuyên đề, Thông tin tham khảo nước ngoài; Báo cáo điều tra, khảo sát xã hội hoặc số liệu thống kê; Báo cáo kết quả Hội thảo, Tọa đàm khoa học; Tổng hợp ý kiến chuyên gia; Sách, ấn phẩm; Bài viết, bài nghiên cứu trên các tạp chí khoa học...

Thông tin chuyên đề: Đây là hình thức đặc trưng của hoạt động cung cấp thông tin hỗ trợ ĐBQH do Thư viện Quốc hội thực hiện. Nội dung các sản phẩm nghiên cứu, được thực hiện theo nhiều lĩnh vực của đời sống chính trị, kinh tế, xã hội... và được tập trung phân tích, tổng hợp cả về lý luận và thực tiễn cũng như kinh nghiệm của các nước trên thế giới nhằm cung cấp thêm thông tin, luận cứ, cơ sở khoa học hỗ trợ quá trình thảo luận, xem xét và quyết định chính sách, pháp luật của ĐBQH, các cơ quan của QH.

Báo cáo kết quả điều tra, khảo sát: hoạt động điều tra, khảo sát được Thư viện Quốc hội thực hiện nhằm cung cấp thông tin, số liệu độc lập, mang tính định lượng và ý kiến, kiến nghị cũng như nguyện vọng của cử tri về các chính sách, pháp luật do QH ban hành hoặc về những nội dung, vấn đề của dự thảo chính sách, pháp luật hoặc nghị quyết đang còn có những ý kiến, quan điểm khác nhau, qua đó góp phần hỗ trợ ĐBQH nắm bắt được xu hướng và mong muốn của người dân để có thể đưa ra các quyết định phù hợp.

Thông tin tham khảo nước ngoài: Thư viện Quốc hội sưu tầm và lựa chọn biên dịch thông tin về chính sách, văn bản luật, Hiến pháp của một số nước trên thế giới có liên quan đến chương trình hoạt động hằng năm của QH nước ta để cung cấp đến ĐBQH và các cơ quan của QH tham khảo. Thông tin tham khảo nước ngoài được thực hiện dưới hình thức dịch nguyên bản Hiến pháp hoặc các văn bản luật hoặc tổng hợp, so sánh chính sách, pháp luật của một số nước trên thế giới.

3.3.3 Cách thức yêu cầu cung cấp thông tin và sử dụng các dịch vụ thư viện

➤ Đối với dịch vụ cung cấp thông tin, nghiên cứu theo yêu cầu của ĐBQH và các cơ quan của QH: ĐBQH dùng tài khoản eoffice cá nhân đăng nhập vào **Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến** (<http://hht.quochoi.vn>; có thể dùng phiên bản máy tính và ứng dụng trên thiết bị di động); hoặc ĐBQH và các cơ quan của QH có thể gửi yêu cầu cung cấp thông tin về Thư viện Quốc hội qua: *Phiếu yêu cầu cung cấp thông tin; Công văn; Thư điện tử* (thuvienquochoi@quochoi.vn); hoặc *qua điện thoại* (080.41984).

➤ Đối với các sản phẩm thông tin, nghiên cứu dự báo: ĐBQH có thể lựa chọn trên giá tài liệu tại Khu vực cung cấp thông tin trong thời gian diễn ra các kỳ họp QH hoặc tại Phòng đọc Thư viện Quốc hội hoặc bản điện tử trên các phần mềm quản lý của Thư viện Quốc hội; Hệ thống cung cấp thông tin trực tuyến hoặc trên app QH được cài đặt trên thiết bị Ipad cung cấp cho ĐBQH;

➤ ĐBQH tra cứu, khai thác thông tin, mượn - trả sách, ấn phẩm, báo, tạp chí và tài liệu sẵn có trực tiếp tại *Phòng đọc Thư viện Quốc hội* (Phòng B1A2, tầng B1, Nhà Quốc hội);

➤ ĐBQH sử dụng máy tính hoặc kết nối thiết bị không dây để truy cập, tìm kiếm sách, ấn phẩm và đăng ký mượn – trả (đối với bản giấy); Tải thông tin, tài liệu, mượn – trả tài liệu số trên phần mềm Thư viện số hoặc các phần mềm quản lý khác Thư viện Quốc hội. Cụ thể như sau:

- Trang Thư viện truyền thống (KOHA - tìm kiếm, tra cứu thông tin về sách, ấn phẩm và tài liệu bản giấy): <https://thuvientruyenthong.quochoi.vn>;
- Trang Thư viện số (DSPACE - tìm kiếm, tra cứu thông tin về sách, ấn phẩm và tài liệu bản số): <https://thuvienso.quochoi.vn>;
- Phần mềm tìm kiếm tập trung (VUFIND) dùng để tìm kiếm tài liệu gồm cả bản giấy và bản số: <https://tracuutaptrung.quochoi.vn>;
- Phần mềm Mượn - Trả tài liệu số (phiên bản máy tính và ứng dụng di động): <https://muontailieuso.quochoi.vn>;
- Trang thông tin điện tử của Thư viện Quốc hội: <https://thuvien.quochoi.vn>;
- Trang lấy ý kiến nhân dân về các dự án luật và pháp lệnh: <http://duthaoonline.quochoi.vn>.

3.4 Hỗ trợ về phương diện tài chính

3.4.1 Các hỗ trợ tài chính chung cho đại biểu Quốc hội

Về hoạt động phí: ĐBQH được cấp hoạt động phí hằng tháng bằng hệ số 1,0 mức lương cơ sở. ĐBQH chuyên trách sẽ được trả lương, phụ cấp và các chế độ khác từ NSNN. ĐBQH không chuyên trách có hưởng lương hoặc trợ cấp từ NSNN hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội, trong thời gian thực hiện nhiệm

vụ đại biểu được người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi ĐBQH làm việc bảo đảm trả lương, phụ cấp và các chế độ khác. ĐBQH không hưởng lương (kể cả người hưởng lương hưu) hoặc hưởng trợ cấp hằng tháng từ NSNN hoặc từ quỹ bảo hiểm xã hội được hưởng thù lao tham gia hoạt động Quốc hội bằng hệ số 0,2 mức lương cơ sở/ngày, tính cho 120 ngày làm việc/năm. Khoản thù lao này do Đoàn ĐBQH nơi ĐBQH đang sinh hoạt chi trả¹.

Về chế độ thuê khoán thư ký giúp việc: ĐBQH có quyền thuê người thực hiện một hoặc một số việc của công tác thư ký. Người được thuê thực hiện công tác thư ký cho ĐBQH phải là người đang làm việc trong cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi ĐBQH làm việc. Mức khoán thuê thư ký giúp việc đối với ĐBQH hoạt động chuyên trách là bằng 100% của 2,34 mức lương cơ sở; đối với ĐBQH hoạt động không chuyên trách bằng 40% của 2,34 mức lương cơ sở².

Về chế độ chi mời chuyên gia: ĐBQH được mời chuyên gia nghiên cứu để phục vụ công tác đại biểu của mình. Ví dụ như, khi ĐBQH đang muốn trình kiến nghị và đề nghị về luật, pháp lệnh, hoặc đang mong muốn phát biểu ý kiến, thảo luận về các dự án luật, pháp lệnh, dự thảo nghị quyết... Định mức chi mời chuyên gia theo thỏa thuận bằng văn bản giữa ĐBQH và chuyên gia nhưng tối đa không quá 2.000.000 đồng/bài và không quá 50.000.000 đồng/đại biểu/năm. Riêng năm chuyển giao giữa hai nhiệm kỳ thì không quá 25.000.000 đồng/năm².

^{1, 2} Nghị quyết số 353/2017/UBTVQH14 ngày 17 tháng 4 năm 2017 quy định bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của ĐBQH

² Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của UBTVQH về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của QH

3.4.2 Các hỗ trợ tài chính cho công tác quyết định các vấn đề quan trọng của đại biểu Quốc hội

Tương tự như hoạt động lập pháp và hoạt động giám sát, hoạt động quyết định các VĐQTCĐN của Quốc hội được bảo đảm bằng kinh phí NSNN theo nguyên tắc bảo đảm đúng dự toán, đúng chế độ, định mức và các yếu tố đặc thù trong hoạt động của QH.

Quy định về lập dự toán, quản lý, sử dụng, quyết toán và các định mức, chế độ kinh phí cụ thể hỗ trợ ĐBQH trong công tác quyết định CVĐQTCĐN được quy định tại:

- Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của UBTVQH về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;
- Nghị quyết số 555/NQ-UBTVQH13 ngày 28/12/2012 của UBTVQH về việc thực hiện phụ cấp công tác ĐBQH chuyên trách;
- Nghị quyết số 353/2017/UBTVQH14 ngày 17/4/2017 của UBTVQH về việc quy định bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của ĐBQH;

3.5 Cơ quan hỗ trợ đại biểu Quốc hội trong hoạt động quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước

Theo quy định của pháp luật hiện hành, các cơ quan hỗ trợ QH, UBTVQH, các cơ quan của QH, ĐBQH trong hoạt động quyết định các VĐQTCĐN gồm có: TTKQH; VPQH, Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, Viện Nghiên cứu lập pháp.

SƠ ĐỒ 33

CÁC CƠ QUAN HỖ TRỢ ĐBQH TRONG HOẠT ĐỘNG QUYẾT ĐỊNH CVDQTCĐN



Tổng Thư ký Quốc hội

TTKQH do QH bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm.

Giúp việc cho TTKQH có Ban thư ký. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ, quyền hạn cụ thể của Ban thư ký do UBNDQH quy định.



Nhiệm vụ và quyền hạn

- ✓ Tham mưu cho Chủ tịch QH, UBNDQH về dự kiến chương trình làm việc; về quy trình, thủ tục thực hiện hoạt động của QH, UBNDQH;
- ✓ Là người phát ngôn của QH, UBNDQH;
- ✓ Tổ chức các nghiệp vụ thư ký tại kỳ họp QH, phiên họp UBNDQH;
- ✓ TTKQH - Chủ nhiệm VPQH quyết định những tài liệu tham khảo phục vụ đại biểu QH tại kỳ họp. (Khoản 2, Điều 97, Luật Tổ chức Quốc hội)
- ✓ Phối hợp với HĐDT, các UB của QH và các cơ quan, tổ chức hữu quan xây dựng dự thảo nghị quyết về các nội dung do QH, UBNDQH giao;
- ✓ Tổ chức công tác cung cấp thông tin, báo chí, xuất bản, thư viện, bảo tàng, ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ hoạt động của QH, các cơ quan của QH và ĐBQH;
- ✓ Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác do Chủ tịch QH, UBNDQH giao. (Điều 98, Luật tổ chức Quốc hội)



Văn phòng Quốc hội

VPQH là cơ quan giúp việc của QH.



Chức năng

- ✓ Nghiên cứu, tham mưu tổng hợp và tổ chức phục vụ các hoạt động của QH, UBTVQH, Chủ tịch QH, các Phó Chủ tịch QH².
- ✓ Nghiên cứu, tham mưu tổng hợp và tổ chức phục vụ hoạt động của HĐDT, các UB của QH, các Ban của UBTVQH.



Nhiệm vụ

“Phục vụ Quốc hội quyết định những chính sách cơ bản và ban hành những nghị quyết, quyết định về kinh tế-xã hội, ngân sách nhà nước, công trình quan trọng quốc gia, quốc phòng, an ninh, đối ngoại, về tổ chức và nhân sự nhà nước thuộc thẩm quyền của Quốc hội”; “Phục vụ Ủy ban thường vụ Quốc hội công bố và chủ trì việc bầu cử đại biểu Quốc hội; công bố việc bầu cử đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp”.

(Nghị quyết số 417/2003/NQ-UBTVQH11 ban hành ngày 1 tháng 10 năm 2003 của UBTVQH về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của VPQH)



Viện Nghiên cứu lập pháp

VNCLP là cơ quan thuộc UBTVQH.



Chức năng

- ✓ Nghiên cứu khoa học lập pháp, tổ chức thông tin khoa học lập pháp để tham mưu chính sách, tư vấn, hỗ trợ, phục vụ QH, các cơ quan của QH, các cơ quan thuộc UBTVQH và ĐBQH trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của QH.
- ✓ Giúp UBTVQH quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học trong các cơ quan của QH, các cơ quan thuộc UBTVQH và VPQH.



Nhiệm vụ

“Chủ động hoặc theo yêu cầu của QH, các cơ quan của QH, các cơ quan thuộc UBTVQH và ĐBQH thực hiện nghiên cứu, tổ chức nghiên cứu cơ sở lý luận, thực tiễn những vấn đề liên quan đến việc QH thực hiện quyền lập hiến, quyền lập pháp, quyết định các vấn đề quan trọng của đất nước và Giám sát tối cao đối với hoạt động của Nhà nước”;

(Nghị quyết số 1050/2015/UBTVQH13 ban hành ngày 09 tháng 10 năm 2015 của UBTVQH về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của VNCLP)



Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh

Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh là cơ quan tương đương Sở, chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Trưởng đoàn, Phó Trưởng Đoàn ĐBQH và Thường trực Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.



Chức năng

Tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Đoàn ĐBQH, ĐBQH và Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.



Nhiệm vụ

“Phối hợp phục vụ hoạt động của Đoàn đại biểu Quốc hội, đại biểu Quốc hội tại kỳ họp Quốc hội; giúp đại biểu Quốc hội tham gia hoạt động của Hội đồng Dân tộc, Ủy ban của Quốc hội mà đại biểu là thành viên và các hoạt động khác của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, các cơ quan của Quốc hội, các cơ quan thuộc Ủy ban Thường vụ Quốc

(Nghị quyết 1004/2020/UBTVQH14 quy định trách nhiệm của Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh)

Bên cạnh việc tìm kiếm sự hỗ trợ về nguồn nhân lực từ VPQH, Viện Nghiên cứu lập pháp, Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, ĐBQH được quyền thuê nhân lực giúp ĐBQH thực hiện một số việc của công tác thư ký. Nội dung công tác thư ký giúp việc cho ĐBQH bao gồm: xây dựng Kế hoạch công tác; tiếp nhận, chuẩn bị tài liệu, công văn, liên lạc với cử tri nơi ứng cử; truyền đạt, theo dõi, đôn đốc việc thực hiện ý kiến đề nghị của ĐBQH và một số công việc hành chính khác tại cơ quan, tổ chức, đơn vị nơi ĐBQH làm việc.

Bên cạnh đó, ĐBQH có thể thuê hoặc nhờ sự giúp đỡ từ các chuyên gia có chuyên môn sâu liên quan tới công tác quyết định các VĐQTCĐN mà đại biểu đang quan tâm, dự kiến phát biểu, thảo luận. Ví dụ như, khi ĐBQH đang muốn thảo luận về một VĐQTCĐN hoặc đang mong muốn phát biểu ý kiến, thảo luận về vấn đề liên quan, thì ngoài các thông tin được cung cấp bởi cơ quan trình, hoặc được cung cấp bởi Thư viện Quốc hội... ĐBQH có thể tìm đến sự hỗ trợ từ các chuyên gia đầu ngành, các nhà nghiên cứu...

3.6 Hỗ trợ về hành chính

Để đảm bảo cho hoạt động của ĐBQH thì mảng công việc hành chính, hậu cần được coi là một trong những phần việc quan trọng, thường xuyên được quan tâm trong hoạt động của VPQH.

Về công tác hành chính, văn thư – lưu trữ, Vụ Hành chính, VPQH là cơ quan trực tiếp có nhiệm vụ tổ chức công tác hành chính, văn thư, in ấn, lưu trữ phục vụ cho hoạt động của Quốc hội, UBTVQH, các cơ quan của Quốc hội, ĐBQH nói chung và phục vụ các hoạt động quyết định CVĐQTCĐN nói riêng.

Ngoài ra, ĐBQH còn được trang bị đầy đủ điều kiện, cơ sở vật chất để thực hiện nhiệm vụ đại biểu của mình trong đó có việc tham gia vào hoạt động quyết định CVĐQTCĐN của Quốc hội. Ví dụ như, ĐBQH được trang bị máy tính xách tay, Ipad, các phương tiện khác, Công báo, báo Nhân dân, các loại báo địa phương, báo Đại biểu nhân dân, báo Kiểm toán...

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1) Hiến pháp;
- 2) Luật Tổ chức Quốc hội, Luật số 57/2014/QH13 ban hành ngày 20 tháng 11 năm 2014;
- 3) Luật ĐƯQT, Luật số: 108/2016/QH13 ban hành ngày 09 tháng 4 năm 2016
- 4) Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Quốc hội, Luật số 65/2020/QH14, ban hành ngày 19 tháng 6 năm 2020.
- 5) Luật NSNN, Văn bản hợp nhất Số: 06/VBHN-VPQH của VPQH ngày 15 tháng 7 năm 2020;
- 6) Luật Đầu tư công, Văn bản hợp nhất Số: 18/VBHN-VPQH của VPQH ngày 15 tháng 7 năm 2020;
- 7) Nghị quyết số 417/2003/NQ-UBTVQH11 ngày 1/10/2003 của UBTVQH về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội;
- 8) Nghị quyết số 524/2012/UBTVQH13 ngày 20/9/2012 của UBTVQH Quốc hội về một số chế độ chi tiêu bảo đảm hoạt động của Quốc hội;
- 9) Nghị quyết số 555/NQ-UBTVQH13 ngày 28/12/2012 của UBTVQH Quốc hội về việc thực hiện phụ cấp công tác ĐBQH chuyên trách;

10) Nghị quyết số 618/2013/UBTVQH13 ngày 10 tháng 7 năm 2013 của UBTVQH về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 417/2003/NQ-UBTVQH11 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Văn phòng Quốc hội;

11) Nghị quyết số 1050/2015/UBTVQH13 ngày 09 tháng 10 năm 2015 của UBTVQH về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Viện Nghiên cứu lập pháp;

12) Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 1 năm 2017 Quy định về lập, thẩm tra, quyết định Kế hoạch tài chính 05 năm quốc gia, Kế hoạch ĐTC trung hạn 05 năm quốc gia, Kế hoạch tài chính - NSNN 03 năm quốc gia, dự toán NSNN, phương án phân bổ NSTW và phê chuẩn quyết toán NSNN hằng năm

13) Nghị quyết số 174/2020/UBTVQH14 ngày 13 tháng 7 năm 2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết 343/2017/UBTVQH14 ngày 19 tháng 1 năm 2017;

14) Nghị quyết số 351/2017/UBTVQH14 ngày 14 tháng 3 năm 2017 của UBTVQH quy định thể thức và kỹ thuật trình bày VBQPPL của Quốc hội, UBTVQH, Chủ tịch nước;

15) Nghị quyết 353/2017/UBTVQH14 của UBTVQH ngày 17 tháng 4 năm 2017 về bổ sung một số chế độ và điều kiện bảo đảm hoạt động của ĐBQH;

16) Nghị quyết 1004/2020/UBTVQH14 ngày 18/09/2020 quy định trách nhiệm của Văn phòng Đoàn ĐBQH và Hội đồng nhân dân cấp tỉnh;

17) Nội quy kỳ họp Quốc hội, được ban hành kèm theo Nghị quyết số 102/2015/QH13 ngày 24/11/2015 của Quốc hội

18) Trung tâm Bồi dưỡng đại biểu dân cử, Văn phòng Quốc hội, “ĐBQH – những điều cần biết”, Hà Nội, năm 2011;

19) GS.TSKH Nguyễn Ngọc Trân, “Về kỹ năng của người đại biểu dân cử”, NXB Lao động, năm 2016;

20) Nguyễn Thị Bạch Mai, “Kỹ năng phân tích chính sách”, xem tại: <http://www.ttbd.gov.vn/>, truy cập ngày 10 tháng 6 năm 2021;

21) Trần Thị Quốc Khánh, ĐBQH khóa XIII, “Quá trình thu thập, nghiên cứu và xử lý thông tin, tài liệu khi thực hiện quyền sáng kiến pháp luật của ĐBQH”, Diễn đàn chính sách về thu thập, phân tích và xử lý thông tin tham khảo trong hoạt động của ĐBQH do Văn phòng Quốc hội phối hợp với USAID GIG tổ chức tại Tam Đảo, Vĩnh Phúc ngày 15-16/6/2016;

22) PGS.TS. Lê Bộ Lĩnh và ThS. Dương Thùy Dung, “Nâng cao chất lượng hoạt động quyết định các VĐQTCĐN tại kỳ họp Quốc hội”, Tạp chí Nghiên cứu Lập pháp số 01 (425), tháng 1/2021.



NHÀ XUẤT BẢN THANH NIÊN

64 Bà Triệu - Hà Nội - ĐT: (024) 62631704
Website: nxbthanhnien.vn; Email: info@nxbthanhnien.vn
Chi nhánh: 145 Pasteur, P.6, Q3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: (028) 39106963.

ĐẠI BIỂU QUỐC HỘI TRONG QUY TRÌNH QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ QUAN TRỌNG CỦA ĐẤT NƯỚC

CHỊU TRÁCH NHIỆM XUẤT BẢN:

Giám đốc - Tổng Biên tập: Lê Thanh Hà
Biên tập: Chu Quang Khánh
Bìa & Trình bày: Giang An

THIẾT KẾ ĐỒ HỌA

Nguyễn Trần Bình
Vũ Thị Hoàn
Nguyễn Thị Hiền

SỬA BẢN IN

Lê Hoàng Anh
Trịnh Ngọc Cường
Nguyễn Thị Hải Hà
Trần Thị Thúy

In 800 cuốn, khổ 16 x 24 cm, tại Công ty TNHH In Thương
Mại và xây dựng Nhật Quang. Địa chỉ: 967 đường La Thành,
phường Ngọc Khánh, quận Ba Đình, TP Hà Nội.
Số xác nhận XB: 2456-2021/CXBIPH/58-89/TN,
theo QĐXB Số: 1377/QĐ-NXBTN, ngày 16/7/2021
In xong và nộp lưu chiểu năm 2021.



Ấn phẩm này được thực hiện với sự hỗ trợ kỹ thuật của Dự án “Tăng cường năng lực cung cấp thông tin và nghiên cứu phục vụ các đại biểu Quốc hội và công chức của Văn phòng Quốc hội vì mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững tại Việt Nam” do Tổ chức Hanns Seidel Foundation (HSF) tại Việt Nam tài trợ.

TRANG THÔNG TIN VÀ CÔNG CỤ TRỰC TUYẾN CỦA THƯ VIỆN QUỐC HỘI

- Thông tin điện tử: <http://thuvien.quochoi.vn>
- Thư viện truyền thống: <http://thuvientruyenthong.quochoi.vn>
- Thư viện số: <http://thuvienso.quochoi.vn>
- Tìm kiếm tài liệu (bản giấy và bản số): <https://tracuutaptrung.quochoi.vn>
- Mượn trả tài liệu số: <http://muontailieuso.quochoi.vn>
- Cung cấp thông tin trực tuyến phục vụ đại biểu Quốc hội: <http://hht.quochoi.vn>
- Lấy ý kiến nhân dân về dự thảo luật: <http://duthaoonline.quochoi.vn>



Điện thoại: **080.41459-41984**

Email : thuvienquochoi@quochoi.vn

Địa chỉ : Thư viện Quốc hội

Nhà Quốc hội, đường Độc Lập, Ba Đình, Hà Nội

ISBN: 978-604-334-898-9



SÁCH KHÔNG BÁN